Sử liệu về Xá-lợi Răng Phật [Dāṭhāvaṃsa] (TK Indacanda dịch)

Lịch sử Phật giáo

SÁCH SONG NGỮ PĀLI VIỆT

SỬ LIỆU VỀ
XÁ-LỢI RĂNG PHẬT
(DĀTHĀVAMSA)
Nguyên tác Pāli: Dhammakitti Rājaguru Thera
Lời tiếng Việt: Indacanda Bhikkhu
(Trương đình Dũng)
SRI JAYAWARDHANARAMAYA COLOMBO – 2005

ii

MỤC LỤC *****

PHẦN GIỚI THIỆU

CHƯƠNG 1: Câu kệ 1-10: Nhân duyên của việc thực hiện tác phẩm. Câu kệ 11- 22: Bồ Tát Sumedha phát nguyện thành Phật. Câu kệ 23- 39: Bồ Tát Siddhattha xuất gia và chứng đắc quả vị Phật. Câu kệ 40- 62: Thọ hưởng lạc giải thoát và chuyển vận Pháp Luân.

CHƯƠNG 2: Câu kệ 1-9: Đức Phật ngự đến đảo Laṅkā lần thứ nhất. Câu kệ 10-18: Đức Phật ngự đến đảo Laṅkā lần thứ nhì. Câu kệ 19-28: Đức Phật ngự đến đảo Laṅkā lần thứ ba. Câu kệ 29-38: Đức Phật Niết Bàn. Câu kệ 39-49: Lễ hỏa táng. Câu kệ 50-57: Phân phối xá-lợi Phật. Xá-lợi răng bên trái được vị trưởng lão Khema trao cho đức vua Brahmadatta thành Dantapura của xứ Kaliṅga (Ấn Độ). Câu kệ 58-72: Các triều vua kế vị cho đến đức vua Guhasīva. Câu kệ 73-89: Sự chuyển hóa đức tin của đức vua Guhasīva. Câu kệ 90-108: Đức vua Guhasīva thuyết Pháp độ đức vua Cittayāna. Câu kệ 109- 124: Xá-lợi răng Phật thị hiện thần thông.

CHƯƠNG 3: Câu kệ 1-8: Xá-lợi răng Phật được đưa đến Pāṭaliputta. Câu kệ 9-25: Các đạo sĩ lõa thể xúi giục đức vua Paṇḍu thử thách xá-lợi. Câu kệ 26-53: Cháu cố của nam cư sĩ Anāthapiṇḍika tán dương đức Phật. Câu kệ 54-69: Xá-lợi thị hiện thần thông. Câu kệ 70-97: Đức vua Paṇḍu sanh khởi niềm tin.

iii

CHƯƠNG 4: Câu kệ 1-6: Xá-lợi răng Phật được rước về lại thành Dantapura. Câu kệ 7-13: Cuộc chiến tranh đoạt xá-lợi răng Phật. Câu kệ 14-23: Đức vua Guhasīva trao xá-lợi răng Phật cho con gái và người rể để di chuyển đến xứ Sīhaḷa. Câu kệ 24-27: Sự gặp gỡ vị trưởng lão. Câu kệ 28-38: Long Vương Paṇḍubhāra đoạt lấy xá-lợi. Câu kệ 39-45: Lên thuyền ra khơi. Câu kệ 46-53: Các loài rồng giữ thuyền lại để cúng dường bảy ngày đêm. Câu kệ 44-56: Cập bến ở xứ Laṅkā nhờ công đức của vị trưởng lão.

CHƯƠNG 5: Câu kệ 01-09: Xá-lợi được rước vào tu viện Meghagiri. Câu kệ 10-22: Đức vua và toàn thể dân chúng đón rước xá-lợi. Câu kệ 23-33: Sự diệu kỳ của xá-lợi răng Phật. Câu kệ 34-63: Xá-lợi ngự đến khu vực phía bắc thành Anurādhapura. Câu kệ 64-69: Lễ hội hàng năm được quy định thành truyền thống.

BÀI KỆ GIỚI THIỆU TÁC GIẢ: Câu kệ 01-07: Bài kệ tự thuật tiểu sử của tác giả.

--ooOoo--

iv

PHẦN GIỚI THIỆU *****

Tác phẩm Dāṭhāvaṃsa cung cấp sử liệu về xá-lợi răng bên trái của đức Phật. Xá-lợi răng này đã được vị hiền triết Khema nhặt lấy tại lễ hỏa táng nhục thân của đức Thế Tôn ở Kusinārā rồi đã tặng cho đức vua Brahmadatta ở thành Dantapura xứ Kaliṅga (Chương II: câu kệ 52). Sau đó, xá-lợi răng này đã được công chúa Hemamālā con vua Guhasīva cùng với chồng là hoàng tử Danta đưa đến hòn đảo Laṅkā vào năm thứ chín dưới triều đức vua Kittisirimegha (308 sau công nguyên), và đã được đức vua cùng dân chúng tiếp rước long trọng (V: 1). Sau đó, xá-lợi đã ngự đến tu viện Abhayuttara và được thờ phượng tại đó (V: 67).

Xá-lợi răng Phật này là vật biểu tượng cho vương quyền và là đối tượng chiêm bái linh thiêng nhất của đảo Laṅkā, hiện đang được thờ phụng tại Daladā Māligawa (nghĩa là Điện Thờ Xá Lợi Răng), ở Kandy. Lễ hội chiêm bái Xá-lợi Răng Phật được tổ chức rầm rộ vào khoảng tháng Bảy/Tám mỗi năm.

Theo lời tự thuật của tác giả ở phần đầu (I: 4-9), tác phẩm này được ghi lại theo lời thỉnh cầu của vị thống lãnh quân đội tên Parakkama là người đã ủng hộ Hoàng Hậu Līlāvatī lên ngôi trị vì xứ sở vào năm 1211; do đó thời điểm thực hiện tác phẩm này được ước định vào giai đoạn trên. Dựa vào phần kết thúc, được biết tác giả là vị trưởng lão Dhammakitti là giáo thọ sư của đức vua (rājaguru) và là đệ tử của Ngài Sāritanuta (một cách gọi khác của tên Sāriputta) danh tiếng ở vào triều đại của vua Parakamabāhu I (1153-1186). Đồng thời cũng được biết thêm về các công trình biên soạn khác của vị ấy gồm có: Sớ Giải (Ṭīkā) Ratnamatipañcikā cho tập văn phạm Saṅskrit nổi tiếng Candravyākaraṇa của tác giả Candagomī, Sớ Giải Sāratthadīpanī cho bản Chú Giải Luật Samantapāsādikā, Sớ Giải Sāratthamañjūsā cho bộ Chú Giải của Kinh Tăng Chi, và tập sách tên là Vinayasaṅgaha.

v

Về hình thức, tác phẩm này được thực hiện dựa theo lối trường thi (tương tợ như thể Mahākāvya của ngôn ngữ Sanskrit) gồm có 415 câu kệ (gāthā). Mỗi câu kệ được ghi thành 2 dòng và được chia làm 4 pāda; thông thường mỗi câu kệ như vậy là một câu văn hoàn chỉnh về phương diện văn phạm.

Về nội dung, tác phẩm này có đề cập đến việc đức Phật đã ngự đến hòn đảo Laṅkā ba lần: Lần thứ nhất vào tháng thứ chín tính từ lúc chứng quả Toàn Giác, đức Phật đã ngự

đến Mahiyaṅgana để khuất phục các dạ-xoa (II: 1-9). Lần thứ nhì vào ngày Uposatha thuộc hạ huyền của tháng Citta (tương đương ngày 30 tháng Ba âm lịch) vào năm thứ năm tính từ lúc chứng quả Toàn Giác, Ngài đã ngự đến Nāgadīpa để giải quyết sự tranh chấp giữa hai vị Long Vương về ngôi bảo tọa bằng ngọc ma-ni (II: 10-18). Lần thứ ba vào ngày Rằm tháng Vesākha (tương đương rằm tháng Tư âm lịch) của năm thứ tám tính từ lúc chứng quả Toàn Giác, Ngài đã ngự đến Kalyāṇi (nay là Kelani Vihāra ở thủ đô Colombo) theo lời mời của Long Vương Maṇi-akkhika (II: 19-28). Thêm vào đó còn có những câu chuyện kể sống động về sự huyền diệu của xá-lợi Phật, cũng như niềm tin và thái độ sùng kính của người dân trên đảo đối với di sản quý báu này của đức Phật.

Về phương thức trình bày, chúng tôi đã ghi lại các câu kệ thơ Pāli bằng dạng chữ nghiêng xen kẽ với lời dịch Việt theo lối văn xuôi bằng dạng chữ đứng; mỗi câu kệ Pāli tương đương với hai hoặc ba dòng văn Việt được trình bày thành từng đoạn tách biệt. Đôi chỗ, hai câu kệ hoặc nhiều hơn được dịch chung thành một đoạn dựa theo tính chất hoàn chỉnh về văn phạm hoặc về ý nghĩa của chúng. Các câu đối thoại khi được dịch sang tiếng Việt được trình bày bằng dạng chữ nghiêng trong ngoặc kép. Chúng tôi trình bày song ngữ như vậy với các dụng ý sau: Giúp cho độc giả người Việt có được văn bản Pāli để tham khảo lúc cần thiết, đồng thời cũng thuận tiện cho quý độc giả trong việc kiểm tra lại chất lượng của lời dịch Việt. Một điều cần lưu ý là trong văn bản Pāli này, chúng tôi đã không tách rời các cụm từ đã được liên kết lại theo quy luật Sandhi nên có những dòng chữ chiếm trọn một hàng hoặc hơn.

Về nguyên tác Pāli, chúng tôi cũng xin ghi lại nguồn trích dẫn đã được chúng tôi sử dụng để quý vị tiện việc sao lục:

vi

1/- The Dāṭhāvaṃsa (in Devanāgarī characters). Ed. and trans. Bimala Charan Law. Lahore: Motilal Banarsi Das, 1925. 2/- The Dāṭhāvaṃsa from Sir Coomara Swamy's edition in Sinhalese, Dr. Morris' transliteration in Roman characters. "Journal of Pali Text Society 1884." London: Pali Text Society, 1978. 109-151. 3/- Dāṭhāvaṃso. CD Rom Chaṭṭhasaṅgāyana, version 3.0. Vipassana Research Institute, 1999.

Mục đích của chúng tôi trong khi nghiên cứu tài liệu này nhằm tìm hiểu văn phong Pāli qua các thời kỳ khác nhau nên thời gian đầu tư cho công việc ghi lại tiếng Việt của tài liệu này rất hạn chế, vì thế không tránh khỏi những điều thiếu sót. Ngưỡng mong quý độc giả niệm tình hỷ xả. Mọi sự góp ý phê bình xin email về: indacanda@gmail.com.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin thành tâm ghi nhận công đức của Ven. Bodhinanda (Canada) đã cung cấp văn bản Pāli dạng mẫu tự Devanāgarī, đồng thời chân thành tán dương sự sách tấn và ủng hộ của quý vị hữu ân: Sư Cô Diệu Linh, Sư Cô Hạnh Bửu, Sư Cô Liễu Pháp, Dr. Bình Anson, Bà Ba Diệu Đài, Cô Sáu Dép và các con Phạm Thị Thi, Phạm Xuân Lan, Phạm Thu Lan, Phạm Thông Hải, Cô Tư Khánh Huy, Cô Lê Thị Huế, Cô Ngô Kim Chi, gia đình Trương Tuyết Anh, v.v... Thành tâm cầu chúc quý vị luôn giữ

vững niềm tin và thành tựu được nhiều kết quả trong công việc tu tập giải thoát và hộ trì Tam Bảo.

Công đức này xin dâng đến Hòa Thượng trụ trì chùa Sri Jayawardhanaramaya, Colombo, Tích Lan, đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho chúng tôi trong công việc tu học và nghiên cứu Phật Pháp thời gian qua.

Mong sao hết thảy chúng sanh đều được tiến hóa trong ánh hào quang của Chánh Pháp.

Colombo, ngày 02 tháng 05 năm 2005

Bhikkhu Indacanda

(Trương đình Dũng)

vii

DĀṬHĀVAṂSA

SỬ LIỆU VỀ

XÁ LỢI RĂNG PHẬT

*****

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa. Kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, đấng Chánh Biến Tri!

******

PAṬHAMO PARICCHEDO CHƯƠNG THỨ NHẤT 1/- Visāradaṃ vādapathātivattinaṃ tilokapajjotamasayhasāhinaṃ, asesañeyyāvaraṇappahāyinaṃ namāmi satthāramanantagocaraṃ. Tôi xin đảnh lễ bậc Đạo Sư. Ngài là đấng trí tuệ, vượt trên ngôn từ diễn đạt, là ngọn đèn sáng soi tam giới, là vị kham nhẫn việc khó khăn, là vị đã đoạn tận si mê không còn dư sót, và là vị có được năng lực vô biên.

2/- Tilokanāthappabhavaṃ bhayāpahaṃ visuddhavijjācaraṇehi sevitaṃ, papañcasaññojanabandhanacchidaṃ namāmi dhammaṃ nipuṇaṃ sududdasaṃ. Tôi xin đảnh lễ Giáo Pháp vi tế, cao siêu, là cội nguồn của sự hộ trì tam giới, là sự xua đi nỗi lo sợ, là pháp đoạn trừ những sự trói buộc và các điều phiền toái, được các bậc có trí tuệ và đạo đức thanh tịnh thực hành.

3/- Pasādamattena pi yattha pāṇino phusanti dukkhakkhayamaccutaṃ padaṃ, tamāhuneyyaṃ susamāhitindriyaṃ namāmi saṅghaṃ munirājasāvakaṃ.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhất

Tôi xin đảnh lễ Hội Chúng đệ tử của đấng Mâu Ni. Các ngài có các giác quan hoàn toàn tập trung và là đối tượng xứng đáng cúng dường hạng nhất. Nhờ các ngài mà chúng sanh có được niềm tin vào đạo lộ Bất Tử và sự đoạn tận khổ đau.

4/- Vibhūsayaṃ kāḷakanāgaranvayaṃ parakkamo kāruṇiko camūpati, gavesamāno jinasāsanassa yo virūḷhimatthañca janassa patthayaṃ. Bản thân vị thống lãnh quân đội nhân từ Parakkama là tinh hoa của dòng dõi Kāḷakanāga và là người đang ra sức thực hiện điều ước muốn của dân chúng, tức là sự tấn hóa và sự lợi ích trong Giáo Pháp

của đấng Chiến Thắng.

5/- Sudhāmayūkhāmalapaṇḍuvaṃsajaṃ virūḷhasaddhaṃ munirājasāsane, piyaṃ vadaṃ nītipathānuvattinaṃ sadā pajānaṃ janikaṃ va mātaraṃ. 6/- Piyaṃ parakkantibhujassa rājino mahesimaccunnatabuddhisampadaṃ, vidhāya līlāvatimicchitatthadaṃ asesalaṅkātalarajjalakkhiyaṃ. Vị ấy đã củng cố ngôi vị hoàng hậu cho nàng Līlāvatī. 1 Nàng là người có sự thông minh tột đỉnh, có khả năng ban cho các điều lợi lạc đang được mong cầu, được nổi danh khắp cả toàn cõi vương quốc Laṅkā, và là người yêu dấu của đức vua Parakkamabāhu. Nàng sanh ra trong dòng dõi Paṇḍu tinh khiết, rạng rỡ, không chút bợn nhơ, có niềm tin vững chắc vào Giáo Pháp của đấng Mâu Ni Vương, có lời nói ngọt ngào và cách cư xử lịch thiệp, luôn được tôn sùng là bậc mẫu nghi của thiên hạ.

7/- Kumāramārādhita-sādhumantinaṃ mahādayaṃ paṇḍunarindavaṃsajaṃ, vidhāya saddhaṃ madhurindanāmakaṃ susikkhitaṃ pāvacane kalāsu ca.

1 Vào khoảng năm 1211 sau công nguyên (ND).

Vị ấy đã củng cố ngôi vị thái tử cho Madhurinda là người đã được sanh ra trong dòng tộc vua chúa Paṇḍu, vô cùng nhân hậu, đã thành tựu mọi điều tốt lành, có đức tin, đã học tập thành thạo kinh điển và các học nghệ.

8/- Narindasuññaṃ sucirantisīhaḷaṃ itippatītaṃ ayasaṃ apānudi, ciraṃ paṇītena ca cīvarādinā susaññate saṃyamino atappayi. Parakkama đã xua đi nỗi ô danh gán cho xứ Sīhaḷa 1 là “Lâu lắm rồi không có người lãnh đạo” và luôn hài lòng về các sự đơn giản, khéo tiết chế đối với vật dụng sang trọng như là y phục, v.v...

9/-Ciraṭṭhitiṃ pāvacanassa icchatā kataññunā vikkamabuddhisālinā, satīmatā candimabandhukittinā sagāravaṃ ten’abhiyācito ahaṃ. Là người có danh tiếng thuộc dòng dõi mặt trăng, có sự lưu tâm, có lòng tri ân, có sức mạnh và trí tuệ, vị ấy đã trân trọng thỉnh cầu với tôi vì lòng mong mỏi Giáo Pháp được tồn tại lâu dài.

10/- Sadesabhāsāya kavīhi sīhaḷe katampi vaṃsaṃ jinadantadhātuyā, niruttiyā māgadhikāya vuddhiyā karomi dīpantaravāsinaṃ api. Mặc dầu các nhà thơ xứ Sīhaḷa đã thực hiện bằng ngôn ngữ địa phương, tôi cũng vẫn ghi lại lịch sử xá-lợi răng của đấng Chiến Thắng bằng ngôn ngữ của xứ Magadha vì lợi ích của các cư dân không ở trên đảo.

11/- Jīno yamiddhe amaravhaye pure kadāci hutvāna sumedhanāmako, savedavedaṅgavibhāgakovido mahaddhane vippakulamhi mānavo. Vào một thuở nọ, đấng Chiến Thắng là thanh niên Bà-la-môn tên Sumedha thuộc gia đình Bà-la-môn giàu có ở trong thành phố tráng lệ gọi là Amara, là người rành rẽ việc phân tích các kinh Vệ Đà và các phần chi tiết của kinh Vệ Đà. 1 Tức là nước Sri Lanka ngày nay. Tên gọi trước đây là Ceylon, được dịch âm là Tích Lan.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhất

12/- Ahaṃ hi jātibyasanena pīḷito jarābhibhūto maraṇena otthaṭo, sivaṃ padaṃ jātijarādinissaṭaṃ gavessayissaṃ'ti raho vicintiyā. Sumedha trong lúc ở nơi thanh vắng đã suy tư rằng: "Ta đây đang bị hành hạ do nỗi bất hạnh của sự sanh, phải trải qua sự già, và bị chế ngự bởi sự chết. Ta cần tầm cầu đạo lộ tốt đẹp thoát khỏi sự sanh, sự già, v.v..."

13/- Anekasaṅkhaṃ dhanadhaññasampadaṃ patiṭṭhapetvā kapaṇesu duccajaṃ, anappake pemabharānubandhino vihāya mitte ca sute ca bandhave. Chàng trai đã trao lại số lượng lớn về vật sở hữu khó dứt bỏ là tài sản và thóc gạo cho những người khốn khổ rồi đã xa lìa số đông bạn bè, con cái, thân quyến, và các vật thân yêu gần gũi.

14/- Pahāya kāme nikhile manorame gharābhinikkhamma himācalantike, mahīdharaṃ dhammikanāmavissutaṃ upecca nānātarurājibhūsitaṃ. Sau khi từ bỏ toàn bộ các thú vui trong dục lạc, chàng trai đã rời khỏi gia đình đi đến ngọn núi danh tiếng tên Dhammika được tô điểm với vô số cây cối các loại, ở gần dãy Hi-mã-lạp-sơn.

15/- Manonukūle surarājanimmite asammigānaṃ agatimhi assame, nivattacīro ajinakkhipaṃ vahaṃ jaṭādharo tāpasavesamaggahi. Vị ấy đã khoác lên bộ dạng của người đạo sĩ khổ hạnh choàng da thú, là vị mang tóc bện, có y phục bằng vỏ cây, ở khu ẩn cư thích hợp không có thú dữ lai vãng do vị Thiên Vương biến hóa thành.

16/- Susaññatatto parimāritindriyo phalāphalādīhi pavattayaṃ tanuṃ, gato abhiññāsu ca pāramiṃ vasī tahiṃ samāpattisukhaṃ avindi so.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhất

Với bản thân khéo thu thúc, các giác quan được hộ trì toàn diện, và cơ thể được nuôi dưỡng bằng nhiều loại trái cây, v.v... vị ấy sống ở nơi ấy tầm cầu sự hướng thượng trong các thắng trí và sự an lạc của thiền định.

17/- Susajjite rammapurādhivāsinā mahājanenattamanena añjase, pathappadese abhiyantamattano aniṭṭhite yeva sumedhatāpaso. 18/- Agādhañeyyodadhipāradassinaṃ bhavantaguṃ nibbanathaṃ vināyakaṃ, anekakhīṇāsavalakkhasevitaṃ kadāci dīpaṅkarabuddhamaddasa. Khi con đường đã được đám đông dân chúng cư ngụ tại thành phố Ramma trang hoàng sửa soạn với niềm hân hoan, thì khu vực con đường do chính bản thân Sumedha yêu cầu còn chưa được hoàn tất. Vào lúc ấy, đạo sĩ Sumedha đã nhìn thấy đức Phật Dīpaṅkara là vị lãnh đạo đã thành tựu sự chấm dứt của tái sanh, không còn dục vọng, có trí tuệ vô biên, đã đạt đến bờ giải thoát, đang được tháp tùng bởi hàng trăm ngàn bậc Lậu Tận.

19/- Tato sasaṅghassa tilokabhattuno pariccajitvāna tanumpi jīvitaṃ, pasārayitvāna jaṭājinādikaṃ vidhāya setuṃ tanumeva pallale. Lúc ấy, sau khi (nguyện) cống hiến mạng sống và thân xác đến bậc Hộ Trì tam giới và hội chúng (tỳ khưu), đạo sĩ Sumedha đã trải ra bện tóc và các tấm da thú, v.v..., rồi dùng chính thân thể của mình làm thành cây cầu bắc qua bãi lầy.

20/- Anakkamitvā kalalaṃ mahādayo sabhikkhuko gacchatu piṭṭhiyā iti, adhiṭṭhahitvāna nipannako tahiṃ anāthametaṃ tibhavaṃ samekkhiya. Sau khi suy

xét về Tam Giới này là không có người lãnh đạo, Sumedha đã phát nguyện rằng: “Xin Ngài cùng với các vị tỳ khưu tràn đầy lòng bi mẫn hãy bước ở trên lưng, chớ có đi vào bãi lầy,” rồi đã nằm xuống ở nơi ấy.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhất

21/- Dayāya sañcoditamānaso jane bhavaṇṇavā uddharituṃ dukhaddite, akāsi sambodhipadassa pattiyā mahābhinīhāramudaggavikkamo. Với tâm tràn ngập lòng bi mẫn, vị ấy với sự nỗ lực cao cả đã thực hiện lời phát nguyện lớn lao cho việc chứng đạt đạo lộ của bậc Toàn Giác nhằm đưa chúng sanh đang bị khổ đau đọa đày ra khỏi đại dương của hiện hữu.

22/- Atho viditvā vasino tamāsayaṃ adāsi so vyākaraṇaṃ mahāmunī, tato puraṃ tamhi tathāgate gate sayaṃ vasī sammasi pāramīguṇe. Và khi biết được ý định ấy của đạo sĩ Sumedha, bậc Đại Hiền Triết ấy đã ban cho lời chú nguyện. Sau đó, đức Như Lai ấy đã đi vào thành phố, còn bản thân vị đạo sĩ đã suy xét về các đức tính của các pháp toàn hảo.

23/- Tato ca kappānamalīnavikkamo asaṅkhiye so caturo salakkhake, tahiṃ tahiṃ jātisu bodhipācane visuddhasambhāraguṇe apūrayi. Từ đó trở đi, trong nhiều lần tái sanh ở nơi này nơi khác cho việc làm chín muồi sự giác ngộ trong bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp, đức Bồ Tát với sự nỗ lực không mệt mỏi đã làm tròn đủ các đức hạnh thanh cao và cần thiết.

24/- Athābhijāto tusite mahāyaso visuddhasambodhipadopaladdhiyā, udikkhamāno samayaṃ dayādhano ciraṃ vibhūtimanubhosi sabbaso. Sau đó, vị có danh tiếng vĩ đại đã sanh lên cõi trời Đẩu Suất cho việc thành tựu đạo lộ thanh tịnh của bậc Toàn Giác. Trong lúc quán xét về thời điểm, đấng Từ Bi đã thọ hưởng niềm vinh quang một cách toàn vẹn và lâu dài.

25/- Sahassasaṅkhādasacakkavāḷato samāgatānekasurādhipādihi,

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhất

udaggudaggehi jinattapattiyā sagāravaṃ so abhigamma yācito. Đức Bồ Tát đã được nhiều vị Thiên Vương vô cùng hoan hỷ từ mười ngàn thế giới đi đến và cung kính thỉnh cầu về việc chứng đắc quả vị Phật.

26/- Tato cavitvā kapilavhaye pure sadā sato sakyakulekaketuno, ahosi suddhodanabhūmibhattuno mahādimāyāya mahesiyā suto. Luôn luôn trú niệm, đức Bồ Tát sau khi mạng chung từ nơi ấy (cõi trời Đẩu Suất) đã tái sanh làm con trai của hoàng hậu Mahāmāyā và đức vua Suddhodana là ngọn cờ biểu tượng của gia tộc dòng Sākya ở trong thành phố tên Kapila.

27/- Vijātamattova vasundharāya so patiṭṭhahitvāna disā vilokayi, tadā ahesuṃ vivaṭaṅganā disā apūjayuṃ tattha ca devamānusā. Ngay khi vừa được sanh ra, đức Bồ Tát đã đứng vững ở trên mặt đất nhìn quanh các hướng; khi ấy khoảng không gian ở các phương đều được mở rộng và tại các nơi ấy chư Thiên và nhân loại đã bày tỏ lòng

tôn kính.

28/- Adhārayuṃ ātapavāraṇādikaṃ adissamānāva nabhamhi devatā, padāni so satta ca uttarāmukho upecca nicchārayi vācamāsabhiṃ. Chư Thiên không nhìn thấy được ở trên không trung đã cầm các lọng che, v.v... Và đức Bồ Tát đã bước đi bảy bước, mặt nhìn hướng bắc, và đã thốt lên lời khẳng quyết.

29/- Yathatthasiddhatthakumāranāmako mahabbalo yobbanahāriviggaho, ututtayānucchavikesu tīsu so 'nubhosi pāsādavaresu sampadaṃ. Đức Bồ Tát có tên là vương tử Siddhattha quả nhiên có sức mạnh vĩ đại, có cơ thể thanh xuân đẹp dáng, và đã thọ hưởng hạnh phúc ở trong ba tòa lâu đài thích hợp với ba mùa tiết trong năm.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhất

30/- Kadāci uyyānapathe jarāhataṃ tathāturaṃ kālakataṃ ca saṃyamiṃ, kamena disvāna virattamānaso bhavesu so pabbajituṃ akāmayi. Sau đó trong lúc đi thưởng ngoạn, đức Bồ Tát đã lần lượt nhìn thấy một người bị hành hạ bởi sự già, rồi tương tợ như thế người bệnh, và người chết, sau đó là một tu sĩ, nên đã khởi tâm nhờm gớm trong các hiện hữu và đã có ý định xuất gia.

31/- Sapupphadīpādikarehi rattiyaṃ purakkhato so tidivādhivāsihi, sachannako kanthakavājiyānato tato mahākāruṇiko'bhinikkhami. Trong đêm, được chư Thiên trong ba cõi với hai bàn tay cầm đèn và các bông hoa, v.v... tháp tùng, đấng Đại Bi ấy cùng với Channa và con ngựa Kanthaka là phương tiện di chuyển đã rời khỏi nơi ấy.

32/- Kamena patvāna anomamāpagaṃ sudhotamuttāphalahārisekate, patiṭṭhahitvā varamoḷibandhanaṃ sītāsilūnaṃ gagane samukkhipi. Lần lượt đức Bồ Tát đã đến được dòng sông Anomā rồi đã đứng ở bờ sông lấp lánh những hạt ngọc trai tinh khiết và đã ném lên không trung búi tóc quý giá đã được cắt ra bằng thanh gươm bén.

33/- Paṭiggahetvā tidasānamissaro suvaṇṇacaṅgotavarena taṃ tadā, tiyojanaṃ nīlamaṇīhi cetiyaṃ akāsi cūḷāmaṇimattano pure. Khi ấy, vị chúa của chư Thiên đã nhận lấy vật ấy bằng chiếc hòm vàng rồi đã xây dựng ngôi bảo tháp bằng những viên ngọc bích kích thước ba do-tuần ở thành phố Cūḷāmaṇi của chính mình.

34/- Tato ghaṭikārasarojayoninā samāhaṭaṃ dhārayi cīvarādikaṃ, atho sakaṃ vatthayugaṃ nabhatthale

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhất

pasatthavesaggahaṇo samukkhipi. Sau đó, đức Bồ Tát đã khoác lên tấm y và các vật dụng khác đã được vị (Phạm Thiên) Ghaṭikāra là người có đóa hoa sen ở rún mang lại. Khi đã mặc vào bộ y tuyệt vời, đức Bồ Tát đã ném hai tấm vải choàng của chính mình vào không trung.

35/- Paṭiggahetvāna tamambujāsano mahiddhiko bhattibharena codito, sake bhave dvādasayojanaṃ akā maṇīhi nīlādihi dussacetiyaṃ. Vị (Phạm Thiên) Ambujāsana có đại thần lực đã nhận lấy vật ấy và đã bày tỏ tấm lòng ngưỡng mộ, sau đó đã xây dựng ngôi bảo tháp thờ vải choàng có kích thước mười hai do-tuần bằng những viên ngọc

ma-ni màu xanh ở tại cung trời của mình.

36/- Susaññatatto satimā jitindriyo vinītaveso rasagedhavajjito, cha hāyanāneva anomavikkamo mahāpadhānaṃ padahittha dukkaraṃ. Với bản thân đã khéo được thu thúc, có niệm, các giác quan đã được chế ngự, sở hành đã được huấn luyện, đã buông bỏ các ham muốn trong các dục, và có sự nỗ lực phi thường, đức Bồ Tát đã thể hiện sự nỗ lực lớn lao là việc khó thực hành.

37/- Visākhamāsass'atha puṇṇamāsiyaṃ upecca mūlaṃ sahajāya bodhiyā, tiṇāsane cuddasahatthasammite adhiṭṭhahitvā viriyaṃ nisajji so. Sau đó vào ngày trăng tròn tháng Vesākha, đức Bồ Tát đã đến bên cội cây Bồ Đề là vật được sanh lên cùng một thời điểm, đã lập nguyện tinh tấn, rồi đã ngồi xuống trên bảo tọa bằng cỏ có kích thước mười bốn cánh tay.

38/- Avattharantiṃ vasudhaṃ ca ambaraṃ virūpavesaggahaṇena bhiṃsanaṃ, pakampayanto sadharādharaṃ mahiṃ jino padose jini māravāhiniṃ.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhất

Trong đêm ấy, đấng Chiến Thắng đã khuất phục đội quân của Ma Vương dễ sợ do việc khoác lên bộ dạng khiếp đảm đang bao trùm cả trái đất lẫn bầu trời, đồng thời làm cho trái đất với nhiều núi non sông hồ bị chấn động.

39/- Surāsurabrahmagaṇehi sajjite jagattaye pupphamayagghikādinā, pavattamāne suradundubhissare abujjhi bodhiṃ rajanīparikkhaye. Khi ấy, các hội chúng chư Thiên, A-tu-la, Phạm Thiên đã trang hoàng cả ba cõi với các tràng hoa cao quý, v.v... Và vào lúc đêm tàn khi các hồi trống của chư Thiên đang vang dội, Ngài đã thành tựu sự Giác Ngộ.

40/- Tadā pakampiṃsu saselakānanā sahassasaṅkhādasalokadhātuyo, agañchi so loṇapayodhi sādutaṃ mahāvabhāso bhuvanesu patthari. Khi ấy, mười ngàn thế giới cùng với các núi rừng đã rúng động, biển mặn đã trở nên có vị ngọt, và ánh sáng rực rỡ đã bao trùm trái đất.

41/- Labhiṃsu andhā vimale vilocane suṇiṃsu sadde badhirāpi jātiyā, lapiṃsu mūgā vacanena vaggunā cariṃsu khelaṃ padasā'va paṅgulā. Những người mù đã có được những đôi mắt sáng, thậm chí những người điếc bẩm sinh đã nghe được âm thanh, những người câm đã thốt lên giọng nói êm dịu, những người què đã tự động di chuyển những bước chân.

42/- Bhaviṃsu khujjā ujusommaviggahā sikhīpi nibbāyi avīci-ādisu, apāgamuṃ bandhanatopi jantavo khudādikaṃ petabhavā apakkami. Những người gù trở nên có thân hình ngay thẳng xinh đẹp, thậm chí lửa thiêu ở các địa ngục avīci, v.v... cũng đã tắt lịm, luôn cả các loài hữu tình cũng thoát khỏi sự giam cầm, và loài ngạ quỷ đã thoát khỏi cảnh đói khát, v.v...

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhất

43/- Samiṃsu rogavyasanāni pāṇinaṃ bhayaṃ tiracchānagate na pīḷayi, janā ahesuṃ sakhilā piyaṃvadā pavattayuṃ koñcanadaṃ mataṅgajā. Bệnh tật và bất hạnh của

chúng sanh đã được lắng dịu, nỗi sợ hãi đã không còn hành hạ các loài thú, nhân loại đã trở nên thân thiện nói lời hòa ái, các con voi đã rống lên tiếng rống của mình.

44/- Hayā ca hesiṃsu pahaṭṭhamānasā nadiṃsu sabbā sayameva dundubhī, raviṃsu dehābharaṇāni pāṇinaṃ disā pasīdiṃsu samā samantato. Và các con ngựa đã hí vang lộ vẻ mừng rỡ, tất cả các chiếc trống đã tự động vang rền, các đồ trang sức ở thân thể chúng sanh đã khua tiếng rổn rẻn, các địa phương ở xung quanh đều được thái bình, yên ổn.

45/- Pavāyi mando sukhasītamāruto pavassi meghopi akālasaṃbhavo, jahiṃsu ākāsagatiṃ vihaṅgamā mahiṃ samubbhijjajalaṃ samuṭṭhahi. Làn gió dịu dàng mát mẻ nhè nhẹ đã thổi qua, thậm chí đã có cơn mưa sái mùa đổ xuống, loài chim đã không còn bay nháo nhác ở không trung, và nước triều đã tràn lên trên mặt đất.

46/- Asandamānā'va ṭhitā savantiyo nabhe virociṃsu asesajotiyo, bhavā ahesuṃ vivaṭā samantato janassa nāsuṃ cavanupapattiyo. Các dòng nước đã dừng lại ngưng chảy, vô số tia sáng đã chiếu sáng ở bầu trời, các cõi ở xung quanh đã hiển hiện ra, sự tử vong và sanh sản đã không xảy ra ở nhân loại.

47/- Samekkhataṃ nāvaraṇā nagādayo pavāyi gandho api dibbasammato, dumā ahesuṃ phalapupphadhārino ahosi channo kamalehi aṇṇavo.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhất

Các hòn núi, v.v... đã ở trong tầm nhìn không còn bị che khuất, hương thơm dành riêng cho cõi trời cũng đã tỏa lên, cây cối trở nên trĩu nặng hoa trái, biển cả đã tràn ngập bởi các đóa hoa sen.

48/- Thalesu toyesu ca pupphamānakā vicittapupphā vikasiṃsu sabbathā, nirantaraṃ pupphasugandhavuṭṭhiyā ahosi sabbaṃ vasudhambarantaraṃ. Có những bông hoa tươi thắm ở khắp đất liền và biển cả, các bông hoa đủ loại đã nở rộ khắp các nơi, và còn có cơn mưa các bông hoa thơm ngát rơi liên tục ở khoảng giữa trái đất và bầu trời.

49/- Nisajja pallaṅkavare tahiṃ jino sukhaṃ samāpattivihārasambhavaṃ, tato'nubhonto sucirābhipatthitaṃ dināni satteva atikkamāpayi. Đấng Chiến Thắng đã ngồi xuống trên bảo tọa quý báu ở tại nơi ấy, sau đó đã trải qua bảy ngày thọ hưởng niềm an lạc sanh lên do việc an trú vào quả thành tựu đã được Ngài phát nguyện trong một thời gian vô cùng dài lâu.

50/- Samuppatitvā gaganaṅgaṇaṃ tato padassayitvā yamakaṃ mahāmuni, sa pāṭihīraṃ tidivādhivāsinaṃ jinattane saṃsayitaṃ nirākari. Kế đó, bậc Đại Hiền Triết đã ngự đến cõi trời và đã phô diễn song thông tại nơi ấy. Trong bản thể của vị Phật, Ngài đã xua tan nỗi nghi ngờ cho rằng thần thông là năng lực của chư Thiên.

51/- Atho taritvāna jayāsanassa so ṭhito va pubbuttarakaṇṇanissito, dināni sattāni misena cakkhunā tamāsanaṃ bodhitaruṃ ca pūjayī. Rồi Ngài đã đi đến đứng ở góc phía đông bắc của bảo tọa chiến thắng và đã cúng dường đến bảo tọa tức là cội cây Bồ Đề ấy bằng đôi mắt không chớp nháy trong bảy ngày.

52/- Athantarāḷe maṇicaṅkame jino ṭhitappadesassa ca āsanassa ca, mahārahe devavarābhinimmite dināni satteva akāsi caṅkamaṃ. Sau đó, đấng Chiến Thắng đã thực hiện việc kinh hành trong bảy ngày ở đường kinh hành bằng ngọc ma-ni vô cùng cao quý được chư Thiên biến hóa ra theo ước muốn tại khoảng giữa vị trí đã đứng và ngôi bảo tọa.

53/- Tato disāyaṃ aparāya bodhiyā upāvisitvā ratanālaye jino, samantapaṭṭhānanayaṃ vicintayaṃ dināni satteva sa vītināmayi. Sau đó, đấng Chiến Thắng ấy đã đến ngồi xuống ở ngôi nhà bằng ngọc quý về phía tây của cội Bồ Đề suy nghiệm về toàn bộ hệ thống duyên sanh khởi và đã trải qua trọn bảy ngày.

54/- Viniggato satthusarīrato tadā jutippabandho paṭibandhavajjito, pamāṇasuññāsu ca lokadhātusu samantato uddhamadho ca patthari. Khi ấy, từ thân thể của bậc Đạo Sư đã phát ra vầng hào quang thật là rực rỡ bao trùm khắp các cõi thế giới không gian ở xung quanh, ở bên trên lẫn bên dưới.

55/- Vaṭassa mūle ajapālasaññino sukhaṃ phusanto pavivekasambhavaṃ, vināyako satta vihāsi vāsare anantadassī surarājapūjito. Bậc Lãnh Đạo là người có sự hiểu biết vô biên được các vị Thiên Vương tôn kính, trong lúc đạt đến trạng thái an lạc của sự giải thoát, đã trải qua bảy ngày ở cội cây si có tên là Ajapāla. 1

1 Ajapāla nghĩa là “người chăn dê.” Trong Vinaya Texts (bản dịch Tạng Luật), Rhys Davids and Hermann Oldenberg đã dẫn chứng tài liệu và giải thích sở dĩ cội cây si này có tên như trên vì hai lý do: 1. Các người chăn dê dùng bóng mát của cây si (nigrodha) để nghỉ ngơi nên được gọi là cây si của những người chăn dê. 2. Cây si đã được một đứa bé chăn dê trồng trong thời gian Bồ-tát Siddhattha hành khổ hạnh sáu năm.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhất

56/- Vihāsi mūle mucalindasākhino nisajja bhogāvalimandirodare vikiṇṇapupphe mucalindabhogino samādhinā vāsarasattakaṃ jino. Sau khi ngồi xuống ở cội cây Mucalinda có mái che được tạo thành bởi cơ thể của rồng chúa Mucalinda và có bông hoa rải rắc, đấng Chiến Thắng đã an trú vào thiền định bảy ngày.

57/- Dume pi rājāyatane samādhinā vihāsi rattindivasattakaṃ muni, sahassanetto atha dantapoṇakaṃ mukhodakañcāpi adāsi satthuno. Bậc Hiền Triết cũng đã an trú vào thiền định bảy ngày đêm ở cội cây Rājāyatana. Sau đó, vị thần có ngàn mắt1 đã cúng dường đến bậc Đạo Sư nước súc miệng và tăm xỉa răng.

58/- Tato mahārājavarehi ābhataṃ silāmayaṃ pattacatukkamekakaṃ, vidhāya manthaṃ madhupiṇḍikaṃ tahiṃ paṭiggahetvāna sa vāṇijāhaṭaṃ. Kế đến, sau khi nhập chung lại thành một bình bát làm bằng đá từ bốn bình bát đã được các vị Đại Thiên Vương mang lại, Ngài đã đặt bánh bột gạo và mật viên được các người thương buôn mang lại vào trong đó rồi mới thọ lãnh.

59/- Katannakicco saraṇesu te ubho patiṭṭhapetvāna tapassu-bhallike, adāsi tesaṃ abhipūjituṃ sakaṃ parāmasitvāna siraṃ siroruhe. Sau khi phận sự thọ thực được hoàn tất, Ngài đã an trú cả hai người ấy là Tapassu và Bhallika vào các sự nương nhờ, sau đó đã sờ lên đầu của mình rồi cho họ các sợi tóc để chiêm bái.

60/- Vaṭassa mūle ajapālasaññino sahampatibrahmavarena yācito, janassa kātuṃ varadhammasaṅgahaṃ 1 Danh hiệu của vị Thiên Vương Inda (Indra).

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhất

agañchi bārāṇasimekako muni. Do đã được vị Phạm Thiên Sahampati thỉnh cầu ở tại cội cây si có tên là Ajapāla, đấng Hiền Triết một mình đã đi Bārāṇasī để hoằng dương Giáo Pháp cao quý đến chúng sanh.

61/- Gantvā so dhammarājā vanamisipatanaṃ saññatānaṃ niketaṃ pallaṅkasmiṃ nisinno tahimavacalitaṭṭhānasampāditamhi, āsāḷhe puṇṇamāyaṃ sitaruciruciyā jotite cakkavāḷe devabrahmādikānaṃ duritamalaharaṃ vattayī dhammacakkaṃ. Sau khi đi đến khu rừng Isipatana là chỗ cư ngụ của những vị hành pháp khắc kỷ, bậc Pháp Vương ấy đã ngồi xuống ở tại nơi ấy trong tư thế kiết già trú vào tư thế bất động, trong bầu không gian được chiếu rọi bởi ánh trăng trắng ngà vào ngày rằm tháng Āsāḷha,1 rồi đã vận chuyển bánh xe Pháp (có công năng) xua tan các điều ô nhiễm và tội lỗi của chư Thiên, Phạm Thiên, v.v...

62/- Sutvā saddhammamaggaṃ tibhuvanakuharābhogavitthārikaṃ taṃ aññākoṇḍaññanāmadvijamunipamukhāṭṭhārasabrahmakoṭī, aññāsuṃ maggadhammaṃ parimitarahite cakkavāḷe uḷāro obhāso pātubhūto sapadi bahuvidhaṃ āsi accherakaṃ ca. Sau khi lắng nghe Chánh Pháp cao quý ấy được phổ biến rộng khắp đến tận cùng khắp cả ba cõi, mười tám koṭi2 Phạm Thiên đứng đầu là vị hiền triết dòng Bà-la-môn tên Aññākoṇḍaññа đã thấu hiểu Đạo Lộ và Giáo Pháp. Ngay lập tức có nhiều điều kỳ diệu đã xảy ra và có vầng ánh sáng rực rỡ đã xuất hiện ở vũ trụ vô tận.

Paṭhamo paricchedo. Chương thứ nhất.

--ooOoo--

1 Tương đương rằm tháng 6 âm lịch Việt Nam (ND). 2 1 koṭi là 10 triệu, như vậy 18 koṭi là 180 triệu (ND).

DUTIYO PARICCHEDO CHƯƠNG THỨ NHÌ 1/- Tato patthāya so satthā vinento devamānuse, bodhito phussamāsamhi navame puṇṇamāsiyaṃ. 2/- Laṅkamāgamma gaṅgāya tīre yojanavitthate, mahānāgavanuyyāne āyāmena tiyojane. Thời gian sau đó, trong lúc giáo huấn chư Thiên và nhân loại, rồi vào ngày rằm của tháng Phussa là tháng thứ chín tính từ lúc giác ngộ, bậc Đạo Sư ấy đã đi đến (đảo) Laṅkā nơi bờ sông Gaṅgā tại khu lâm viên Mahānāga 1 có (kích thước) chiều rộng một do-tuần 2 và chiều dài ba dotuần.

3/- Yakkhānaṃ samitiṃ gantvā ṭhatvāna gagane tahiṃ, vātandhakāravuṭṭhīhi katvā yakkhe bhayaddite. Sau khi đi đến nơi tụ hội của các dạ-xoa, tại nơi ấy đức Phật đã đứng ở trên hư không tạo ra mưa gió và bóng tối khiến các dạ-xoa sanh lòng sợ hãi.

4/- Laddhā'bhayehi yakkhehi tehi dinnāya bhūmiyā, cammakhaṇḍaṃ pasāretvā nisīditvāna taṅkhaṇe. Khi các dạ-xoa đã đạt được sự không còn hãi sợ, đức Phật đã trải ra tấm da lót ngồi ở trên phần đất đã được các dạ-xoa ấy dâng cúng, rồi vào giây phút ấy đã ngồi xuống.

5/- Cammakhaṇḍaṃ padittaggijālamālāsamākulaṃ, iddhiyā vaḍḍhayitvāna yāva sindhuṃ samantato. Ngài đã dùng thần thông làm cho tấm da lót ngồi được bao phủ bởi mạng lưới lửa cháy bùng lan rộng ra đến tận vùng ven bờ biển.

1 Địa điểm này có tên là Mahiyangana, một trong 16 thánh tích ở Sri Lanka. 2 1 do-tuần = 4 gāvuta, tương đương 16 km.

6/- Javena sindhuvelāya rāsibhūte nisācare, giridīpamidhānetvā patiṭṭhāpesi te tahiṃ. Khi các dạ-xoa vội vã tụ tập thành đám đông ở ven bờ biển, đức Phật đã di chuyển hòn đảo Giri (Giridīpa) đến nơi ấy và đã đưa các dạ-xoa lên trú ngụ ở trên hòn đảo ấy.

7/- Desayitvā jino dhammaṃ tadā devasamāgame, bahunnaṃ pāṇakoṭīnaṃ dhammābhisamayaṃ akā. Sau đó, đấng Chiến Thắng đã thuyết giảng Giáo Pháp đến hội chúng chư Thiên và đã khiến cho vô số koṭi chúng sanh hiểu được Giáo Pháp.

8/-Mahāsumanadevassa sele sumanakūṭake, datvā namassituṃ kese agā jetavanaṃ jino. Ở tại đỉnh núi đá Sumana, đấng Chiến Thắng đã cho Thiên nhân Mahāsumana các sợi tóc để phụng thờ rồi đã ngự đến Jetavana (Kỳ Viên).

9/- Patiṭṭhapetvā te satthunisinnāsanabhūmiyaṃ, indanīlamayaṃ thūpaṃ karitvā so apūjayi. Vị ấy đã tôn trí các sợi tóc ở trên mặt đất tại chỗ bậc Đạo Sư đã ngồi xuống, sau đó đã xây dựng ngôi bảo tháp bằng ngọc bích và thờ phụng.

10/- Nissāya maṇipallaṅkaṃ pabbataṇṇavavāsino, disvā yuddhatthike nāge cūḷodaramahodare. 11/- Bodhito pañcame vasse cittamāse mahāmuni, uposathe kāḷapakkhe nāgadīpamupāgami. Khi nhìn thấy các loại sơn tộc và thủy tộc, các loài rồng Cūḷodara và Mahodara 1 gây chiến tranh với nhau vì lý do ngôi bảo tọa bằng ngọc ma- ni, bậc Đại Hiền Triết đã đi đến Nāgadīpa2 vào ngày Uposatha thuộc hạ huyền của tháng Citta vào năm thứ năm tính từ lúc giác ngộ.

12/- Tadā samiddhi sumano devo jetavane ṭhitaṃ, attano bhavanaṃ yeva rājāyatanapādapaṃ. 13/- Indanīladdikūṭaṃ va gahetvā tuṭṭhamānaso, dhārayitvā sahāgañchi chattaṃ katvāna satthuno.

1 Không xác định được tên các chủng loại này; theo nghĩa của từ cūḷodara (cūḷa+udara = có bao tử nhỏ, bụng thon) và mahodara (mahā+udara = có bao tử lớn, bụng bự). 2 Một hòn đảo ở phía cực bắc của nước Sri Lanka.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhì

Lúc bấy giờ, Thiên nhân Sumana có thần thông khởi tâm hoan hỷ đã nhổ lên cây Rājāyatana chính là chỗ ngụ của mình đang mọc tại Jetavana (Kỳ Viên) có hình dáng giống như đỉnh núi bằng ngọc bích, rồi cầm lấy làm dù che cho đấng Đạo Sư và cùng đi với Ngài.

14/- Ubhinnaṃ nāgarājūnaṃ vattamāne mahāhave, nisinno gagane nātho māpayittha mahātamaṃ. Trong lúc trận chiến của hai vị Long Vương đang xảy ra, đấng Lãnh Đạo, ngồi ở trên không trung, đã làm cho bầu trời trở nên tối mịt.

15/- Ālokaṃ dassayitvā'tha assāsetvāna bhogino, sāmaggikaraṇaṃ dhammaṃ abhāsi purisāsabho. Sau đó, vị Chúa Tể của nhân loại đã làm cho ánh sáng xuất hiện, đã khuyên nhủ các con rồng, rồi đã thuyết Pháp về việc thực hiện sự hòa hợp.

16/- Asītikoṭiyo nāgā acalambudhivāsino, patiṭṭhahiṃsu muditā sīlesu saraṇesu ca. Tám mươi koṭi con rồng là cư dân ở núi non và biển cả đã hoan hỷ an trú vào các giới cấm và các sự nương nhờ (quy y Tam Bảo).

17/- Datvāna maṇipallaṅkaṃ satthuno bhujagādhipā, tatth' āsīnaṃ mahāvīraṃ annapānehi tappayuṃ. Vị Long Vương đã dâng bảo tọa bằng ngọc ma-ni đến đấng Đạo Sư. Và khi đấng Đại Hùng đang ngồi tại chỗ ấy, vị Long Vương đã làm cho Ngài được hài lòng với các loại thức ăn và nước uống.

18/- Patiṭṭhapetvā so tattha rājāyatanapādapaṃ, pallaṅkaṃ tañca nāgānaṃ adāsi abhipūjituṃ. Sau khi an trú các con rồng tại nơi ấy, Ngài đã ban cho họ cây Rājāyatana và ngôi bảo tọa ấy để thờ phụng.

19/- Bodhito aṭṭhame vasse vesākhe puṇṇamāsiyaṃ, maṇi-akkhikanāmena nāgindena nimantito. Vào ngày rằm tháng Vesākha 1 của năm thứ tám kể từ khi giác ngộ, Ngài đã được vị Long Vương tên Maṇi-akkhika thỉnh mời.

1 Tương đương rằm tháng 4 âm lịch Việt Nam (ND).

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhì

20/- Nāgarājassa tass' eva bhavanaṃ sādhusajjitaṃ, kalyāṇiyaṃ pañcabhikkhusatehi saha āgami. Ngài đã cùng với năm trăm vị tỳ khưu đi đến cung điện đã được trang hoàng đẹp đẽ của chính vị Long Vương ấy ở tại Kalyāṇi.

21/- Kalyāṇicetiyaṭṭhāne kate ratanamaṇḍape, mahārahamhi pallaṅke upāvisi narāsabho. Vị Chúa Tể của nhân loại đã ngồi xuống trên bảo tọa vô cùng quý giá có mái che bằng châu báu được thực hiện tại địa điểm của ngôi bảo điện Kalyāṇi,

22/- Dibbehi khajjabhojjehi sasaṅghaṃ lokanāyakaṃ, santappesi phaṇindo so bhujaṅgehi purakkhato. Vị Long Vương ấy dẫn đầu các con rồng đã làm hài lòng đấng Chúa Tể của thế gian cùng với hội chúng bằng những vật thực cứng mềm của Thiên giới.

23/- Desayitvāna saddhammaṃ saggamokkhasukhāvahaṃ, so satthā sumane kūṭe dassesi padalañchanaṃ. Sau khi giảng giải Chánh Pháp đưa đến cõi trời và sự an lạc của giải thoát, bậc Đạo Sư ấy đã thị hiện dấu vết của bàn chân ở trên đỉnh (núi đá)

Sumana.1

24/- Tato pabbatapādamhi sasaṅgho so vināyako, divā vihāraṃ katvāna dīghavāpimupāgami. Sau đó, đấng Lãnh Đạo ấy cùng với hội chúng đã sống trọn ngày ở chân hòn núi rồi đi đến Dīghavāpi.

25/- Thūpaṭṭhāne tahiṃ buddho sasaṅgho 'bhinisīdiya, samāpattisamubbhūtaṃ avindi asamaṃ sukhaṃ. Nơi ấy ở tại địa điểm của ngôi bảo tháp, đức Phật cùng với hội chúng đã ngồi xuống và thọ hưởng sự phát sanh thiền quả là sự an lạc không gì sánh bằng.

26/- Mahābodhitaruṭṭhāne samādhiṃ appayī jino, mahāthūpappadese ca viharittha samādhinā. 1 Địa điểm này gọi là Sri Pāda, tên thường gọi là Adam's Peak.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhì

Đấng Chiến Thắng đã tiến hành thiền định tại địa điểm của cội Đại Bồ Đề và đã an trú vào thiền định ở khu vực của ngôi Đại Bảo Tháp.

27/- Thūpārāmamhi thūpassa ṭhāne jhānasukhena so, sabhikkhusaṅgho sambuddho muhuttaṃ vītināmayi. Bậc Chánh Đẳng Giác ấy cùng với hội chúng tỳ khưu đã trải qua thời gian với sự an lạc của thiền tại vị trí của ngôi bảo tháp ở Thūpārāma (Tu viện Bảo Tháp).

28/- Silāthūpappadesamhi ṭhatvā kālavidū muni, deve samanusāsitvā tato jetavanaṃ agā. Ở tại khu vực của Silāthūpa (ngôi Bảo Tháp bằng đá), đấng Hiền Triết, là bậc thông suốt thời điểm, sau khi giáo huấn chư Thiên rồi từ đó đã ngự đến Jetavana (Kỳ Viên).

29/- Agiddho lābhasakkāre asayhaṃ avamānanaṃ, sahanto kevalaṃ sabbalokanittharaṇatthiko. Là người mong mỏi tế độ hết thảy chúng sanh, không tham đắm trong lợi lộc và danh vọng, Ngài đã chịu đựng mọi điều báng bổ khó lòng nhẫn nại.

30/- Saṃvaccharāni ṭhatvāna cattāḷīsañca pañca ca, desayitvāna suttādiṃ navaṅgaṃ satthusāsanaṃ. Sau khi đã tồn tại và thuyết giảng Phật Pháp gồm chín thể loại1 là: sutta, v.v... trong bốn mươi lăm năm,

31/- Tāretvā bhavakantārā jane saṅkhyātivattino, buddhakiccāni sabbāni niṭṭhāpetvāna cakkhumā. Bậc Hữu Nhãn đã tiếp độ vô số chúng sanh vượt qua khỏi khu rừng của hiện hữu và đã hoàn thành mọi phận sự của vị Phật.

32/- Kusinārāpure raññaṃ mallānamupavattane, sālavanamhi yamakasālarukkhānamantare. 33/- Mahārahe supaññatte mañce uttarasīsakaṃ, nipanno sīhaseyyāya vesākhe puṇṇamāsiyaṃ.

1 Về thể (aṅga) có chín thể là sutta, geyya, veyyākaraṇa, gāthā, udāna, itivuttaka, jātaka, abbhūtadhamma, vedalla.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhì

Rồi ở khoảng giữa của hai cây sālā (Long Thọ) nơi rừng cây sālā (tên là) Upavattana của các đức vua thuộc dòng họ Malla trong thành Kusinārā, vào ngày trăng tròn tháng

Vesākha, Ngài đã nằm xuống đầu hướng về phía Bắc trong tư thế của loài sư tử ở trên chiếc giường vô cùng cao quý đã khéo được chuẩn bị.

34/- Desetvā paṭhame yāme mallānaṃ dhammamuttamaṃ, Subhaddaṃ majjhime yāme pāpetvā amataṃ padaṃ. Vào canh đầu (của đêm), Ngài đã thuyết giảng Giáo Pháp tối thượng đến các người dân xứ Malla. Vào canh giữa, Ngài đã tế độ Subhadda đạt đến đạo lộ Bất Tử.

35/- Bhikkhū pacchimayāmamhi dhammakkhandhe asesake, saṅgayha ovaditvāna appamādapadena ca. Vào canh cuối, Ngài đã tổng hợp lại toàn bộ các Pháp uẩn và đã giáo huấn các tỳ khưu về chi phần "Không Dễ Duôi."

36/- Paccūsasamaye jhānasamāpattivihārato, uṭṭhāya parinibbāyi sesopadhivivajjito. Lúc trời hừng sáng, Ngài đã xuất khỏi sự an trú trong thiền chứng và đã viên tịch Niết Bàn, buông bỏ thân mạng còn dư sót.

37/- Mahīkampādayo āsuṃ tadā acchariyāvahā, pūjā visesā vattiṃsu devamānusakā bahū. Khi ấy đã xảy ra nhiều điều kỳ diệu như là sự rúng động của trái đất, v.v... Vô số chư Thiên và nhân loại đã thể hiện các sự cúng dường đặc biệt.

38/- Parinibbāṇasuttante vuttānukkamato pana, pūjāviseso viññeyyo icchantehi asesato. Vả lại, những người có lòng mong mỏi nên biết rõ các sự cúng dường đặc biệt đã được tuần tự thuật lại không thiếu sót ở bài kinh Parinibbāna. 1

39/- Ahatehi ca vatthehi veṭhetvā paṭhamaṃ jinaṃ, veṭhayitvāna kappāsapicunā vihatena ca.

1 Mahāparinibbānasutta – Kinh Đại Niết Bàn, Dīghanikāya II - Trường Bộ 2.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhì

Trước tiên, họ đã quấn quanh (nhục thân) đấng Chiến Thắng bằng nhiều lớp vải mới rồi bọc lại bằng lớp bông vải mịn.

40/- Evaṃ pañcasatakkhattuṃ veṭhayitvāna sādhukaṃ, pakkhipitvā suvaṇṇāya telapuṇṇāya doṇiyā. Sau khi quấn lại một cách khéo léo năm trăm lượt như thế, họ đã đặt vào trong chiếc hòm bằng vàng chứa đầy dầu.

41/- Vīsaṃ hatthasatubbedhaṃ gandhadārūhi saṅkhataṃ, āropayiṃsu citakaṃ mallānaṃ pamukhā tadā. Khi ấy, các vị lãnh đạo dân chúng xứ Malla đã đưa (chiếc hòm) lên giàn hỏa thiêu được thiết lập bằng các loại gỗ thơm có độ cao hai ngàn cánh tay.1

42/- Mahākassapatherena dhammarāje avandite, citakaṃ mā jalitthāti devādhiṭṭhānato pana. Tuy nhiên, do quyết định của chư Thiên rằng: "Khi trưởng lão Mahākassapa chưa đảnh lễ đấng Pháp Vương, giàn hỏa thiêu chớ có bốc cháy."

43/- Pāmokkhā mallarājūnaṃ vāyamantā p' anekadhā, citakaṃ taṃ na sakkhiṃsu gāhāpetuṃ hutāsanaṃ. Các vị hàng đầu trong số các đức vua của xứ Malla, dầu đã nỗ lực bằng nhiều cách, vẫn không thể làm cho giàn hỏa thiêu ấy phát lên ngọn lửa.

44/- Mahākassapatherena adhiṭṭhānena attano, vaṭṭhādīni mahādoṇiṃ citakañca mahārahaṃ. 45/- Dvidhā katvāna nikkhamma sakasīse patiṭṭhitā, vanditā satthuno pādā yathāṭhāne patiṭṭhitā. Do nguyện lực của chính bản thân trưởng lão Mahākassapa, hai bàn chân của đấng Đạo Sư đã tách hai các lớp vải, v.v... chiếc hòm lớn, và giàn hỏa thiêu quý giá rồi đã vươn ra ngoài đặt trên đầu của vị trưởng lão. Và sau khi được vị ấy đảnh lễ, hai bàn chân đã trở về lại vị trí cũ.

46/- Tato devānubhāvena pajjalittha citānalo, na masi satthudehassa daḍḍhass' āsi na chārikā. 1 1 hattha = 0.5 mét; như vậy 2000 hattha = 1000 mét (ND).

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhì

Sau đó, do oai lực của chư Thiên giàn hỏa thiêu đã bốc cháy. Thi thể của bậc Đạo Sư đã được thiêu đốt không còn sót lại tro than gì.

47/- Dhātuyo avasissiṃsu muttābhā kañcanappabhā, adiṭṭhānena buddhassa vippakiṇṇā anekadhā. Các xá-lợi đã được lưu lại lấp lánh như ngọc trai có ánh sáng màu vàng, và được phân tán khắp các nơi do nguyện lực của đức Phật.

48/- Uṇhīsaṃ akkhakā dve ca catasso dantadhātuyo, iccete dhātuyo satta vippakiṇṇā na satthuno. Đây là bảy phần xá-lợi của đấng Đạo Sư không phân tán: "Xá-lợi xương sọ, hai xá-lợi xương vai, và bốn xá-lợi răng."

49/- Ākāsato patitvāpi uggantvāpi mahītalā, samantā jaladhārāyo nibbāpesuṃ citānalaṃ. Hơn nữa, các nguồn nước ở xung quanh, thậm chí từ trên không trung rơi xuống và ở dưới mặt đất phun lên, đã dập tắt giàn hỏa thiêu.

50/- Therassa sāriputtassa antevāsī mahiddhiko, sarabhunāmako thero pabhinnapaṭisambhido. 51/- Gīvādhātuṃ gahetvāna citato mahiyaṅgaṇe, patiṭṭhāpetvā thūpamhi akā kañcukacetiyaṃ. Vị trưởng lão tên Sarabhu có đại thần lực và tuệ phân tích, là đệ tử của trưởng lão Sāriputta, sau khi nhận lấy xá-lợi xương cổ từ nơi giàn hỏa thiêu, đã tôn trí trong ngôi bảo tháp ở Mahiyaṅgaṇa 1 và đã xây dựng ngôi bảo điện tên Kañcuka.

52/- Khemavhayo kāruṇiko khīṇasaṃyojano muni, citakāto tato vāmadāṭhādhātuṃ samaggahi. Vị hiền triết tên Khema, có hạnh từ bi đã đoạn tận các điều ràng buộc, đã nhặt lấy xá-lợi răng bên trái tại giàn hỏa thiêu ở nơi ấy.

53/- Aṭṭhannaṃ atharājūnaṃ dhātu-atthāya satthuno, uppannaṃ viggahaṃ doṇo sametvāna dvijuttamo.

1 Trong ba lần đức Phật thăm viếng xứ Tích Lan thì Mahiyaṅgaṇa là địa điểm đức Phật đã ngự đến trong chuyến đi lần thứ nhất.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhì

Sau đó, Doṇa vị đứng đầu các Bà-la-môn đã dàn xếp cuộc gây gỗ sanh khởi giữa tám vị vua vì lòng mong muốn xá-lợi của đấng Đạo Sư.

54/- Katvāna aṭṭhakoṭṭhāse bhājetvā sesadhātuyo, adāsi aṭṭharājūnaṃ taṃ taṃ nagaravāsinaṃ. Vị ấy đã phân chia các xá-lợi còn lại và đã thực hiện tám phần rồi đã trao từng phần cho cư dân thành phố của tám vị vua.

55/- Haṭṭhatuṭṭhā gahetvāna dhātuyo tā narādhipā, gantvā sake sake raṭṭhe cetiyāni akārayuṃ. Các vị vua ấy đã mừng rỡ nhận lấy các xá-lợi rồi đã trở về và xây dựng các ngôi bảo tháp ở tại xứ sở của mỗi người.

56/- Ekā dāṭhā surindena ekā gandhāravāsihi, ekā bhujaṅgarājūhi āsi sakkatapūjitā. Một xá-lợi răng đã được tôn vinh và cúng dường bởi vị Thiên Vương, một bởi các cư dân Càn-thát-bà, và một bởi các vị Long Vương.

57/- Dantadhātuṃ tato khemo attanā gahitaṃ adā, dantapure kaliṅgassa brahmadattassa rājino. Sau đó, (vị hiền triết) Khema đã tặng xá-lợi răng do bản thân nhặt lấy đến đức vua Brahmadatta của xứ Kaliṅga ở tại Dantapura.

58/- Desayitvāna so dhammaṃ bhetvā sabbakudiṭṭhiyo, rājānaṃ taṃ pasādesi aggamhi ratanattaye. Vị ấy đã giảng giải Giáo Pháp, đã đả phá mọi tư tưởng ngoại đạo, và đã tạo niềm tin ở vị vua ấy vào ngôi Tam Bảo cao quý.

59/- Ajjhogāḷho munindassa dhammāmatamahaṇṇavaṃ, so narindo pavāhesi malaṃ macchariyādikaṃ. Đắm mình vào biển cả mênh mông là Giáo Pháp Bất Tử của bậc Hiền Triết hàng đầu, vị vua ấy đã rủ bỏ điều ô nhiễm như là sự bỏn xẻn, v.v...

60/- Pāvussako yathā megho nānāratanavassato, dāḷiddiyanidāghaṃ so nibbāpesi naruttamo. Vị vua ấy đã dập tắt sự thiếu thốn của nghèo khó ví như đám mây vào mùa mưa đang đổ xuống trận mưa gồm nhiều loại châu báu.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhì

61/- Suvaṇṇakhacitālambamuttājālehi sobhitaṃ, kūṭāgārasatākiṇṇaṃ taruṇādiccasannibhaṃ. 62/- Nānāratanasobhāya duddikkhaṃ cakkhumūsanaṃ, yānaṃ saggāpavaggassa pasādātisayāvahaṃ. 63/- Kārayitvāna so rājā dāṭhādhātunivesanaṃ, dhātupīṭhañca tatth' eva kāretvā ratanujjalaṃ. Vị vua ấy đã cho xây dựng ngôi điện thờ xá-lợi răng, rực rỡ với những mạng lưới ngọc trai treo xen kẻ với vàng, được vây quanh bởi hàng trăm ngôi nhà mái nhọn, trông tợ như mặt trời mới mọc, thu hút ánh nhìn và làm chóa mắt bởi sự rực rỡ của nhiều loại châu báu khác nhau. Ngôi điện thờ xá-lợi là cội nguồn dồi dào đem lại niềm tin và là phương tiện đưa đến cõi trời và Niết Bàn. Chính tại nơi ấy, đức vua đã cho kiến thiết bệ thờ xá- lợi rạng ngời châu báu.

64/- Tahiṃ samappayitvāna dāṭhādhātuṃ mahesino, pūjāvatthūhi pūjesi rattindivamatandito. Tại nơi ấy, đức vua đã an vị và tôn vinh xá-lợi răng của đấng Hiền Triết vĩ đại với các vật dụng cúng dường ngày đêm không ngừng nghỉ.

65/- Iti so sañcinitvāna puññasambhārasampadaṃ, cajitvā mānusaṃ dehaṃ saggakāyamalaṅkari. Sau khi tích lũy sự thành đạt trong các công việc phước thiện, đức vua đã từ bỏ xác thân nhân loại và đã điểm trang bằng vóc dáng Thiên nhân.

66/- Anujāto tato tassa kāsirājavhayo suto, rajjaṃ laddhā amaccānaṃ sokasallamapānudi. Sau đó, người con trai kế vị đức vua tên là Kāsirāja đã thành đạt vương quyền và đã nhổ lên mũi tên sầu muộn của các quan đại thần.

67/- Pupphagandhādinā dantadhātuṃ tamabhipūjiya, niccaṃ maṇippadīpehi jotayi dhātumandiraṃ. Vị ấy đã tôn vinh xá-lợi ấy bằng các bông hoa, hương thơm, v.v... và luôn thắp sáng điện thờ xá-lợi bằng những cây đèn làm bằng ngọc ma-ni.

68/- Icc’ evamādiṃ so rājā katvā kusalasañcayaṃ, jahitvāna nijaṃ dehaṃ devindapuramajjhagā.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhì

Sau khi tích lũy các thiện pháp như thế, v.v... vị vua ấy đã từ bỏ thân xác của mình và đã sanh vào giữa thành phố của Thiên Vương.

69/- Sunando nāma rājindo ānandajanano sataṃ, tass’ atrajo tato āsi buddhasāsanamāmako. Kế đến, con trai của vị ấy là đức vua tên Sunanda, đã là người mến mộ Phật Pháp và là nguồn tạo nên sự an vui một cách bền vững.

70/- Sammānetvāna so dantadhātuṃ ñeyyantadassino, mahatā bhattiyogena agā devasahavyataṃ. Sau khi tôn vinh xá-lợi răng của đấng Toàn Tri với lòng thành cao cả, đức vua đã đạt được sự cộng trú với chư Thiên.

71/- Tato paraṃ ca aññe pi bahavo vasudhādhipā, dantadhātuṃ munindassa kamena abhipūjayuṃ. Kế đó, nhiều vị vua khác nữa cũng đã tuần tự cúng dường xá-lợi răng của bậc hiền triết hàng đầu.

72/- Guhasīvavhayo rājā duratikkamasāsano, tato rajjasiriṃ patvā anugaṇhi mahājanaṃ. Tiếp đến, đức vua tên Sīva với mệnh lệnh khó thể phản kháng đã đạt được sự vinh quang của vương quyền và đã hộ trì toàn thể dân chúng.

73/- Saparatthānabhiññe so lābhāsakkāralolupe, māyāvino avijjandhe niganṭhe samupaṭṭhahi. Đức vua đã nâng đỡ các đạo sĩ lõa thể ngu si và tăm tối, xảo quyệt, tham đắm lợi danh, không biết rõ mục đích của bản thân và người khác.

74/- Vassāratte yathā cando mohakkhandhena āvaṭo, nāsakkhi guṇaraṃsīhi jalituṃ so narāsabho. Tương tợ như mặt trăng bị mây mờ che khuất trong đêm mưa, các ánh hào quang của đức hạnh đã không thể soi sáng vị vua ấy.

75/- Dhammamaggā apete pi paviṭṭhe diṭṭhikānanaṃ, tasmiṃ sādhupathaṃ aññe nātivattiṃsu pāṇino. Trong khi đức vua xa rời con đường Chánh Pháp và lạc vào khu rừng tà kiến, các chúng sanh khác cũng đã không đạt đến đạo lộ thánh thiện.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhì

76/- Hematoraṇamālāhi dhajehi kadalīhi ca, pupphagghiyehi ’nekehi sajjetvā nāgarā puraṃ. Các thị dân đã trang hoàng thành phố với các cổng chào bằng vàng và các tràng hoa, với các lá cờ và các biểu ngữ, với vô số bông hoa giá trị.

77/- Maṅgalatthutighosehi naccagītādikehi ca, hemarūpiyapupphehi gandhacuṇṇādikehi ca. 78/- Pūjento munirājassa dāṭhādhātuṃ kudācanaṃ, akaṃsu ekanigghosaṃ saṃvaṭṭambudhisannibhaṃ. Trong lúc các cư dân thành phố đang tôn vinh xá-lợi răng của đức Phật với những lời cầu nguyện tốt lành, với các điệu múa lời ca, v.v... với các bông hoa bằng vàng và bạc, với các loại phấn thơm, v.v..., đột nhiên họ đã tạo nên một tiếng ồn tợ như tiếng gào thét của biển cả vào thời điểm hoại diệt (của thế giới).

79/- Ugghāṭetvā narindo so pāsāde sīhapañjaraṃ, passanto janamaddakkhi pūjāvidhiparāyaṇaṃ. Vị quân vương ấy đã mở ra cánh cửa sổ ở tòa lâu đài, và trong lúc quan sát đã nhìn thấy dân chúng đang tiến hành các nghi thức cúng dường.

80/- Athāmaccasabhāmajjhe rājā vimhitamānaso, kotūhalākulo hutvā idaṃ vacanamabravī. Khi ấy, với tâm trí ngạc nhiên đức vua đã trở nên kích động, bối rối, và đã nói lời này ở giữa tập thể các vị quan đại thần:

81/- Accherakaṃ kimetannu kīdisaṃ pāṭihāriyaṃ, mametaṃ nagaraṃ kasmā chaṇanissitakaṃ iti. “Điều kỳ diệu này là gì vậy? Là loại thần thông gì đây? Tại sao thành phố này của ta lại có liên quan đến lễ hội này?”

82/- Tato amacco ācikkhi medhāvī buddhamāmako, rājino tassa sambuddhānubhāvamavijānato. Khi ấy, viên quan đại thần là bậc trí tuệ và mến mộ đức Phật đã trình bày cho vị vua ấy là người không biết gì đến oai lực của đấng Toàn Giác.

83/- Sabbābhibhussa buddhassa taṇhāsaṅkhayadassino, esā dhātu mahārāja khemattherena āhaṭā.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhì

“Tâu đại vương, đó là xá-lợi của đức Phật là vị chúa tể của tất cả và là vị đã nhận thấy được sự chấm dứt của ái dục; xá-lợi ấy đã được đem lại bởi trưởng lão Khema.

84/- Taṃ dhātuṃ pūjayitvāna rājāno pubbakā idha, kalyāṇamitte nissāya devakāyamupāgamuṃ. Các vị hoàng đế trước đây của xứ này sau khi cúng dường xá-lợi ấy và nương tựa vào bạn lành đã đạt được bản thể của chư Thiên.

85/- Nāgarāpi ime sabbe samparāyasukhatthikā, pūjayanti samāgamma dhātuṃ taṃ satthuno iti. Thậm chí tất cả cư dân thành phố này là những người tầm cầu sự an lạc trong ngày vị lai cũng tụ hội lại và cúng dường xá-lợi ấy của bậc Đạo Sư.”

86/- Tassāmaccassa so rājā sutvā dhammasubhāsitaṃ, dulladdhimalamujjhitvā pasīdi ratanattaye. Sau khi lắng nghe lời thuyết giảng Giáo Pháp khéo léo của viên quan đại thần ấy, vị vua ấy đã dứt bỏ các điều ô nhiễm do tà kiến sai trái và đã đặt niềm tin vào Tam Bảo.

87/- Dhātupūjaṃ karonto so rājā acchariyāvahaṃ, titthiye dummane kāsi sumane c’ etare jane. Vị vua ấy, trong lúc cúng dường xá-lợi là nguồn đem lại các điều kỳ diệu, đã không còn hoan hỷ nơi các du sĩ ngoại đạo và có thiện cảm với các người kia.

88/- Ime ahirikā sabbe saddhādiguṇavajjitā, thaddhā saṭhā ca duppaññā saggamokkhavibandhakā. “Tất cả những người này là vô liêm sĩ, không có đức hạnh như là lòng tin, v.v..., lại còn bướng bỉnh, dối trá, ác tuệ; họ là những kẻ xa lìa cõi trời và sự giải thoát.”

89/- Iti so cintayitvāna guhasīvo narādhipo, pabbājesi sakā raṭṭhā niganṭhe te asesake. Sau khi suy nghĩ như thế, đức vua Guhasīva ấy đã trục xuất toàn bộ các đạo sĩ lõa thể ấy ra khỏi vương quốc của mình.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhì

90/- Tato niganṭhā sabbepi ghatasittānalā yathā, kodhaggijalitā gañchuṃ puraṃ pāṭaliputtakaṃ. Sau đó, bị nung nấu bởi ngọn lửa tức giận tợ như bơ lỏng bị lửa đốt bắn tung tóe, tất cả các đạo sĩ lõa thể đã đi đến thành phố Pāṭaliputta.

91/- Tattha rājā mahātejo jambudīpassa issaro, paṇḍunāmo tadā āsi anantabalavāhano. Ở tại nơi ấy, vào lúc bấy giờ có vị vua có oai lực vĩ đại tên Paṇḍu, là chúa tể của Jambudīpa (Ấn Độ), có binh lực vô cùng hùng hậu.

92/- Kodhandhā ’tha niganṭhā te sabbe pesuññakārakā, upasaṅkamma rājānaṃ idaṃ vacanamabravuṃ. Khi ấy, bị mù quáng bởi sự tức giận, tất cả những người đạo sĩ lõa thể ấy là những kẻ đâm thọc đã đi đến gặp đức vua và đã nói lời này:

93/- Sabbadevamanussehi vandanīye mahiddhike, sivabrahmādayo deve niccaṃ tumhe namassatha. “Bệ hạ luôn tôn kính các vị trời như là thần Siva, đấng Brahma, v.v... có đại oai lực và xứng đáng sự đảnh lễ của tất cả chư Thiên và nhân loại.

94/- Tuyhaṃ sāmantabhūpālo guhasīvo panādhunā, nindanto tādise deve chavaṭṭhiṃ vandate iti. Tuy nhiên, hiện nay vị vua xứ lân cận là Guhasīva lại chê bai các vị trời như thế và còn đảnh lễ xương người chết nữa.”

95/- Sutvāna vacanaṃ tesaṃ rājā kodhavasānugo, sūraṃ sāmantabhūpālaṃ cittayānam ath’ abravī. Sau khi nghe lời nói của họ, đức vua bị tác động bởi cơn sự giận dữ khi ấy đã nói với Cittayāna là vị anh hùng và là vua của xứ lân cận rằng:

96/- Kaliṅgaraṭṭhaṃ gantvāna guhasīvamidhānaya, pūjitaṃ taṃ chavaṭṭhiṃ ca tena rattindivaṃ iti. “Hãy đi đến vương quốc Kaliṅga và đem Guhasīva về đây cùng với xương người chết ấy đang được hắn cúng dường ngày đêm.”

97/- Cittayāno tato rājā mahatiṃ caturaṅginiṃ, sannayhitvā sakaṃ senaṃ purā tamhābhinikkhami.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhì

Sau đó, đức vua Cittayāna đã củng cố đội binh hùng hậu gồm bốn loại binh chủng của mình và đã rời khỏi thành phố ấy.

98/- Gantvāna so mahīpālo senaṅgehi purakkhato, dantapurassāvidūre khandhāvāraṃ nivesayi. Vị vua ấy, dẫn đầu các đoàn quân, đã ra đi và đã đóng trại binh ở không xa thành Dantapura.

99/- Sutvā āgamanaṃ tassa kaliṅgo so mahīpati, gajindapābhatādīhi taṃ tosesi narādhipaṃ. Hay tin việc tiến đến của vị vua ấy, đức vua xứ Kaliṅga ấy đã làm hài lòng vị vua kia bằng các quà biếu như là voi, và châu ngọc, v.v...

100/- Hitajjhāsayataṃ ñatvā guhasīvassa rājino, dantapuraṃ cittayāno saddhiṃ senāya pāvisi. Biết được ý định tốt đẹp của đức vua Guhasīva, Cittayāna cùng với đoàn quân đã đi vào thành Dantapura.

101/- Pākāragopuraṭṭālapāsādagghikacittitaṃ, dānasālāhi so rājā samiddhaṃ puramaddasa. Vị vua ấy đã nhìn thấy thành phố có các tường thành, tháp canh, dinh thự, lầu đài, tranh vẽ đắt giá, và được hưng thịnh với những phước xá, v.v...

102/- Tato so sumano gantvā paviṭṭho rājamandiraṃ, guhasīvassa ācikkhi paṇḍurājassa sāsanaṃ. Sau đó, vị ấy với thiện tâm đã đi vào cung điện của đức vua và đã thông báo cho Guhasīva mệnh lệnh của đức vua Paṇḍu.

103/- Sutvāna sāsanaṃ tassa dāruṇaṃ duratikkamaṃ, pasannamukhavaṇṇo'va cittayānaṃ samabravī. Nghe được mệnh lệnh khắt khe và khó thể kháng cự của vị ấy, đức vua Guhasīva vẫn giữ vẻ mặt hòa hiếu và đã nói với Cittayāna rằng:

104/- Sabbalokahitatthāya maṃsanettādidānato, anappakappe sambhāre sambharitvā atandito.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhì

"Từ việc bố thí thịt, mắt, v.v... vì lợi ích của toàn bộ thế gian, đức Phật đã tích lũy không mệt mỏi các yếu tố cần thiết trong vô số kiếp.

105/- Jetvā namucino senaṃ patvā sabbāsavakkhayaṃ, anāvaraṇañāṇena sabbadhammesu pāragu. Sau khi chiến thắng đội quân của Ma Vương và đạt đến sự tận diệt tất cả lậu hoặc, Ngài là vị thông suốt tất cả các pháp nhờ vào trí tuệ không còn bị che lấp.

106/- Diṭṭhadhammasukhassādamagaṇetvāna attano, dhammanāvāya tāresi janataṃ yo bhavaṇṇavā. Không màng đến sự thọ hưởng an lạc trong hiện tại của bản thân, Ngài đã đưa nhân loại vượt qua đại dương của hiện hữu nhờ vào con thuyền Giáo Pháp.

107/- Devātidevaṃ taṃ buddhaṃ saraṇaṃ sabbapāṇinaṃ, jano hi avajānanto addhā so vañcito iti. Nhưng cũng có người không biết đến đức Phật ấy là đấng cao cả hơn cả chư Thiên và là nơi nương nhờ của tất cả chúng sanh, đương nhiên người ấy bị thiệt thòi."

108/- Iccevamādiṃ sutvāna so rājā satthuvaṇṇanaṃ, ānandassuppabandhehi pavedesi pasannataṃ. Sau khi lắng nghe lời ca ngợi về bậc Đạo Sư như thế, vị vua ấy đã thể hiện niềm tin bằng những dòng lệ vì mừng rỡ.

109/- Guhasīvo pasannaṃ taṃ cittayānaṃ udikkhiya, tena saddhiṃ mahagghaṃ taṃ agamā dhātumandiraṃ. Nhận thấy vị vua Cittayāna ấy đã có được niềm tin, Guhasīva đã cùng với vị ấy đi đến ngôi điện thờ vô cùng quý giá có thờ xá-lợi.

110/- Haricandanasambhūtadvārabāhādikehi ca, pavāḷavāḷamālāhi lambamuttālatāhi ca. 111/- Indanīlakavāṭehi maṇikiṅkiṇikāhi ca, sovaṇṇakaṇṇamālāhi sobhitaṃ maṇithūpikaṃ. Ngôi bảo tháp bằng ngọc ma-ni được rạng rỡ với những tràng hoa bằng vàng, với những chuông nhỏ bằng ngọc ma-ni, với những cánh cửa sổ

bằng ngọc bích, với những chuỗi ngọc trai lủng lẳng, với những tràng hoa san hô, và với những khung cửa lớn được thực hiện bằng gỗ trầm hương màu vàng, v.v...

112/- Uccaṃ veluriyubbhāsichadanaṃ makarākulaṃ, dhātumandiramaddakkhi ratanujjalapīṭhakaṃ. Vị ấy đã nhìn thấy ngôi điện thờ xá-lợi với bệ thờ sáng rỡ châu báu có chạm các hình cá kiếm, ở bên trên có mái che rực sáng bằng ngọc quý.

113/- Tato setātapattassa heṭṭhā ratanacittitaṃ, disvā dhātukaraṇḍañca tuṭṭho vimhayamajjhagā. Sau đó, khi nhìn thấy chiếc hòm đựng xá-lợi có chạm trổ châu báu đặt ở bên dưới chiếc lọng trắng, vị ấy đã vô cùng kinh ngạc và mừng rỡ.

114/- Tato kaliṅganātho so vivaritvā karaṇḍakaṃ, mahītale nihantvāna dakkhiṇaṃ jānumaṇḍalaṃ. Kế đến, vị vua xứ Kaliṅga ấy đã mở chiếc hòm ra rồi quỳ đầu gối chân phải xuống ở trên mặt đất.

115/- Añjaliṃ paggahetvāna guṇe dasabalādike, saritvā buddhaseṭṭhassa akāsi abhiyācanaṃ. Rồi đã chắp tay tưởng niệm đến các ân đức của đức Phật Chí Tôn như là mười năng lực, v.v... và đã thốt lên lời thỉnh cầu rằng:

116/- Gaṇḍambarukkhamūlamhi tayā titthiyamaddane, yamakaṃ dassayantena pāṭihāriyamabbhutaṃ. “Trong lúc hàng phục các du sĩ ngoại đạo, Ngài đã thị hiện song thông kỳ diệu tại gốc cây Gaṇḍamba.

117/- Pubbakāyādinikkhantajalānalasamākulaṃ, cakkavāḷaṅgaṇaṃ katvā janā sabbe pasāditā. Ngài đã làm cho bầu không gian của vũ trụ được bao phủ bởi nước và lửa được phun ra từ phần trước của cơ thể, v.v..., và hết thảy dân chúng đã có niềm tin.

118/- Desetvāna tayo māse abhidhammaṃ sudhāsinaṃ, nagaraṃ otarantena saṅkassaṃ tāvatiṃsato.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ nhì

Sau khi thuyết giảng Vi Diệu Pháp cho chư Thiên trong ba tháng, Ngài đã rời cõi trời Đạo Lợi và ngự xuống thành Saṅkassa.

119/- Chattacāmarasaṅkhādigāhakehi anekadhā, brahmadevāsurādīhi pūjitena tayā pana. Hơn nữa, Ngài đã được các vị Phạm Thiên, chư Thiên, A-tu-la, v.v... cầm dù lọng, phất trần, tù và bằng vỏ ốc, v.v... tôn vinh bằng nhiều hình thức.

120/- Ṭhatvāna maṇisopāṇe vissakammābhinimmite, lokavivaraṇaṃ nāma dassitaṃ pāṭihāriyaṃ. Khi đứng ở cầu thang bằng ngọc ma-ni do Vissakamma hóa hiện ra, Ngài đã thị hiện thần thông tên là Lokavivaraṇa (mở ra cho chúng sanh thấy toàn thể thế giới).

121/- Tathā 'nekesu ṭhānesu munirāja tayā puna, bahūni pāṭihīrāni dassitāni sayambhunā. Thưa đấng Mâu Ni Vương, tương tợ như thế vô số thần thông cũng đã được Ngài là đấng Tạo Hóa thị hiện ở tại nhiều địa điểm.

122/- Pāṭihāriyamajjāpi saggamokkhasukhāvahaṃ, passantānaṃ manussānaṃ dassanīyaṃ tayā iti. Thần thông vốn là nguồn đưa đến an lạc cõi trời và giải thoát cho những người có niềm tin cũng nên được Ngài thị hiện vào ngày hôm nay."

123/- Abbhuggantvā gagaṇakuharaṃ candalekhābhirāmā vissajjentī rajatadhavalā raṃsiyo dantadhātu, dhūpāyantī sapadi bahudhā pajjalantī muhuttaṃ nibbāyantī nayanasubhagaṃ pāṭihīraṃ akāsi. Xá-lợi răng đã bay lên trên khoảng trống trên không trung đồng thời phóng ra những tia hào quang sáng trắng màu bạc hòa hợp với tia sáng của mặt trăng, rồi lập tức phun khói ra khắp nơi và phát cháy trong chốc lát, sau đó lịm tắt đi; xá-lợi răng đã thực hiện điều kỳ diệu làm hài lòng những ánh mắt.

124/- Accheraṃ taṃ paramaruciraṃ cittayāno narindo disvā haṭṭho cirapariciṭaṃ diṭṭhijālaṃ jahitvā,

gantvā buddhaṃ saraṇamasamaṃ sabbaseṇīhi saddhiṃ aggaṃ puññaṃ pasavi bahudhā dhātusammānanāya. Sau khi chứng kiến điều kỳ diệu vô cùng tuyệt vời ấy, đức vua Cittayāna trở nên mừng rỡ đã dứt bỏ màng lưới tà kiến thâm nhiễm bấy lâu, sau đó đã đi đến với đức Phật là nơi nương tựa không gì sánh bằng, rồi đã cùng với toàn bộ quân lính tạo nên điều phước báu cao quý bằng sự cung kính xá-lợi với nhiều phương thức.

Dutiyo paricchedo. Chương thứ nhì.

--ooOoo--

TATIYO PARICCHEDO CHƯƠNG THỨ BA 1/- Tato kaliṅgādhipatissa tassa so cittayāno paramappito, taṃ sāsanaṃ paṇḍunarādhipassa ñāpesi dhīro duratikkamanti. Sau đó, vị Cittayāna ấy vô cùng hoan hỷ và khôn khéo đã thông báo cho đức vua xứ Kaliṅga mệnh lệnh khó mà xao lãng ấy của đức vua Paṇḍu.

2/- Rājā tato dantapuraṃ dhajehi pupphehi dhūpehi ca toraṇehi, alaṅkaritvāna mahāvitānanivāritādiccamarīcijālaṃ. Kế đến, đức vua đã cho trang hoàng thành phố Dantapura với các cờ xí, các bông hoa, các loại khói hương, và các cổng chào; còn vầng hào quang của mặt trời đã được ngăn lại bởi mái che khổng lồ.

3/- Assuppabandhāvutalocanehi purakkhato negamanāgarehi, samubbahanto sirasā nijena mahārahaṃ dhātukaraṇḍakaṃ taṃ. Rồi (đức vua) đã dùng đầu của mình đội cái hòm xá-lợi vô cùng quý giá ấy đi phía trước dân chúng ở các thôn làng và thành nội có những cặp mắt đang tuôn trào những dòng lệ.

4/- Samussitodārasitātapattaṃ saṅkhodarodātaturaṅgayuttaṃ, rathaṃ navādiccasamānavaṇṇamāruyha cittattharaṇābhirāmaṃ. Sau đó, (đức vua) đã bước lên chiếc xe ngựa có màu sắc tợ như mặt trời lúc bình minh với chiếc lọng trắng tuyệt

hảo được căng lên và được thắng vào con ngựa màu trắng như lòng vỏ ốc.

5/- Anekasaṅkhehi balehi saddhiṃ velātivattambudhisannibhehi, nivattamānassa bahujjanassa vināpi dehaṃ manasānuyāto. Cùng với những đoàn quân số lượng nhiều vô số kể trông như nước biển tràn vào bờ, và có nhiều người đang quay trở lại, dẫu rằng thiếu vắng phần thể xác nhưng tâm ý đã đi theo.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ ba

6/- Susanthataṃ sabbadhivālukāhi susajjitaṃ puṇṇaghaṭādikehi, pupphābhikiṇṇaṃ paṭipajja dīghaṃ suvitthataṃ pāṭaliputtamaggaṃ. (Đức vua) đã đi trên đường phố của Pāṭaliputta dài và rộng được lót cát cẩn thận ở khắp mọi nơi, được rải rắc với những bông hoa, và khéo được chưng bày với những chum đầy (nước), v.v..

7/- Kaliṅganātho kusumādikehi naccehi gītehi ca vāditehi, dine dine addhani dantadhātuṃ pūjesi saddhiṃ vanadevatāhi. Hàng ngày trên đường đi, đức vua xứ Kaliṅga cùng với chư Thiên ở rừng đã cúng dường xá-lợi răng bằng những điệu vũ, lời ca, âm nhạc, và các bông hoa, v.v...

8/- Suduggamaṃ sindhumahīdharehi kamenamaddhānamatikkametvā, ādāya dhātuṃ manujādhinātho agā puraṃ pāṭaliputtanāmaṃ. Sau khi tuần tự vượt qua đoạn đường dài có các sông ngòi và núi non rất hiểm trở, vị lãnh đạo dân chúng đã rước xá-lợi đi đến thành phố tên Pāṭaliputta. 1

9/- Rājādhirājo 'tha sabhāya majjhe disvāna taṃ vītabhayaṃ visaṅkaṃ, kaliṅgarājaṃ paṭighābhibhūto abhāsi pesuññakare niganṭhe. Khi ấy, vị vua lãnh tụ của các vị vua (vua Paṇḍu) đã nhìn thấy ở giữa đám đông đức vua xứ Kaliṅga ấy đã hết sợ hãi, không còn hoài nghi, nên đã nổi cơn giận dữ nói với các đạo sĩ lõa thể, là những kẻ đâm thọc, rằng:

10/- Deve jahitvāna namassanīye chavaṭṭhimetena namassitaṃ taṃ, aṅgārarāsimhi sajotibhūte nikkhippa khippaṃ dahathādhuneti. "Người này đã từ bỏ chư Thiên đáng được cung kính, lại đi cung kính xương người chết ấy. Bây giờ, hãy ném vật ấy vào đống than đang cháy rực và thiêu đốt ngay lập tức."

11/- Pahaṭṭhacittā va tato niganṭhā rājaṅgaṇe te mahatiṃ gabhīraṃ, vītaccikaṅgārakarāsipuṇṇaṃ aṅgārakāsuṃ abhisaṅkhariṃsu. Sau đó, các đạo sĩ lõa thể ấy với tâm ý vui mừng đã chuẩn bị ở giữa khuôn viên hoàng cung cái hố than lớn và sâu chất đầy than hừng không còn lửa ngọn.

1 Nay là thành phố Patnā (ND).

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ ba

12/- Samantato pajjalitāya tāya sajotiyā roruvabheravāya, mohandhabhūtā atha titthiyā te taṃ dantadhātuṃ abhinikkhipiṃsu. Kế đó, các du sĩ ngoại đạo ấy vốn ngu si và mù quáng đã ném xá-lợi răng ấy vào đống lửa đang rực lửa ở xung quanh, ghê rợn như là địa ngục Roruva.

13/- Tassānubhāvena tam aggirāsiṃ bhetvā sarojaṃ rathacakkamattaṃ, samantato uggatareṇujālamuṭṭhāsi kiñjakkhabharābhirāmaṃ. Do oai lực của xá-lợi, có đóa hoa sen hình dáng cỡ bánh xe ngựa đã xẻ đôi đống lửa ấy và vươn lên. Đóa hoa ấy có lớp phấn lấm tấm ở xung quanh và xinh xắn nhờ những tua nhụy.

14/- Tasmiṃ khaṇe paṅkajakaṇṇikāya patiṭṭhahitvā jinadantadhātu, kundāvadātāhi pabhāhi sabbā disā pabhāsesi pabhassarāhi. Vào giây phút ấy, xá-lợi răng của đấng Chiến Thắng đã ngự lên trên đài sen và chiếu rọi khắp mọi phương với những tia sáng giống như màu trắng của hoa nhài.

15/- Disvāna taṃ acchariyaṃ manussā pasannacittā ratanādikehi, sampūjayitvā jinadantadhātuṃ sakaṃ sakaṃ diṭṭhimavossajiṃsu. Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu ấy, dân chúng khởi tâm tín thành đã cúng dường xá-lợi răng của đấng Chiến Thắng bằng những châu báu, v.v... và đã dứt bỏ được tà kiến của chính mình.

16/- So paṇḍurājā pana diṭṭhijālaṃ cirānubaddhaṃ apariccajanto, patiṭṭhapetvā'dhikaraṇyametaṃ kūṭena ghātāpayi dantadhātuṃ. Tuy nhiên, đức vua Paṇḍu ấy, không những không từ bỏ màng lưới tà kiến đã bị tiêm nhiễm lâu nay, lại còn đặt xá-lợi răng ấy ở trên cái đe rồi ra lệnh dùng búa nghiền nát.

17/- Tassaṃ nimuggādhikaraṇyamesā upaḍḍhabhāgena ca dissamānā, pubbācalaṭṭho va sudhāmarīci jotesi raṃsīhi disā samantā. Và trong khi được nhìn thấy đã bị lún vào cái đe ấy một nửa phần, xá- lợi răng vẫn chiếu sáng các phương xung quanh với các hào quang giống như ánh nắng mặt trời ở ngọn núi hướng đông.

18/- Disvānubhāvaṃ jinadantadhātuyā āpajji so vimhayamaggarājā,

eko 'tha issāpasuto nigaṇṭho taṃ rājarājānamidaṃ avoca. Sau khi nhìn thấy oai lực của xá-lợi răng của đấng Chiến Thắng, vị vua tối cao ấy đã trở nên kinh ngạc. Khi ấy, một đạo sĩ lõa thể sanh lòng đố kỵ đã nói với vị vua chúa tể ấy điều này:

19/- Rāmādayo deva janaddanassa nānāvatārā bhuvane ahesuṃ, tassekadeso ca idaṃ chavaṭṭhi no cenubhāvokathamīdisoti. "Tâu bệ hạ, đã có nhiều sự giáng trần khác nhau ở thế gian của vị Janaddana1 như là Rāmā, v.v..., và xương người chết này là một phần của vị ấy; nếu không làm sao lại có oai lực như thế này?"

20/- Addhā manussattamupāgatassa devassa pacchā tidivaṃ gatassa, dehekadeso ṭhapito hitatthametanti saccaṃ vacanaṃ bhaveyya. (Lời của đức vua) "'Đối với vị Thiên nhân đã sanh vào bản thể loài người, sau đó đi đến cõi trời, một phần thân thể của vị ấy đương nhiên đã được lưu lại; việc này nhằm đem lại điều lợi ích,' lời nói này có thể là sự thật.

21/- Saṃvaṇṇayitvāna guṇe pahūte nārāyaṇassassa mahiddhikassa, nimuggamettādhikaraṇyametaṃ sampassato me bahi nīharitvā. Các ngươi đã ca ngợi vô số đức hạnh của vị Nārāyaṇa có đại thần lực ấy, vậy hãy lấy vật đã bị lún vào cái đe ra bên ngoài cho trẫm xem xét.

22/- Sampādayitvāna mahājanānaṃ mukhāni paṅkeruhasundarāni, yathicchitaṃ gaṇhatha vatthujātaṃ iccāha rājā mukhare nigaṇṭhe. Các ngươi hãy làm cho các khuôn mặt của đám đông dân chúng tươi đẹp như những đóa hoa sen và hãy cầm lấy vật gây ra cớ sự theo như ước muốn đi," đó là lời đức vua đã nói với các đạo sĩ lõa thể lắm mồm.

23/- Te titthiyā viṇhusuraṃ guṇehi vicittarūpehi abhitthavitvā, toyena siñciṃsu saṭhā tathāpi ṭhitappadesā na calittha dhātu. Các du sĩ ngoại đạo ấy đã ca ngợi vị thần Visnu có nhiều đức hạnh dưới những hình thức khác nhau, rồi những kẻ xảo trá đã rưới nước lên. Dẫu làm như thế, xá-lợi cũng không di chuyển khỏi chỗ đã được đặt vào.

24/- Jigucchamāno atha te nigaṇṭhe so dhātuyā nīharaṇe upāyaṃ, 1 Danh hiệu của vị thần Krisṇa (đạo Hindu).

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ ba

anvesamāno vasudhādhinātho bheriṃ carāpesi sake puramhi. Khi ấy, trong lúc khinh thường các đạo sĩ lõa thể ấy và trong lúc tìm kiếm cách thức để lấy xá-lợi ra, vị chúa của trái đất đã cho nổi trống trong thành phố của mình rằng:

25/- Nimuggametthādhikaraṇyamajja yo dhātumetaṃ bahi nīhareyya, laddhāna so issariyaṃ mahantaṃ rañño sakāsā sukhamessatīti "Hôm nay, ở nơi đây người nào có thể lấy ra bên ngoài xá-lợi này đã bị lún vào cái đe sẽ được ban thưởng quyền uy cao cả và sẽ đạt đến sự hạnh phúc ở bên cạnh đức vua."

26/- Sutvāna taṃ bheriravaṃ uḷāraṃ puññatthiko buddhabale pasanno, tasmiṃ pure seṭṭhisuto subhaddo pavekkhi rañño samitiṃ pagabbho. Ở trong thành phố ấy, Subhadda con trai nhà đại phú, là người tầm cầu phước báu và có niềm tin vào oai lực của đức Phật, đã nghe được tiếng trống hùng hồn ấy và đã can đảm đi đến nơi hội họp của đức vua.

27/- Tamaggarājaṃ atha so namitvā sāmājikānaṃ hadayaṅgamāya, bhāsāya sabbaññuguṇappabhāvaṃ vaṇṇesi sārajjavimuttacitto. Sau đó, khi đã cúi chào vị vua lãnh tụ ấy, người ấy với tâm tư không chút e ngại đã ca ngợi về chân giá trị đức hạnh của đấng Toàn Giác cho các thành viên trong cuộc hội họp bằng lời nói từ trái tim:

28/- Bhūmiṃ kiṇitvā mahatā dhanena manoramaṃ jetavanaṃ vihāraṃ, yo kārayitvāna jinassa datvā upaṭṭhahī taṃ catupaccayehi. 29/- Anāthapiṇḍippadaseṭṭhiseṭṭho so diṭṭhadhammo papitāmaho me, tilokanāthe mama dhammarāje tumhedhunā passatha bhattibhāraṃ. "Người đã mua đất bằng số tài sản khổng lồ, đã cho xây dựng tu viện Jetavana xinh đẹp rồi dâng lên đấng Chiến Thắng, và đã hộ độ Ngài với bốn món vật dụng,1 vị Anāthapiṇḍika ấy là nhà đại phú đứng đầu các nhà đại phú, là cố nội của tôi, và đã chứng được Pháp. Giờ đây, các vị hãy xem xét hành động hy sinh ở nơi vị chúa tể của tam giới là đấng Pháp Vương của tôi."

30/- Itthaṃ naditvāna pahūtapañño katvāna ekaṃsamathuttarīyaṃ, mahītalaṃ dakkhiṇajānukena āhacca baddhañjaliko avoca. 1 Bốn vật dụng thiết yếu đối với đời sống là y phục, vật thực, chỗ ngụ, và thuốc trị bệnh.

Sau khi công bố lời ấy, vị có trí tuệ bao la đã đắp thượng y một bên vai, rồi đã quỳ đầu gối bên phải ở trên mặt đất, chắp tay lại nói rằng:

31/- Chaddantanāgo savisena viddho sallena yo lohitamakkhitaṅgo, chabbaṇṇaraṃsīhi samujjalante chetvāna luddāya adāsi dante. “Ngài khi là Long Tượng Chaddanta, dầu bị tên độc bắn xuyên và có thân hình đầm đìa máu me, vẫn cắt đứt cặp ngà chiếu sáng hào quang sáu màu cho đến người thợ săn.1

32/- Sasopi hutvāna visuddhasīlo ajjhattadānābhirato dvijāya, yo dajji deham pi sakaṃ nipacca aṅgārarāsimhi bubhukkhitāya. Ngay cả khi sanh làm con thỏ có giới hạnh trong sạch, Ngài cũng đã hoan hỷ với việc bố thí thân mạng nên đã cho đi thân thể của mình đã được nướng ở đống than hừng đến người Bà-la-môn đói ăn.

33/- Yo bodhiyā bāhiravatthudānā atittarūpo sivirājaseṭṭho, adāsi cakkhūni pabhassarāni dvijāya jiṇṇāya acakkhukāya. Khi là vị vua hàng đầu tên Sivi, vì sự giác ngộ Ngài có trạng thái không được thỏa mãn với sự bố thí các vật ngoại thân nên đã bố thí đôi mắt lấp lánh đến người Bà-la-môn già cả mù lòa.

34/- Yo khantivādīpi kalāburāje chedāpayante pi sahatthapādaṃ, pariplutaṅgo rudhire titikkhi mettāyamāno yasadāyake’va. Chí đến khi là Khantivādī, trong lúc bị vua Kalābu ra lệnh chặt đứt tay chân, với cơ thể đang run rẩy và đầm đìa máu me Ngài vẫn khởi tâm từ ái đến những kẻ đã đem đến sự quang vinh (cho mình).

35/- Yo dhammapālo api sattamāsajāto paduṭṭhe janake sakamhi, kārāpayante asimālakammaṃ cittaṃ na dūsesi patāparāje. Khi là Dhammapāla, dầu được sanh ra mới có bảy tháng, Ngài vẫn không nhiễm ô tâm trí khi người cha ruột là đức vua Patāpa trong cơn giận dữ đã ra lệnh thực hiện việc xử chém Ngài.

36/- Sākhāmigo yo asatā pumena vane papātā sayamuddhaṭena, silāya bhinnepi sake lalāṭe taṃ khemabhūmiṃ anayittha mūḷhaṃ.

1 Tích chuyện này và các tích chuyện kế tiếp được trích dẫn từ Jātaka (Kinh Bổn Sanh).

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ ba

Khi là con khỉ, Ngài đã đích thân đỡ dậy người đàn ông xấu xa bị té ngã ở trong rừng. Mặc dầu bị gã dùng hòn đá đập vỡ trán của mình, Ngài vẫn hướng dẫn kẻ xảo quyệt ấy đến vùng đất an toàn.

37/- Ruṭṭhena mārenabhinimmitampi aṅgārakāsuṃ jalitaṃ vibhijja, samuṭṭhite sajju mahāravinde ṭhatvāna yo seṭṭhi adāsi dānaṃ. Khi là nhà đại phú, Ngài đã đứng trên đóa hoa sen khổng lồ được vươn lên một cách mau lẹ từ giữa hố than hừng rực lửa do Ma Vương giận dữ biến hóa thành, và đã cúng dường vật thí.

38/- Migena yenopavijaññamekaṃ bhītaṃ vadhā mocayituṃ kuraṅgiṃ, āghātane attasiraṃ ṭhapetvā pamocitāññe yapi pāṇisaṅghā. Trong lốt con nai đực, Ngài đã kê đầu của mình ở bục chém để cứu thoát cái chết cho con nai cái mang thai đang bị khiếp sợ, và luôn cả các con thú khác cũng đã được giải thoát.

39/- Yo sattavasso visikhāya paṃsukīḷāparo sambhavanāmakopi, sabbaññulīḷhāya nigūḷhapañhaṃ puṭṭho viyākāsi sucīratena. Ngay cả khi là đứa trẻ bảy tuổi có tên Sambhava đang nghịch đất cát ở đường lộ bị Sucīrata vấn nạn, Ngài cũng đã trả lời được câu hỏi hóc búa với vẻ thư thái của bậc Toàn Giác.

40/- Hitvā nikantiṃ sakajīvitepi baddhā sakucchimhi ca vettavalliṃ, sākhāmigenekasahassasaṅkhe vadhā pamocesi kapissaro yo. Khi là con khỉ đầu đàn, Ngài đã dứt bỏ niềm hy vọng sống sót của chính mình và quăng đi cây gậy được buộc chặt vào bụng; Ngài đã cứu hàng ngàn con khỉ thoát khỏi cái chết.

41/- Santappayaṃ dhammasudhārasena yo mānuse tuṇḍilasūkaropi, isīva katvā atha ñāyaganthaṃ nijaṃ pavattesi cirāya dhammaṃ. Ngay cả khi là Tuṇḍilasūkara, Ngài cũng đã khiến cho nhân loại được thỏa mãn với hương vị tinh khiết của Giáo Pháp, ví như vị ẩn sĩ sau khi thực hiện cuốn sách đạo lý của mình đã duy trì Giáo Pháp được dài lâu.

42/- Paccatthikaṃ puṇyakayakkhamuggaṃ mahiddhikaṃ kāmaguṇesu giddhaṃ, yo tikkhapañño vidhurābhidhāno

damesi kāḷāgirimatthakamhi. Khi là người có trí tuệ sắc sảo mang danh hiệu Vidhura, Ngài đã thuần phục dạ-xoa Puṇyaka dữ tợn ở trên đỉnh núi Kāḷāgiri, là kẻ nghịch thù có đại thần lực và đắm say trong các dục lạc.

43/- Kulāvasāyī avirūḷhapakkho yo buddhimā vaṭṭakapotakopi, saccena dāvaggimabhijjalantaṃ vassena nibbāpayi vārido va. Ngay cả khi là chim con Vaṭṭaka khôn ngoan có hai cánh không mọc được nằm ở trong ổ chim, nhờ vào sự chân thật Ngài cũng đã dập tắt được ngọn lửa rừng đang bốc cháy, tương tợ như đám mây với cơn mưa đã dập tắt đám lửa.

44/- Yo maccharājāpi avuṭṭhikāle disvāna macche tasite kilante, saccena vākyena mahoghapuṇṇaṃ muhuttamattena akāsi raṭṭhaṃ. Thậm chí khi là vua của loài cá, sau khi nhìn thấy các con cá bị khát và kiệt sức vào thời kỳ không có mưa, nhờ vào lời nói chân thật Ngài đã tạo nên trận lũ dữ dội chỉ trong chốc lát tràn ngập cả quốc độ.

45/- Vicittahatthassarathādikāni vasundharākampanakāraṇāni, putte ’nujāte sadise ca dāre yo dajji vessantarajātiyampi. Trong lần sanh ra làm Vessantara, Ngài đã bố thí voi, ngựa, xe đã được trang hoàng, v.v... luôn cả người vợ cùng con cái đã được sanh ra, chính là những nguyên nhân khiến địa cầu rúng động.

46/- Buddho bhavitvā api diṭṭhadhammasukhānapekkho karuṇānuvattī, sabbaṃ sahanto avamānanādiṃ yo dukkaraṃ lokahitaṃ akāsi. Mặc dầu đã trở thành đức Phật, Ngài vẫn không màng đến sự sung sướng trong thời hiện tại, là người hành theo hạnh bi mẫn, trong lúc chịu đựng mọi sự chê bai, v.v... Ngài đã làm được việc lợi ích cho thế gian là điều khó thực hiện.

47/- Balena saddhiṃ caturaṅgikena abhiddavantaṃ atibhiṃsanena, ajeyyasatthaṃ paramiddhipattaṃ damesi yo ālavakampi yakkhaṃ. Ngài cũng đã thuần phục dạ-xoa Ālavaka có thần lực tối cao, vô địch về vũ khí, cùng với đoàn quân gồm bốn loại binh chủng vô cùng kinh dị chưa hề thua trận.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ ba

48/- Dehābhinikkhantahutāsanacci mālākulaṃ brahmabhavaṃ karitvā, bhetvāna diṭṭhiṃ sucirānubaddhaṃ damesi yo brahmavaraṃ munindo. Là bậc Hiền Triết hàng đầu, Ngài đã làm cho Phạm Thiên bối rối vì tràng hoa và ngọn lửa bị tách rời khỏi thân thể, sau đó đã phá vỡ tà kiến thâm nhập lâu nay, và đã khuất phục vị Phạm Thiên cao quý.

49/- Accaṅkusaṃ dhānasudhotagaṇḍaṃ nipātitaṭṭālakagopurādiṃ, dhāvantamagge dhanapālahatthiṃ damesi yo dāruṇamantakaṃ va. Ngài đã thuần hóa voi Dhanapāla dữ tợn như Ma Vương, với mũi đầm đìa nước nhớt, roi gậy không điều khiển được, đang chạy ở trên đường khiến cho các lầu đài, cổng gác, v.v... bị sụp đổ.

50/- Manussarattāruṇapāṇipādamukkhippa khaggaṃ anubandhamānaṃ, mahādayo duppasahaṃ parehi damesi yo aṅgulimālacoraṃ. Với lòng từ bi cao cả, Ngài đã thuần phục kẻ cướp Aṅgulimāla khó thống trị bởi những người khác, đang rượt theo phía sau với gươm giơ cao, tay chân nhuốm đỏ máu người.

51/- Yo dhammarājā vijitārisaṅgho pavattayanto varadhammacakkaṃ, saddhammasaññaṃ ratanākarañca ogāhayī saṃ parisaṃ samaggaṃ. Ngài là vị Pháp Vương đã chiến thắng đám đông thù nghịch, trong lúc vận chuyển Pháp Luân cao quý đã đưa toàn thể đồ chúng an trú vào sự suy tưởng về Chánh Pháp và cội nguồn Tam Bảo.

52/- Tasseva saddhammanarādhipassa tathāgatassappaṭipuggalassa, anantañāṇassa visāradassa esā mahākāruṇikassa dhātu. Đây là xá-lợi của chính vị ấy, là vị vua của Chánh Pháp, đấng Như Lai, bậc không ai sánh bằng, đấng Đại Bi, bậc tự tín, có trí tuệ vô biên.

53/- Anena saccena jinassa dhātu khippaṃ samāruyha nabhantarāḷaṃ, sudhaṃsulekheva samujjalantī kaṅkhaṃ vinodetu mahājanassa.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ ba

Do lời chân thật này, xin xá-lợi của đấng Chiến Thắng hãy tức thời bay lên không trung, đồng thời phát ra tia sáng tợ ánh trăng và xua tan nỗi hoài nghi của dân chúng."

54/- Tasmiṃ khaṇe sā jinadantadhātu nabhaṃ samuggamma pabhāsayantī, sabbādisā osadhitārakā va janaṃ pasādesi vitiṇṇakaṅkhaṃ. Vào giây phút ấy, xá-lợi răng của đấng Chiến Thắng đã bay lên hư không đồng thời chiếu sáng khắp mọi phương giống như ngôi sao Mai, và đã khiến cho mọi người phát khởi niềm tin, không còn điều nghi hoặc.

55/- Athotaritvā gaganaṅgaṇamhā sāmatthake seṭṭhisutassa tassa, patiṭṭhahitvāna sudhābhisittagattaṃ va taṃ pīṇayi bhattininnaṃ. Sau đó, xá-lợi ấy đã từ không trung ngự xuống trên đầu của người con trai nhà đại phú khiến cho con người có sự thành tín sâu thẳm ấy được hoan hỷ, như thể toàn thân được nước cam-lồ tưới mát.

56/- Disvāna taṃ acchariyaṃ nigaṇṭhā iccabravuṃ paṇḍunarādhipaṃ taṃ, vijjābalaṃ seṭṭhisutassa etaṃ na dhātuyā deva ayaṃ pabhāvo. Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu ấy, các đạo sĩ lõa thể đã nói với đức vua Paṇḍu ấy rằng: "Tâu bệ hạ, đây là năng lực do trí tuệ của người con trai nhà đại phú, quyền năng này không phải do xá-lợi."

57/- Nisamma tesaṃ vacanaṃ narindo iccabravī seṭṭhisutaṃ subhaddaṃ, yathā ca ete abhisaddaheyyuṃ tathāvidhaṃ dassaya iddhimaññaṃ. Suy nghĩ về lời nói của những người ấy, đức vua đã nói với Subhadda con trai nhà đại phú rằng: "Bằng cách nào khiến cho những người này có được niềm tin thì khanh hãy phô diễn thần thông khác bằng cách ấy."

58/- Tato subhaddo tapanīyapatte sugandhisītodakapūritamhi, vaḍḍhesi dhātuṃ munipuṅgavassa anussaranto caritabbhutāni. Sau đó, trong lúc niệm tưởng đến các điều kỳ diệu của Phật hạnh, Subhadda đã đặt xá-lợi của đấng hiền triết cao quý vào trong cái chậu vàng chứa đầy nước mát có tẩm hương thơm.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ ba

59/- Sā rājahaṃsīva vidhāvamānā sugandhitoyamhi padakkhiṇena, ummujjamānā ca nimujjamānā jane pamodassudhare akāsi. Xá-lợi ấy như chim thiên nga chúa đã lướt vòng theo hướng phải ở trên làn nước có hương thơm, lặn xuống rồi nổi lên, khiến cho mọi người đều đẫm giọt lệ mừng rỡ.

60/- Tato ca kāsuṃ visikhāya majjhe katvā tahiṃ dhātumabhikkhipitvā, paṃsūhi sammā abhipūrayitvā bahūhi maddāpayi kuñjarehi. Sau đó, vị ấy đã đào cái hố ở giữa đường đi, đặt xá-lợi xuống ở trong ấy, cẩn thận lấp đầy đất, rồi cho nhiều con voi dẫm đạp lên.

61/- Bhetvā mahiṃ uṭṭhahi cakkamattaṃ virājamānaṃ maṇikaṇṇikāya, pabhassaraṃ rūpiyake sarehi saroruhaṃ kañcanapattapāḷiṃ. Một đóa hoa sen có kích thước bằng bánh xe, có cánh sen như cái đĩa bằng vàng, rực rỡ với gương sen bằng ngọc ma-ni, và óng ánh với các tua nhụy màu bạc đã tách mặt đất vươn lên.

62/- Patiṭṭhabhitvāna tahiṃ saroje mandānilāvattitareṇujāle, obhāsayantīva disā pabhāhi diṭṭhā muhuttena jinassadhātu. Ngay lập tức, ở nơi ấy xá-lợi của đấng Chiến Thắng đã được nhìn thấy đang ngự trên đóa hoa sen được bao phủ bởi lớp phấn hoa mảnh mai xanh biếc, đang tỏa ra các tia sáng khắp các phương.

63/- Khipiṃsu vatthābharaṇāni maccā pavassayuṃ pupphamayañca vassaṃ, ukkuṭṭhisaddehi ca sādhukāranādehi puṇṇaṃ nagaraṃ akaṃsu. Mọi người đã tung lên y phục và các đồ trang sức, đã làm nên cơn mưa bằng bông hoa, và đã làm cho thành phố tràn ngập những âm thanh reo hò cùng với những lời tán thán "Sādhu lành thay!"

64/- Te titthiyā taṃ abhivañcananti rājādhirājaṃ atha saññapetvā, jigucchanīye kuṇapādikehi khipiṃsu dhātuṃ parikhāya piṭṭhe. Khi ấy, các đạo sĩ lõa thể ấy đã nói với vua lãnh tụ của các vị vua rằng: "Điều ấy là vô cùng bịp bợm," rồi đã quăng xá-lợi ở bên trên cái hố đào đáng ghê tởm vì các thây người chết.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ ba

65/- Tasmiṃ khaṇe pañcavidhambujehi sañchāditā haṃsagaṇopabhuttā, madhubbatālīvirutābhirāmā ahosi sā pokkharaṇīva nandā. Vào giây phút đó, hố đào ấy đã biến thành hồ nước xinh xắn giống như hồ nước Nandā có năm loại hoa sen bao phủ, có bầy thiên nga vui thú, và có bầy ong mật bay vo ve.

66/- Mataṅgajā koñcaravaṃ raviṃsu kariṃsu hesāninadaṃ turaṅgā, ukkuṭṭhināda ṃ akariṃsu maccā suvāditā dundubhi-ādayopi. Lũ voi đã rống lên tiếng rống của loài voi, các con ngựa đã hí lên tiếng hí của loài ngựa, dân chúng đã vang lên tiếng reo hò, và những cái trống đã được vỗ thì thùng một cách điệu nghệ, v.v...

67/- Thomiṃsu maccā thutigītakehi nacciṃsu ottappavibhūsanāpi, vatthāni sīse bhamayiṃsu mattā bhujāni poṭhesumudaggacittā. Nhiều người đã tán thán với những lời ca khen ngợi, ngay cả những người đeo đồ trang sức và có sự hổ thẹn cũng đã nhảy múa, nhiều người hứng khởi đã quay vòng vòng y phục phía trên đầu, một số khác có tâm phấn chấn đã vung vẫy những cánh tay.

68/- Dhūpehi kāḷāgarusambhavehi ghanāvanaddhaṃ va nabhaṃ ahosi, samussitānekadhajāvalīhi puraṃ tadā vatthamayaṃ va āsi. Khi ấy, bầu trời dường như được bao phủ bởi những lớp mây dầy đặc với những làn khói mù phát ra từ loại hắc mộc, và thành phố giống như được làm bằng vải với vô số dãy cờ xí đã được dựng lên.

69/- Disvā tamaccheramacintanīyaṃ āmoditā maccagaṇā samaggā, atthe niyojetumupecca tassa vadiṃsu paṇḍussa narādhipassa. Sau khi chứng kiến điều kỳ diệu ngoài sức tưởng tượng ấy, tập thể các quan đại thần đã hoan hỷ đồng lòng tiến đến và khẩn cầu đức vua Paṇḍu ấy tham gia vào việc lợi ích:

70/- Disvāna yo īdisakampi rāja iddhānubhāvaṃ munipuṅgavassa, pasādamattampi kareyya no ce kimatthiyā tassa bhaveyya paññā.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ ba

"Tâu bệ hạ, ngay cả sau khi nhìn thấy năng lực thần thông như thế ấy của bậc hiền triết cao quý, người nào vẫn không có chút niềm tin thì trí tuệ của người ấy có được lợi ích gì?

71/- Pasādanīyesu guṇesu rāja pasādanaṃ sādhujanassa dhammo, pupphanti sabbe sayameva cande samuggate komudakānanāni. Tâu bệ hạ, việc tin tưởng vào các đức hạnh đáng được tin tưởng là bản chất của bậc thiện nhân. Khi mặt trăng mọc lên thì toàn bộ các hoa rừng komuda đều tự thân nở rộ.

72/- Vācāya tesaṃ pana dummatīnaṃ mā saggamaggaṃ pajahittha rāja, andhe gahetvā vicareyya ko hi anvesamāno supathaṃ amūḷho. Tâu bệ hạ, hơn nữa xin chớ từ bỏ đường về Thiên giới vì lời nói của những kẻ ngu si ấy. Ai lại nương theo và đi lại trong bóng tối, bởi vì người sáng trí sẽ tầm cầu con đường tốt đẹp?

73/- Narādhipā kappiṇabimbisārasuddhodanādi api tejavantā, taṃ dhammarājaṃ saraṇaṃ upecca piviṃsu dhammāmatamādareṇa. Các vị vua có uy quyền như Kappiṇa, Bimbisāra, Suddhodana, v.v... đã đi đến nương nhờ vào đấng Pháp Vương ấy và do lòng thành kính đã nếm được Pháp Bất Tử.

74/- Sahassanetto tidasādhipo pi khīṇāyuko khīṇabhavaṃ munindaṃ, upecca dhammaṃ vimalaṃ nisamma alattha āyuṃ api diṭṭhadhammo. Ngay cả vị thần ngàn mắt, chúa của chư Thiên, khi tuổi thọ gần hết đã đi đến gặp đấng Mâu Ni Vương đang ở vào giai đoạn cuối đời, đã lắng nghe Giáo Pháp thanh khiết, và cũng đã đạt được thọ mạng trong thời hiện tại.

75/- Tuvampi tasmiṃ jitapañcamāre devātideve varadhammarāje, saggāpavaggādhigamāya khippaṃ cittaṃ pasādehi narādhirāja.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ ba

Tâu đại vương, để đạt đến cõi trời và sự giải thoát, ngay cả ngài cũng hãy mau khởi tâm hoan hỷ vào đấng Pháp Vương cao quý ấy, bậc đã đánh bại năm hạng Ma Vương, là vị trời vượt trội chư Thiên.” 1

76/- Sutvāna tesaṃ vacanaṃ narindo vikiṇṇakaṅkho ratanattayamhi, senāpatiṃ atthacaraṃ avoca pahaṭṭhabhāvo parisāya majjhe. Sau khi lắng nghe lời nói của những người ấy, đức vua đã xua đi nỗi nghi ngờ vào Tam Bảo, rồi với trạng thái phấn khởi đã nói với vị tướng quân ở giữa đám quần thần về việc thực hành điều lợi ích rằng:

77/- Asaddahāno ratanattayassa guṇe bhavacchedanakāraṇassa, cirāya dulladdhipathe caranto ṭhito sarajje api vañcitohaṃ. “Lâu nay, trẫm đã bị lừa dối. Trẫm dầu ngự trị vương quốc nhưng đã thực hành theo đường tà kiến và không có tin tưởng vào ân đức của Tam Bảo là nhân để chặt đứt sự luân hồi.

78/- Mohena khajjopaṇakaṃ dhamesiṃ sītaddito dhūmasikhe jalante, pipāsito sindhujalaṃ pahāya piviṃ pamādena marīcitoyaṃ. Bị khổ sở vì lạnh, do sự mê muội trẫm đã khơi lên ngọn lửa của loài đôm đốm trong lúc đám lửa có khói đang cháy sáng. Đang bị khát, do sự lơ đễnh trẫm lại bỏ đi nguồn nước của đại dương và uống vào thứ nước ảo giác.

79/- Pariccajitvā amataṃ cirāya jīvatthiko tikkhavisaṃ akhādiṃ, vihāya’haṃ campakapupphadāmaṃ adhārayiṃ jattusu nāgabhāraṃ. Lâu nay, là người tầm cầu thọ mạng, trẫm lại bỏ đi nước cam lồ và đã ăn vào thuốc độc cực mạnh, trẫm lại bỏ đi tràng hoa Campaka và đã khoác lên bầy rắn ở trên vai.

80/- Gantvāna khippaṃ parikhāsamīpaṃ ārādhayitvā jinadantadhātuṃ, ānehi pūjāvidhinā karissaṃ puññāni sabbattha sukhāvahāni. Trẫm sẽ lập tức đi đến bên hố đào, sẽ rước xá-lợi răng của đấng Chiến Thắng lên, và sẽ thực hiện các phước thiện theo phương thức cúng dường hiện tại để đem lại an lạc cho mọi nơi.”

1 Năm hạng Ma Vương: Phiền não Ma Vương (kilesamāra), Ngũ uẩn Ma Vương (khandhamāra), Pháp hành Ma Vương (abhisaṅkhāramāra), Thiên Tử Ma Vương (devaputtamāra), Tử thần Ma Vương (maccumāra).

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ ba

81/- Gantvā tato so parikhāsamīpaṃ senādhināṭho paramappatīto, dhātuṃ munindassa namassamāno ajjhesi rañño hitamācaranto. Sau đó, trong lúc bày tỏ lòng cung kính đồng thời tiến hành sự lợi ích cho vương quốc, vị thống lãnh quân đội ấy, vô cùng hoan hỷ, đã đi đến bên hố đào thỉnh cầu xá-lợi của đấng Mâu Ni.

82/- Cirāgataṃ diṭṭhimalaṃ pahāya alattha saddhaṃ sugate narindo, pāsādamāgamma pasādamassa vaḍḍhehi rañño ratanattayamhi. Sau khi từ bỏ bợn nhơ của tà kiến đã bị tiêm nhiễm bấy lâu, đức vua đã thành đạt niềm tin vào đấng Thiện Thệ và đã quay về tòa lâu đài. Đức tin của vị vua ấy đối với Tam Bảo đã được tăng trưởng.

83/- Tasmiṃ khaṇe pokkharaṇī vicittā phullehi sovaṇṇasaroruhehi, alaṅkarontī gaganaṃ ahosi mandākinīvābhinavāvatārā. Vào giây phút ấy, hồ nước được điểm tô bằng những đóa hoa sen màu vàng nở rộ trở nên giống như hồ nước Mandākinī ở trên Thiên cung được trang hoàng những vì sao mới.

84/- Haṃsaṅgaṇevātha munindadhātu sā paṅkajā paṅkajamokkamantī, kundāvadātāhi pabhāhi sabbaṃ khīrodakucchiṃva puraṃ akāsi. Khi ấy, xá-lợi răng của đấng Mâu Ni Vương với những tia sáng màu trắng hoa nhài, trông như bầy thiên nga, đang ngự xuống từ đóa sen này đến đóa sen khác đã làm cho toàn bộ thành phố trông giống như bề mặt của biển khơi.

85/- Tato surattañjalipaṅkajamhi patiṭṭhahitvāna camūpatissa, sandissamānā mahatā janena mahapphalaṃ mānusakaṃ akattha. Kế đến, xá-lợi ấy, trong khi ngự ở trên đóa sen màu đỏ rực trông giống như bàn tay chắp lại và đang được đám đông người chiêm ngưỡng, đã tạo nên kết quả lớn lao về nhân tính đối với vị quân vương.

86/- Sutvāna vuttantamimaṃ narindo pahaṭṭhabhāvo padasā va gantvā, saṃsūcayanto diguṇaṃ pasādaṃ suvimhito pañjaliko avoca. Sau khi nghe được tin này, đức vua với trạng thái phấn chấn đã đích thân đi bộ đến. Vô cùng ngạc nhiên, đức vua trong lúc bày tỏ niềm tin được nhân đôi đã chắp tay lên nói rằng:

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ ba

87/- Vohāradakkhā manujā muninda saṅghaṭṭayitvā nikasopalamhi, karonti agghaṃ varakañcanassa eso hi dhammo carito purāṇo. “Ôi đấng Mâu Ni Vương, những người rành rẽ về buôn bán định được giá trị của vàng nguyên chất sau khi cọ xát vào phiến

đá mài, bởi vì đây là phương thức cổ truyền đã được thực hành.

88/- Maṇiṃ pasatthākarasambhavampi hutāsakammehi 'bhisaṅkharitvā, pāpenti rājaññakirīṭakoṭiṃ vibhūsanatthaṃ viduno manussā. Những người thông minh gắn ngọc ma-ni ở trên đỉnh vương miện dòng dõi Sát-đế-lỵ nhằm mục đích trang điểm, mặc dầu viên ngọc được biết là có nguồn gốc từ hầm mỏ và được trau chuốt với các công việc đốt nóng.

89/- Vīmaṃsanatthāya tavādhunāpi mayā kataṃ sabbamidaṃ muninda, āguṃ mahantaṃ khama bhūripaññā khippaṃ mamālaṅkuru uttamaṅgaṃ. Ôi đấng Mâu Ni Vương, giờ đây trẫm cũng đã làm tất cả việc này để đáp ứng sự thử thách của Ngài. Ôi đấng trí tuệ bao la, xin hãy tha thứ tội lỗi trầm trọng và hãy mau chóng điểm tô cái đầu của trẫm."

90/- Patiṭṭhitā tassa tato kirīṭe maṇippabhābhāsinī dantadhātu, amuñci raṃsī dhavalā pajāsu sinehajātā iva khīradhārā. Kế đó, xá-lợi răng có ánh sáng như là ngọc ma-ni đã ngự lên vương miện của đức vua và đã phát ra hào quang màu sáng trắng đến chúng sanh tợ như dòng sữa tiết ra vì lòng thương mến.

91/- So dantadhātuṃ sirasā vahanto padakkhiṇaṃ taṃ nagaraṃ karitvā, sampūjayanto kusumādikehi susajjitantopuramāharittha. Trong khi đội xá-lợi răng ở trên đầu và tỏ lòng tôn kính bằng những bông hoa v.v... đức vua đã hướng vai phải nhiễu quanh thành phố ấy rồi đã mang đến nội thành đã khéo được trang hoàng.

92/- Samussitodārasitātapatte pallaṅkaseṭṭhe ratanujjalamhi, patiṭṭhapetvāna jinassa dhātuṃ pūjesi rājā ratanādikehi. Đức vua đã an vị ở trên chiếc ngai thượng hạng lấp lánh châu ngọc có chiếc lọng trắng cao quý che bên trên và đã cúng dường xá-lợi của đấng Chiến Thắng bằng những châu báu, v.v...

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ ba

93/- Buddhādivatthuttayameva rājā āpāṇakoṭiṃ saraṇaṃ upecca, hitvā vihiṃsaṃ karuṇādhivāso ārādhayī sabbajanaṃ guṇehi. Sau khi quy y Tam Bảo là Phật Bảo, v.v... cho đến hơi thở cuối cùng, đức vua đã từ bỏ sự bạo tàn, an trú vào lòng bi mẫn, và đã làm cho tất cả mọi người được hài lòng với nhiều đức hạnh.

94/- Kāresi nānāratanappabhāhi sahassaraṃsīva virocamānaṃ, narādhipo bhattibharānurūpaṃ sucittitaṃ dhātunivesanampi. Với lòng tận tụy, vị vương quân cũng đã cho xây dựng phòng thờ xá-lợi khéo được tô điểm tương xứng và rực rỡ với những luồng ánh sáng của các loại châu báu khác nhau trông giống như ánh mặt trời.

95/- Vaḍḍhesi so dhātugharamhi dhātuṃ alaṅkaritvā sakalaṃ purampi, sesena pūjāvidhinā atitto pūjesi raṭṭhaṃ sadhanaṃ sabhogaṃ. Sau khi an vị xá-lợi ở trong gian nhà thờ xá-lợi và cho trang hoàng toàn bộ thành phố, đức vua còn chưa thỏa mãn với phương thức cúng dường còn lại, nên đã cúng dường vương quốc cùng với tài sản và của cải.

96/- Āmantayitvā guhasīvarājaṃ sammānitaṃ attasamaṃ karitvā, dānādikaṃ puññamanekarūpaṃ saddhādhano sañciṇi rājaseṭṭho. Sau khi thỉnh mời đức vua Guhasīva và đã thể hiện sự tôn trọng ngang hàng với mình, vị vua lãnh tụ, với tài sản là đức tin, đã thu thập phước báu dưới nhiều hình thức như là bố thí, v.v...

97/- Tato so bhūpālo kumatijanasaṃsaggamanayaṃ, nirākatvā magge sugatavacanujjotasugame. padhāvanto sammā saparahitasampatticaturo, pasatthaṃ lokatthaṃ acari caritāvajjitajano. Từ đó, sau khi xa rời đường lối giao du với những kẻ có trí tuệ sai lạc, vị vương quân ấy, là người khôn khéo trong việc tạo thành sự lợi ích cho người khác và là người có sự suy nghĩ trong hành động, đã thực hành điều lợi ích tốt đẹp cho thế gian, đồng thời tiến lên trên đạo lộ thuận tiện và sáng lạng theo lời dạy của đấng Thiện Thệ.

Tatiyo paricchedo. Chương thứ ba. --ooOoo--

CATUTTHO PARICCHEDO CHƯƠNG THỨ TƯ: 1/- Carati dharaṇipāle rājadhammesu tasmiṃ samaracaturaseno khīradhāro narindo, nijabhujabalalīlā 'rātidappappamāthī vibhavajanitamāno yuddhasajjo 'bhigañchi. Trong lúc vị vương quân ấy thực thi các phận sự hoàng gia, thì đức vua Khīradhāra, là người khuất phục niềm kiêu hãnh của kẻ thù bằng sự vận dụng sức mạnh của đôi tay mình và có bốn đội binh thiện chiến, đã tiến quân đồng thời tăng cường lực lượng sẵn sàng lâm trận.

2/- Karivaramatha disvā so guhādvārayātaṃ paṭibhayarahitatto sīharājāva rājā, nijanagarasamīpāyātametaṃ narindaṃ amitabalamahoghen'ottharantā'bhiyāyi. Khi nhìn thấy con voi cao quý đã tiến đến cửa hang và vị vua kia đã tiến đến khu vực lân cận thành phố của mình, vị vua ấy như con sư tử chúa có bản chất không hề sợ hãi đã tấn công vào những kẻ xâm lược bằng cơn lũ dữ dội của sức mạnh vô biên.

3/- Uditabahaladhūlīpāḷiruddhantaḷikkho samadavividhayodhārāvasaṃrambhabhīme, nisitasarasatālīvassadhārākarāle ajini mahati yuddhe paṇḍuko khīradhāraṃ. Bầu trời đã bị che lấp bởi đám bụi mù dầy đặc bốc lên, đức vua Paṇḍu đã đánh bại đức vua Khīradhāra trong trận chiến đấu dữ dội, ghê rợn đầy chết chóc với tiếng la hét của nhiều hạng chiến sĩ đang hăng máu, trong tiếng sấm động mang theo những đám mưa với hàng trăm mũi tên sắc bén.

4/- Atha narapatiseṭṭho saṅgahetvāna raṭṭhaṃ nijatanujavarasmiṃ rajjabhāraṃ nidhāya, sugatadasanadhātuṃ sampaṭicchāpayetvā

pahiṇi ca guhasīvaṃ sakkaritvā saratthaṃ. Kế đến, sau khi đoạt lại vương quốc, vị vua lãnh tụ đã truyền vương quyền cho người con trai yêu quý của mình, sau khi thuyết phục đức vua Guhasīva nhận lấy xá-lợi răng của đấng Thiện Thệ, rồi đã tiếp đãi trọng thể và tiễn về xứ sở của vị ấy.

5/- Suciramavanipālo saññamaṃ ajjhupeto vividhavibhavadānā yācake tappayitvā, tidasapurasamājaṃ dehabhedāpayāto kusalaphalamanappaṃ patthitaṃ paccalattha. Thời gian dài sau đó, đức vua đã đạt được sự tự chế và đã làm hài lòng những người

hành khất với sự bố thí nhiều loại vật chất, đến khi thân xác tan hoại đã sanh về cõi trời và đã thành tựu được nhiều quả báu tốt lành như đã ước nguyện.

6/- Narapati guhasīvo taṃ munindassa dhātuṃ sakapuramupanetvā sādhu sammānayanto, sugatigamanamagge pāṇino yojayanto sucaritamabhirūpaṃ sañcinanto vihāsi. Sau khi rước xá-lợi của đấng Mâu Ni Vương ấy về thành phố của mình, đức vua Guhasīva đã sống, đồng thời đã tích lũy hạnh lành cao thượng, đã cung kính đúng mực, và đã gắn bó nhiều người vào đạo lộ đi đến cõi trời.

7/- Agaṇitamahimassujjenirañño tanūjo purimavayasi yevāraddhasaddhābhiyogo, dasabalatanudhātuṃ pūjituṃ tassa rañño puravaramupāyāto dantanāmo kumāro. Vị hoàng tử tên Danta, con trai của đức vua xứ Ujjenī, là người có sự cung kính và niềm tin phát khởi, lúc tuổi còn trẻ đã đi đến thành phố của vị vua ấy để cúng dường xá-lợi của đấng Thập Lực.

8/- Guṇajanitapasādaṃ taṃ kaliṅgādhināthaṃ nikhilaguṇanivāso so kumāro karitvā, vividhamahavidhānaṃ sādhu sampādayanto avasi sugatadhātuṃ anvahaṃ vandamāno. Vị hoàng tử ấy với đầy đủ các đức hạnh đã tạo được niềm tin ở đức vua xứ Kaliṅga ấy nhờ vào hạnh kiểm. Và vị ấy đã sống, đồng thời đã thể hiện

lòng thành theo nhiều phương thức long trọng khác nhau, và đã cúng dường đến xá-lợi của đấng Thiện Thệ mỗi ngày.

9/- Abhavi ca guhasīvassāvanīsassa dhītā vikacakuvalayakkhī haṃsakantābhiyātā, vadanajitasarojā hāridhammillabhārā kucabharanamitaṅgī hemamālābhidhānā. Đức vua Guhavīva có người con gái tên là Hemamālā. Nàng có đôi mắt như hoa súng, có dáng đi đẹp như chim thiên nga, có khuôn mặt vượt hẳn đóa hoa sen, có những búi tóc bện xinh đẹp, có dáng người ưỡn ra phía trước để nâng đỡ ngực.

10/- Akhilaguṇanidhānaṃ bandhubhāvānurūpaṃ suvimalakulajātaṃ taṃ kumāraṃ viditvā, narapati guhasīvo attano dhītaraṃ taṃ adadi sabahumānaṃ rājaputtassa tassa. Sau khi biết được vị hoàng tử ấy xuất thân dòng dõi không chút bợn nhơ, có đầy đủ đức hạnh tốt đẹp, xứng đáng để thân cận, đức vua Guhasīva đã gả người con gái yêu quý ấy của mình cho vị hoàng tử ấy.

11/- Manujapati kumāraṃ dhāturakkhādhikāre pacuraparijanaṃ taṃ sabbathā yojayitvā, gavamahisasahassādīhi sampīṇayitvā sakavibhavasarikkhe issaratte ṭhapesi. Đức vua đã giao phó hoàn toàn cho vị hoàng tử ấy và đoàn tùy tùng đông đảo nhiệm vụ bảo quản xá-lợi, đã làm cho hoan hỷ với hàng ngàn trâu, bò, v.v... và đã đặt vào vị trí lãnh đạo tương đương với quyền lực của mình.

12/- Samarabhuvi vinaṭṭhe khīradhāre narinde malayavanamupetā bhāgineyyā kumārā, pabalamatimahantaṃ saṃharitvā balaggaṃ upapuramupagañchuṃ dhātuyā gaṇhaṇatthaṃ. Khi đức vua Khīradhāra bị giết chết ở bãi chiến trường, các vị hoàng tử hàng con cháu đã đi đến khu rừng Malaya, đã thu thập đội quân lớn mạnh và tinh nhuệ, rồi đã tiến đến gần thành phố để đoạt lấy xá-lợi.

13/- Atha nagarasamīpe te nivesaṃ karitvā savaṇakaṭukametaṃ sāsanaṃ pesayiṃsu, sugatadasanadhātuṃ dehi vā khippamamhaṃ yasasirijananiṃ vā kīḷa saṅgāmakeḷiṃ. Sau đó, họ đã xây dựng lều trại ở xung quanh thành phố và cho người đưa lời nhắn nhủ khó nghe rằng: “Hãy mau trao ra cho chúng tôi xá-lợi răng của đấng Thiện Thệ, hoặc là hãy xông xáo chiến trận là nơi tạo ra vinh quang và danh vọng?”

14/- Sapadi dharaṇipālo sāsanaṃ taṃ suṇitvā avadi rahasi vācaṃ rājaputtassa tassa, na hi sati mama dehe dhātumaññassa dassaṃ ahamapi yadi jetuṃ neva te sakkuṇeyyaṃ. 15/- Suranaranamitaṃ taṃ dantadhātuṃ gahetvā gahitadijavilāso sīhaḷaṃ yāhi dīpaṃ, iti vacanamudāraṃ mātulassātha sutvā tamavaca guhasīvaṃ dantanāmo kumāro. Ngay khi vừa nghe được lời nhắn tin ấy, đức vua đã nói riêng với vị hoàng tử ấy rằng: “Nếu thân mạng ta còn thì ta sẽ không trao xá-lợi cho người khác. Tuy nhiên, nếu ta không thể chiến thắng họ thì ngươi hãy cải trang thành Bà-la-môn rồi hãy mang xá-lợi răng được chư Thiên và nhân loại tôn thờ ấy đi đến hòn đảo Laṅkā.” Khi ấy, vị hoàng tử tên Danta đã nghe được lời nói cao thượng của người cậu nên đã nói với đức vua Guhasīva ấy rằng:

16/- Tava ca mama ca ko vā sīhaḷe bandhubhūto jinacaraṇasaroje bhattiyutto ca ko vā, jalanidhiparatīre sīhaḷaṃ khuddadesaṃ kathamahamatinessaṃ dantadhātuṃ jinassa. “Ở trên xứ Sīhaḷa, ai là người thân thuộc của ngài hoặc của con? Và ai là người tận tụy trong việc thờ phụng bàn chân hoa sen của đấng Chiến Thắng? Tại sao con sẽ phải đưa xá-lợi của đấng Chiến Thắng đến xứ sở nhỏ bé Sīhaḷa ở bờ bên kia của biển cả?”

17/- Tamavadi guhasīvo bhāgineyyaṃ kumāraṃ dasabalatanudhātū saṇṭhitā sīhaḷasmiṃ, bhavabhayahatidakkho vattate satthudhammo

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ tư

gaṇanapathamatītā bhikkhavo cāvasiṃsu. Đức vua Guhasīva đã nói với vị hoàng tử là người cháu trai ấy rằng: “Ở xứ Sīhaḷa có các xá-lợi di thể của đấng Thập Lực đang được lưu trữ, Giáo Pháp của bậc Đạo Sư có khả năng đoạn diệt luân hồi và sự sợ hãi đang được thực hành, và đã có vô số các vị tỳ khưu cư trú.

18/- Mama ca piyasahāyo so mahāsenarājā jinacaraṇasarojadvandasevābhiyutto, salilamapi ca phuṭṭhaṃ dhātuyā patthayanto vividharatanajātaṃ pābhataṃ pesayittha. Và đức vua Mahāsena ấy là bạn hữu yêu quý của trẫm luôn gắn bó trong việc thờ phượng hai bàn chân như đóa sen của đấng Chiến Thắng. Thậm chí trong lúc thỉnh cầu lượng nước đã được xá-lợi chạm đến, đức vua cũng đã gởi đến quà biếu được tạo nên với nhiều loại châu báu.

19/- Pabhavati manujindo sabbadā buddhimā so sugatadasanadhātuṃ pūjituṃ pūjaneyyaṃ, paricitavisayamhā vippavutthaṃ bhavantaṃ vividhavibhavadānā sādhu saṅgaṇhituṃ ca. Vị vua ấy thông minh, luôn luôn có khả năng cúng dường xá-lợi răng của đấng Thiện Thệ là vật xứng đáng để cúng dường, và (có khả năng) tiếp đãi nồng hậu với nhiều sự cung phụng về vật chất đối với cháu đang lúc sống xa lìa các đối

tượng quen thuộc.”

20/- Nijaduhitupatiṃ taṃ itthamārādhayitvā narapati guhasīvo saṅgahetvāna senaṃ, raṇadharaṇimupeto so kumārehi saddhiṃ maraṇaparavasattaṃ ajjhagā yujjhamāno. Sau khi khích lệ người chồng của con gái mình như thế, đức vua Guhasīva ấy đã tập hợp đoàn quân tiến ra bãi chiến trường, và trong lúc giao đấu cùng với các vị hoàng tử đã bị tử thương.

21/- Atha narapatiputto dantanāmo suṇitvā savaṇakaṭukametaṃ mātulassa pavattiṃ, gahitadijavilāso dantadhātuṃ gahetvā turitaturitabhūto so puramhā palāyi.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ tư

Khi ấy, người con trai của đức vua tên là Danta, sau khi nghe được tin khó nghe ấy về người cậu, đã cải trang thành Bà-la-môn rồi mang theo xá- lợi răng và tẩu thoát khỏi thành phố trong trạng thái vô cùng vội vã.

22/- Sarabhasamupagantvā dakkhiṇaṃ cātha desaṃ avicalitasabhāvo iddhiyā devatānaṃ, nadimatimahatiṃ so uttaritvāna puṇṇaṃ nidahi dasanadhātuṃ vālukārāsimajjhe. Rồi sau đó, khi đã đi đến Sarabhasa là khu vực ở phía nam, vị ấy với bản chất kiên định đã vượt qua dòng sông ngập nước vô cùng rộng lớn nhờ vào năng lực của chư Thiên, và đã giấu xá-lợi răng vào giữa đống cát.

23/- Puna puramupagantvā taṃ gahitaññavesaṃ bhariyamapi gahetvā āgato tattha khippaṃ, sugatadasanadhātuṃ vālukāthūpakucchiṃ ṭhapitamupacaranto acchi gumbantarasmiṃ. Hơn nữa, sau khi đi đến gần thành phố, vị ấy cũng đã dẫn người vợ được hóa trang dưới bộ dạng khác rồi đã nhanh chóng đi đến nơi ấy. Vị ấy đã cư ngụ ở giữa khu rừng thưa đồng thời thờ phụng xá-lợi răng của đức Thiện Thệ đã được đặt ở trong lòng ngôi tháp bằng cát.

24/- Sapadi nabhasi thero gacchamāno paneko vividhakiraṇajālaṃ vālukārāsithūpā, aviralitamudentaṃ dhātuyā tāya disvā paṇami sugatadhātuṃ otaritvāna tattha. Rồi có một vị trưởng lão, trong lúc di chuyển ở không trung, đã nhìn thấy màng lưới hào quang đa dạng của xá-lợi ấy đang phát ra không ngừng từ ngôi tháp là đống cát nên đã lập tức đáp xuống nơi ấy và đã đảnh lễ xá-lợi của đức Thiện Thệ.

25/- Munisutamatha disvā jampatī te patītā nijagamanavidhānaṃ sabbamārocayiṃsu, dasabalatanujo so dhāturakkhāniyutto parahitaniratatto te ubho ajjhabhāsi. Sau khi nhìn thấy vị đệ tử của đấng Mâu Ni, cặp vợ chồng ấy đã mừng rỡ kể lại tất cả về tiến trình lưu lạc đến (nơi ấy). Vị đệ tử của đấng Thập

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ tư

Lực ấy có trách nhiệm trong việc bảo quản xá-lợi và có bản tánh hoan hỷ với điều lợi ích của người khác nên đã nói với cả hai người ấy rằng:

26/- Dasabalatanudhātuṃ sīhaḷaṃ netha tumhe agaṇitatanukhedā vītasārajjametaṃ, api ca gamanamagge jātamatte vighāte saratha mamamanekopaddavacchedadakkhaṃ. “Các vị đang di chuyển xá-lợi di thể của đấng

Thập Lực đến xứ Sīhaḷa, điều ấy chứng tỏ rằng các vị đã không màng đến biết bao sự khổ nhọc về cơ thể. Tuy nhiên, ở trên đường đi mỗi khi có việc giết chóc xảy ra, các vị hãy tưởng nhớ đến tôi thì tôi sẽ nhìn thấy được mọi điều hiểm nghèo hoặc cướp bóc."

27/- Iti sugatatanujo jampatīnaṃ kathetvā punapi tadanurūpaṃ desayitvāna dhammaṃ, puthutaramapanetvā sokasallañca gāḷhaṃ sakavasatimupetā antaḷikkhena dhīro. Sau khi nói như thế với cặp vợ chồng, vị đệ tử trí tuệ của đấng Thiện Thệ cũng đã thuyết giảng Giáo Pháp phù hợp với sự việc ấy, và đã nhổ lên mũi tên sầu muộn sâu xa trầm trọng, sau đó đã trở về chỗ trú ngụ của mình bằng đường không trung.

28/- Bhujagabhavanavāsi ninnagāyātha tassā bhujagapati mahiddhī paṇḍubhārābhidhāno, sakapurapavaramhā nikkhamitvā caranto samupagami tadā taṃ ṭhānamicchāvasena. Khi ấy, con rồng chúa có đại thần lực tên là Paṇḍubhāra cư ngụ trong cung điện của loài rồng ở tại dòng sông ấy đã rời khỏi thành trì sang trọng của mình, và trong lúc di chuyển theo ý thích đã đi đến gần địa điểm ấy.

29/- Vimalapulinathūpā so samuggacchamānaṃ sasiruciramarīcijjālamālokayitvā, ṭhitamatha munidhātuṃ vālukārāsigabbhe kimidamiti sakaṅkhaṃ pekkhamāno avedi. Trong lúc tiến đến gần, con rồng chúa ấy đã nhìn thấy màng lưới hào quang tợ như mặt trăng từ đồi cát tinh khiết, và trong lúc suy tư về điều

thắc mắc "Đây là vật gì vậy?" nó đã biết được rằng xá-lợi của đấng Mâu Ni được đặt ở bên trong lòng đống cát.

30/- Sapadi sabahumāno so asandissamāno ratanamayakaraṇḍaṃ dhātuyuttaṃ gilitvā, vitataputhuladeho bhogamālāhi tuṅgaṃ kanakasikharirājaṃ veṭhayitvā sayittha. Ngay lập tức, với sự vô cùng tôn kính con rồng chúa liền tàng hình và đã nuốt vào cái hòm làm bằng châu báu đang chứa đựng xá-lợi. Sau đó với thân hình rộng lớn trải dài, con rồng chúa đã quấn quanh ngọn núi chúa bằng vàng với các vòng thân thể rồi nằm xuống.

31/- Salilanidhisamīpaṃ jampatī gantukāmā pulinatalagataṃ taṃ dantadhātuṃ adisvā, nayanasaliladhāraṃ sokajātaṃ kirantā sugatasutavaraṃ taṃ taṅkhaṇe'nussariṃsu. Hai vợ chồng có ý định đi đến vùng ven biển, nhưng không nhìn thấy xá-lợi răng ấy để ở bên dưới đống cát nên đã sanh khởi lòng sầu muộn, rồi đã tuôn trào dòng nước mắt, và vào giây phút ấy đã tưởng nhớ đến vị đệ tử cao quý ấy của đấng Thiện Thệ.

32/- Atha sugatasuto so cintitaṃ saṃviditvā agami savidhamesaṃ sokadīnānanānaṃ, asuṇi ca jinadhātuṃ vālukārāsimajjhe nihitamapi adiṭṭhaṃ pūjitaṃ jampatīhi. Khi đó, vị đệ tử ấy của đấng Thiện Thệ đã nhận biết luồng tư tưởng nên liền đi đến gặp những người ấy đang có khuôn mặt sầu muộn khổ sở, và đã biết rằng xá-lợi của đấng Chiến Thắng đã không còn được nhìn thấy, mặc dầu đã được cất giấu ở giữa đống cát và được thờ phụng bởi hai vợ chồng.

33/- Sayitamatha yatī so dibbacakkhuppabhāvā ratanagirinikuñje nāgarājaṃ apassi, vihagapatisarīraṃ māpayī tammuhutte vitataputhulapakkhenantaḷikkhaṃ thakentaṃ. Sau đó, vị tỳ khưu ấy bằng năng lực Thiên nhãn đã nhìn thấy con rồng chúa đang nằm ở bên cạnh hòn núi châu báu. Và vào giây phút đó, vị ấy

đã biến hóa thành thân thể của loài chim chúa có đôi cánh xòe rộng che kín bầu trời.

34/- Jaladhimatigambhīraṃ taṃ dvidhā so karitvā pabalapavanavegenattano pakkhajena, sarabhasamabhidhāvaṃ bhīmasaṃrambhayogā abhigami bhujagindaṃ merupāde nipannaṃ. Vị ấy đã xẻ biển cả sâu thẳm ấy ra làm hai bằng đôi cánh của chính mình với tốc độ của làn gió mạnh mẽ, rồi đã tạo thành tiếng kêu ghê rợn và mau chóng lao đến con rồng chúa đang nằm ở chân núi Meru.

35/- Jahitabhujagaveso taṅkhaṇe so phaṇindo paṭibhayacakitatto saṃkhipitvāna bhoge, sarabhasamupagantvā tassa pāde namitvā vinayamadhuramitthaṃ taṃ munīsaṃ avoca. Vào giây phút đó, con rồng chúa ấy, với nội tâm bị hoảng hốt vì nỗi lo sợ, đã quăng bỏ lốt rắn và thâu nhỏ thân thể lại, rồi mau chóng đến gần đảnh lễ ở chân của vị ấy, và đã nói với vị ẩn sĩ ấy bằng giọng nói nhún nhường và ngọt ngào rằng:

36/- Sakalajanahitatthaṃ eva jāyanti buddhā bhavati janahitatthaṃ dhātumattassa pūjā, ahamapi jinadhātuṃ pūjayitvā mahagghaṃ kusalaphalamanappaṃ sañcinissanti gaṇhiṃ. “Chư Phật xuất hiện chính vì lợi ích cho hết thảy chúng sanh, việc cúng dường đến xá-lợi là việc đem lại lợi ích cho chúng sanh. (Nghĩ rằng): ‘Tôi cũng cúng dường đến xá-lợi cao quý của đấng Chiến Thắng và cũng sẽ gặt hái quả thiện lớn lao,’ nên tôi đã lấy đi xá-lợi.”

37/- Atha manujagaṇānaṃ saccabodhārahānaṃ vasatibhavanamesā nīyate sīhaḷaṃ taṃ, munivaratanudhātuṃ tena dehīti vutto bhujagapati karaṇḍaṃ dhātugabbhaṃ adajji. Khi ấy, con rồng chúa đã được nói rằng: “Xá-lợi này được đưa đến xứ Sīhaḷa ấy là chốn cư ngụ của số đông người có khả năng giác ngộ Chân Lý; vì thế xin hãy trao lại xá-lợi di thể của đấng Mâu Ni cao quý,” nên đã trao lại chiếc hòm là vật chứa đựng xá-lợi.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ tư

38/- Vihagapatitanuṃ taṃ saṃharitvāna thero jalacarasatabhīmā aṇṇavā uppatitvā, sakalapaṭhavicakke rajjalakkhiṃ va dhātuṃ narapatitanujānaṃ jampatīnaṃ adāsi. Vị trưởng lão đã cởi bỏ vóc dáng ấy của con chim chúa. Hàng trăm con cá hung tợn đã phóng lên từ biển cả. Vị ấy đã trao lại xá-lợi, được xem là bảo vật của vương quyền ở trên toàn thể trái đất và vũ trụ, đến hai vợ chồng là con của đức vua.

39/- Iti katabahukāre saṃyaminde payāte sugatadasanadhātuṃ muddhanā ubbahantā, mahati vipinadevādīhi magge payutte vividhamahavidhāne te tato nikkhamiṃsu. Sau khi đã được vị đứng đầu về sự thu thúc thể hiện các việc làm như thế, và trong lúc đội xá-lợi răng của đấng Thiện Thệ ở trên đầu đi trên con đường lớn đã được chư Thiên ở khu rừng sửa soạn với các sự trang hoàng đa dạng lộng lẫy, bọn

họ đã rời khỏi nơi ấy.

40/- Mudusurabhisamīro kaṇṭakādivyapeto vimalapulinahārī āsi sabbattha maggo, ayanamupagate te dantadhātuppabhāvā nigamanagaravāsī sādhu sammānayiṃsu. Con đường đã được lót cát tinh khiết ở khắp mọi nơi, được dọn sạch các loại gai góc, v.v... và có làn gió dịu dàng thơm ngát. Do nhờ oai lực của xá-lợi răng, khi họ đang tiến bước trên con đường, cư dân ở phố chợ và thị thành đã tỏ lòng tôn kính theo khuôn phép.

41/- Kusumasurabhicuṇṇākiṇṇahatthāhi niccaṃ sakutukamanuyātā kānane devatāhi, acalagahanaduggaṃ khepayitvāna maggaṃ agamumaturitā te paṭṭanaṃ tāmalittiṃ. Luôn được chư Thiên ở trong khu rừng, với các bông hoa và bột phấn thơm chất đầy ở hai tay, tháp tùng một cách phấn khởi, họ đã vượt qua đoạn đường gồ ghề khó đi và đã mau chóng đến được bến tàu Tāmalitti.

42/- Acalapadarabaddhaṃ suṭṭhitodārakūpaṃ uditaputhulakāraṃ dakkhaniyyāmakañca,

sayamabhimatalaṅkāgāminaṃ nāvamete sapadi samuparūḷhaṃ addasuṃ vāṇijehi. Ngay lập tức, họ đã đích thân nhìn thấy chiếc thuyền dự định đi đến Laṅkā được lắp đặt sàn tàu vững chải, có cột buồm khổng lồ đứng sừng sững căng lên chiếc buồm rộng và có người thuyền trưởng thiện nghệ cùng với các thương buôn đã bước lên thuyền.

43/- Atha dijapavarā te sīhaḷaṃ gantumicchaṃ sarabhasamupagantvā nāvikassāvadiṃsu, sutisukhavacasā so sādhu vuttena tesaṃ pamuditahadayo te nāvamāropayittha. Khi ấy, các người thủ lãnh Bà-la-môn với ý định đi đến xứ Sīhaḷa đã mau chóng đi đến nói với người lái tàu bằng giọng nói rõ ràng và mạch lạc, người ấy đã trở nên mừng rỡ với lời đề nghị của họ, và họ đã được sắp xếp lên tàu.

44/- Jalanidhimabhirūḷhesvesu ādāya dhātuṃ samabhavumupasantā lolakallolamālā, samasurabhimanuññho uttaro vāyi vāto vimalarucirasobhā sabbathā ’suṃ disāpi. Khi những người ấy mang xá-lợi bước lên thuyền ở trên biển cả, những đợt sóng dữ dội đã trở nên bình lặng, làn gió phương bắc thổi nhè nhẹ thơm ngát gây niềm hưng phấn, khắp mọi phương đều trở nên tinh khiết, rực rỡ, và sáng lạng.

45/- Nabhasi asitasobhe venateyyo va nāvā pabalapavanavegā santataṃ dhāvamānā, nayanavisayabhāvātītatīrācalādiṃ pavisi jaladhimajjhaṃ phenapupphābhikiṇṇaṃ.

Giống như loài chim Garuda ở trên bầu trời xanh ngát và xinh đẹp, chiếc thuyền đều đều lướt nhanh theo tốc độ của làn gió tiến vào giữa biển khơi có rải rắc những bông hoa bằng bọt nước, rồi bờ biển, núi non, v.v... chỉ là những hình ảnh thoáng qua trong ánh mắt.

46/- Atha abhavi samuddo bhīmasaṃvaṭṭavātā-’bhihatasikharikūṭākāravīcippabandho,

savaṇabhiduraghorārāvaruddhantaḷikkho bhayacakitamanussakkandito sabbarattiṃ. Sau đó, biển cả đã trở nên liên tục có những đợt sóng cao như chóp núi được tạo ra bởi những cơn gió xoay chuyển kinh hồn, bầu trời trở nên ngột ngạt bởi những tiếng động ghê sợ khó nghe, và trọn đêm có tiếng khóc lóc của người đang bị chìm đắm trong cơn hãi sợ.

47/- Udayasikharisīsaṃ nūtanādiccabimbe upagatavati tassā rattiyā accayamhi, salilanidhijalaṃ taṃ santakallolamālaṃ asitamaṇivicittaṃ koṭṭimaṃ vāvabhāsi. Vào cuối đêm ấy, khi bóng mặt trời mới mọc đã vươn lên đỉnh ngọn núi ở hướng đông, mặt biển ấy với những đợt sóng trở nên bình lặng đã sáng ngời như là mặt sàn được sơn màu ngọc ma-ni xanh biếc.

48/- Atha vitataphaṇālī bhiṃsanā keci nāgā surabhikusumahatthā keci dibbattabhāvā, ruciramaṇipadīpe keci sandhārāyantā nijasirasi karontā keci kaṇḍuppalāni. Khi ấy, một số các con rồng dữ tợn phồng mang ra, một số mang hình dáng Thiên thần tay cầm các hương thơm và bông hoa, một số đang cầm những cây đèn xinh đẹp bằng ngọc ma-ni, một số đang đội những bó sen xanh ở trên đầu của mình.

49/- Phuṭakumudakalāpe jattuneke vahantā kanakakalasamālā ukkhipantā ca keci, pavanacalitaketuggāhakā keci eke rucirakanakacuṇṇāpuṇṇacaṅgoṭahatthā. Một số đang mang ở trên vai những chùm hoa súng trắng nở rộ, một số đưa cao những lọ và tràng hoa bằng vàng, một số cầm giữ những lá cờ đung đưa theo gió, một số cầm ở tay những hòm chứa đầy bột phấn vàng xinh đẹp.

50/- Salalitaramaṇīyaṃ keci naccaṃ karontā salayamadhuragītaṃ gāyamānā 'va keci, pacuraturiyabhaṇḍe āhanantā ca eke munivaratanudhātuṃ pūjituṃ uṭṭhahiṃsu.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ tư

Một số đang nhảy điệu múa sống động duyên dáng, một số đang ca bài hát du dương ngọt ngào, một số đang trình tấu nhiều loại nhạc cụ đã đứng lên để tôn vinh xá-lợi di thể cao quý của đấng Mâu Ni.

51/- Rucirakacakalāpā rājakaññāya tassā munivaradasanaṃ taṃ ambaraṃ uppatitvā, asitajaladagabbhā niggatevindulekhā, ujurajatasalākāsannibhe muñci raṃsī. Chiếc răng cao quý ấy của đấng Mâu Ni đã từ búi tóc xinh đẹp của nàng công chúa ấy bay lên không trung và đã phát ra các ánh hào quang tợ như những lưỡi gươm bằng bạc thẳng tắp, trông giống như ánh trăng tỏa sáng từ bầu trời trong vắt.

52/- Atulitamanubhāvaṃ dhātuyā pekkhataṃ taṃ pamuditahadayānaṃ taṅkhaṇe pannagānaṃ, paṭiravabharitānaṃ sādhuvādādikānaṃ gaganamapariyantaṃ v 'āsi vitthāritānaṃ. Vào giây phút ấy, trong khi các con rồng với tâm trạng hoan hỷ đang chiêm ngưỡng oai lực vô biên ấy của xá-lợi, thì bầu trời vô tận đã có các tiếng nói như là "Sādhu, lành thay!" v.v... kèm theo tiếng vang dội lan rộng.

53/- Pavisi sugatadāṭhādhātu sā moḷigabbhaṃ puna gaganatalamhā otaritvāna tassā, phaṇadharanivahā te taṃ tariṃ vārayitvā mahamakarumudāraṃ sattarattindivamhi. Xá-lợi răng ấy của đấng Thiện Thệ đã từ bầu trời hạ xuống rồi ngự ở trên búi tóc của

nàng ấy. Những con rồng ấy đã cản chiếc tàu ấy lại và đã tổ chức lễ hội trọng thể bảy ngày đêm.

54/- Acalamiva vimānaṃ antaḷikkhamhi nāvaṃ gativirahitamambhorāsimajjhamhi disvā, bhayavilulitacittā jampatī te samaggā dasabalatanujaṃ taṃ iddhimantaṃ sariṃsu. Nhận thấy chiếc thuyền không còn di chuyển ở giữa biển khơi y như là lầu đài bất động ở trên không trung, hai vợ chồng sanh tâm xao động vì

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ tư

hoảng sợ, rồi đồng lòng tưởng nhớ đến vị đệ tử có thần thông ấy của đấng Thập Lực.

55/- Sapadi munisuto so cittamesaṃ viditvā nabhasi jaladharālī maddamāno 'bhigantvā, vihagapatisarīraṃ māpayitvā mahantaṃ bhayacakitabhujaṅge te palāpesi khippaṃ. Vị đệ tử ấy của đấng Mâu Ni lập tức biết được tâm tư của họ liền đạp lên những đám mây ở trên không trung để tiến đến, rồi đã biến hóa thành vóc dáng chim chúa khổng lồ, và đã mau chóng đuổi đi đám rồng đang bị hoảng hốt vì sợ hãi ấy.

56/- Itthaṃ buddhasute bhujaṅgajanitaṃ bhītiṃ sametvā gate sā nāvā pavanā pakampitadhajā tuṅgaṃ taraṅgāvaliṃ, bhindantī gativegasā puthutaraṃ meghāvalīsannibhaṃ laṅkāpaṭṭanamotarittha sahasā therassa tass' iddhiyā. Như thế, sau khi xoa dịu nỗi sợ hãi do loài rồng gây ra, vị đệ tử của đức Phật đã ra đi. Chiếc thuyền ấy với ngọn cờ rung động bởi làn gió, trong lúc xẻ đôi các đợt sóng to giống như đám mây đen cực lớn bằng tốc độ di chuyển, đã mau chóng đến được bến tàu ở xứ Laṅkā nhờ vào năng lực của vị trưởng lão ấy.

Catuttho paricchedo. Chương thứ tư.

--ooOoo--

PAÑCAMO PARICCHEDO CHƯƠNG THỨ NĂM 1/- Saṃvaccharamhi navamamhi mahādisenaputtassa kittisirimeghanarādhipassa, te jampatī tamatha paṭṭanamotaritvā devālaye paṭivasiṃsu manobhirāme. Sau đó, vào năm thứ chín 1 của đức vua Kittisirimegha, con trai của Mahādisena, hai vợ chồng ấy đã đến được bến tàu ấy và đã trú ở trong lâu đài lộng lẫy của chư Thiên.

2/- Disvāna te dvijavaro pathike nisāyaṃ santappayittha madhurāsanapānakehi, rattikkhaye ca anurādhapurassa maggaṃ jāyāpatīnamatha so abhivedayittha. Người Bà-la-môn cao cả đã nhìn thấy họ ở trên đường lộ vào ban đêm và đã làm hài lòng họ với thức ăn ngon ngọt và nước uống, v.v... Sau đó, vào lúc cuối đêm ông ta đã chỉ dẫn cho hai vợ chồng đường đi Anurādhapura.

3/-Ādāya te dasanadhātuvaraṃ jinassa sammānitā dvijavarenatha paṭṭanamhā, nikkhamma dūrataraṃ maggamatikkamitvā padvāragāmamanurādhapurassa gañchuṃ. Sau khi được người Bà-la-môn cao cả tiếp đãi nồng hậu, họ đã mang xá-lợi răng cao quý của đấng Chiến Thắng rời khỏi bến tàu, rồi đã vượt qua chặng đường dài đi đến ngôi làng là cửa ngõ đưa vào Anurādhapura.

4/- Yaṃ dhammikaṃ naravaraṃ abhitakkayitvā jāyāpatī visayametamupāgamiṃsu, taṃ vyādhinā samuditena mahādisenalaṅkissaraṃ sucirakālakataṃ suṇiṃsu.

1 Vào khoảng năm 308 sau công nguyên (ND).

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ năm

Được người Bà-la-môn cao cả chỉ bảo đúng đắn, hai vợ chồng đã đi đến khu vực ấy và đã nghe được rằng đức vua xứ Laṅkā tên Mahādisena ấy băng hà đã lâu do bệnh tật phát khởi.

5/- Sokena te sikharineva samuggatena ajjhotthaṭā bahutaraṃ vilapiṃsu mūḷhā, khāyiṃsu tesamatha mucchitamānasānaṃ sabbā disā ca vidisā ca ghanandhakārā. Họ đã bị choáng ngợp vì nỗi buồn tợ như trái núi đang đè lên. Họ đã trở nên bối rối và đã than thở rất nhiều. Khi ấy, tất cả các phương hướng chính và phụ đều là bóng tối mịt mùng đã nuốt chửng lấy những người có tâm tư bị choáng váng ấy.

6/- Sutvāna kittisirimeghanarādhipassa rajje ṭhitassa ratanattayamāmakattaṃ, vassena nibbutamahādahanā va kacchā te jampatī samabhavuṃ hatasokatāpā. Sau khi nghe được tấm lòng tôn kính Tam Bảo của đức vua đang trị vì quốc độ tên Kittisirimegha, cặp vợ chồng ấy đã không còn bị nỗi buồn rầu thiêu đốt, ví như khu rừng có đám cháy lớn đã được cơn mưa dập tắt.

7/- Sutvāna meghagirināma mahāvihāre bhikkhussa kassaci narādhipavallabhattaṃ, tassantikaṃ samupagamma katātitheyyā dhātuppavattimavadiṃsu ubho samecca. Sau khi biết được tấm lòng quý mến của đức vua đối với một vị tỳ khưu nào đó ở tại tu viện lớn tên là Meghagiri, cả hai đã đến gặp vị tỳ khưu ấy với tư cách là khách phương xa và đã nói về sự việc của xá-lợi như thế.

8/- Sutvāna so munivaradasanappavattiṃ haṭṭho yathāmatarasenabhisittagatto, gehe sake sapadi paṭṭavitānakehi vaḍḍhesi dhātumamalaṃ samalaṅkatamhi. Sau khi nghe được tin về xá-lợi răng của đấng Mâu Ni cao quý, vị ấy đã trở nên mừng rỡ như thể toàn thân đã được tưới mát hương vị bất tử, rồi lập tức đã rước xá-lợi tinh khiết vào trú xá của mình đã được trang hoàng với các mái che bằng vải.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ năm

9/- Tesañca jānipatikānamubhinnameso katvāna saṅgahamuḷāratarāṃ yathicchaṃ, vuttantametamabhivedayituṃ pasatthaṃ laṅkādhipassa savidhaṃ pahiṇittha bhikkhuṃ. Và sau khi thực hiện việc bố trí tốt đẹp hơn theo như ước muốn của hai vợ chồng ấy, vị này đã mau chóng phái đi vị tỳ khưu để thông báo cho đức vua xứ Laṅkā tin tức tốt đẹp này.

10/- Rājā vasantasamaye saha kāminīhi uyyānakeḷisukhamekadinenubhonto, āgacchamānamatha tattha sudūrato ca taṃ vippasannamukhavaṇṇamapassi bhikkhuṃ. Vào một ngày nọ thuộc mùa xuân, trong lúc đang hưởng thụ niềm khoái lạc của việc du ngoạn trong công viên cùng với hầu thiếp, vào khi ấy đức vua đã nhìn thấy vị tỳ khưu ấy với gương mặt vô cùng rạng rỡ từ rất xa đang tiến đến nơi ấy.

11/- So saṃyamī samupagamma narādhipaṃ taṃ vuttantametamabhivedayi tuṭṭhacitto, sutvāna taṃ paramapītibharaṃ vahanto sampattacakkaratano va ahosi rājā. Vị tỳ khưu ấy với tâm tư hoan hỷ đã đến gặp đức vua và thông báo cho ngài tin tức tốt đẹp đó. Sau khi nghe được điều ấy, đức vua trong lúc thọ hưởng nỗi niềm hoan hỷ tối thượng tưởng chừng như mình đã đạt được bánh xe ngọc (của vị Chuyển Luân Vương).

12/- Laṅkissaro dvijavarā jinadantadhātuṃ ādāya jānipatayo ubhaye samecca, essanti laṅkamacirena itīritaṃ taṃ nemittikassa vacanañca tathaṃ amaññi. Và vị chúa tể xứ Laṅkā đã nghĩ đến điều đã được nói lên giống hệt như lời tiên đoán của vị thầy bói rằng: “Hai vợ chồng sau khi nhận lấy xá-lợi răng của đấng Chiến Thắng từ người thủ lãnh Bà-la-môn không bao lâu nữa sẽ cùng nhau đi đến xứ Laṅkā.”

13/- Rājā tato mahatiyā parisāya saddhiṃ

tassānurādhanagarassa puruttarāya, āsāya taṃ sapadi meghagiriṃ vihāraṃ saddho agañchi padasāva pasannacitto. Là người có đức tin và có lòng tịnh tín, đức vua do lòng nôn nóng đã tức thời cùng với đoàn tùy tùng đông đảo đi bộ đến tu viện Meghagiri ấy ở về phía đông-bắc thành Anurādhapura ấy.

14/- Disvā tato sugatadhātumalabbhaneyyaṃ ānandajassunivahena ca tārahāraṃ, siñcaṃ vidhāya paṇidhiṃ bahumānapubbaṃ romañcakañcukadharo iti cintayittha. Kế đến, sau khi nhìn thấy xá-lợi của đức Thiện Thệ là vật khó thể đạt được, đức vua với làn da có lông dựng đứng đã chùi con mắt bị nhòe đi bởi dòng nước mắt trào ra vì vui sướng khi đạt được điều ước nguyện với nhiều sự tôn kính trước đây, rồi đã suy nghĩ rằng:

15/- Sohaṃ anekaratanujjalamoḷidhāriṃ pūjeyyamajja yadi duccajamuttamaṅgaṃ, lokattayekasaraṇassa tathāgatassa no dhātuyā mahamanucchavikaṃ kareyyaṃ. “Hôm nay, nếu ta bày tỏ sự tôn kính bằng đầu có đội chiếc vương miện lấp lánh vô số ngọc quý và là vật khó dứt bỏ, thì ta không thể thực hiện được điều thích đáng lớn lao đối với xá-lợi của đức Như Lai, là nơi nương tựa của cả tam giới.

16/- Etaṃ pahūtaratanaṃ sadhanaṃ sabhoggaṃ sampūjayaṃ api dharāvalayaṃ asesaṃ, pūjaṃ karomi tadanucchavikaṃ ahaṃ ti cinteyya ko hi bhuvanesu amūḷhacitto. Ta sẽ thực hiện sự cúng dường vật xứng đáng đối với Ngài là toàn thể trái đất đáng kính này với vô số châu ngọc tài sản của cải. Bởi vì ai có thể nghĩ rằng ta là người có tâm trí không si mê ở trong các cõi?

17/- Laṅkādhipaccamidamappataraṃ mamāsi buddho guṇehi vividhehi pamāṇasuññho, sohaṃ parittavibhavo tibhavekanāthaṃ taṃ tādisaṃ dasabalaṃ kathamaccayissaṃ.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ năm

Vương quyền ở xứ Laṅkā này của ta thì nhỏ nhoi còn đức Phật thì vô lượng công đức đủ các loại, ta đây có quyền lực nhỏ bé làm sao có thể trội hơn đấng Thập Lực, vị chúa tể của cả Tam Giới như thế ấy được?"

18/- Itthaṃ punappuna tadeva vicintayanto āpajji so dhitiyutopi visaññibhāvaṃ, saṃvījito sapadi cāmaramārutena khinnena sevakajanena alattha saññaṃ. Trong lúc suy đi nghĩ lại về điều ấy mãi như thế, đức vua dầu có sự vững chải cũng đã rơi vào trạng thái bất tỉnh, ngay lập tức đã được người hầu tận tụy dùng đuôi bò rừng quạt mát nên đã phục hồi sự tỉnh táo.

19/- Thokampi bījamathavā abhiropayantā medhāvino mahatiyā pi vasundharāya, kālena pattatacapupphaphalādikāni vindanti patthitaphalāni anappakāni. "Vả lại, những người thông minh khi gieo vào lòng trái đất to lớn chỉ một ít hạt giống, theo thời gian sẽ đạt được các thứ lá, vỏ cây, hoa, trái, v.v... và các thành quả mong mỏi không phải là nhỏ nhoi.

20/- Evaṃ guṇehi vividhehipi appameyye dhammissaramhi mahamappatarampi katvā, kālaccayena pariṇāmavisesarammaṃ saggāpavaggāsukhamappaṭimaṃ labhissaṃ. Như thế, sau khi thực hiện việc (dâng cúng) mặc dầu vô cùng nhỏ nhoi đến đấng Pháp Chủ là vị có vô lượng công đức đủ các loại, đến khi từ trần ta sẽ đạt được kết quả đặc biệt tốt đẹp là an lạc cõi trời và sự giải thoát không gì sánh bằng."

21/- Itthaṃ vicintiya pamodabharātirekasampuṇṇacandimasarikkhamukho narindo, sabbaññuno dasanadhātuvarassa tassa pūjesi sabbamapi sīhaḷadīpametaṃ. Sau khi suy nghĩ điều ấy, đức vua có khuôn mặt tợ như ánh trăng tròn lộ vẻ hoan hỷ tột độ, đã cúng dường toàn thể đảo Sīhaḷa này đến xá-lợi răng cao quý đó của đấng Toàn Giác.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ năm

22/- Bhikkhūpi tepiṭakajātakabhāṇakādī takkāgamādi kusalā api buddhimanto, vatthuttayekasaraṇā api poravaggā kotūhalā sapadi sannipatiṃsu tattha. Ngay cả các vị tỳ khưu là những bậc đạo hạnh và có trí tuệ chuyên trùng tụng về Tam Tạng, Kinh Bổn Sanh, v.v... hoặc rành rẽ về lý luận, kinh điển, v.v... có sự nương tựa hoàn toàn vào ba ngôi báu, cùng với đám người ở thành phố có sự háo hức đã mau chóng tụ hội tại nơi ấy.

23/- Rājā tato mahatiyā parisāya majjhe iccabravī munivaro hi susukkadāṭho, dāṭhā jinassa yadi osadhitārakāva setā bhaveyya kimayaṃ malināvabhāsā. Khi đó, đức vua đã nói ở giữa hội chúng đông đảo rằng: "Đấng Mâu Ni cao quý có răng màu trắng tinh. Nếu vật này là răng của đấng Chiến Thắng thì phải trắng giống như sao Mai, sao lại có màu sắc như là sẫm tối?"

24/- Tasmiṃ khaṇe dasanadhātu munissarassa pakkhe pasāriya duve viya rājahaṃsī, vitthāritaṃsunivahā gaganaṅganamhi āvaṭṭato javi javena muhuttamattaṃ. Vào giây phút ấy, xá-lợi răng của đấng Mâu Ni có hào quang lan tỏa ở trên bầu trời giống như là chim thiên nga chúa có hai cánh xoè rộng đã xoay tròn với tốc độ nhanh trong khoảnh khắc.

25/- Paccagghamattharaṇakaṃ sitamattharitvā bhaddāsanamhi vinidhāya munindadhātuṃ, taṃ jātipupphanikarena thakesi rājā vassaccayambudharakūṭasamappabhena. Sau khi trải ra tấm thảm mới màu trắng, đức vua đã đặt xá-lợi của đấng Mâu Ni ở trên chiếc ghế xinh xắn rồi đã phủ lên xá-lợi ấy bằng nhiều hoa nhài trông giống như những đám mây vào lúc dứt cơn mưa.

26/- Uggamma khippamatha dhātu munissarassa sā puppharāsisikharamhi patiṭṭhahitvā, raṃsīhi duddhadhavalehi virocamānā

sampassataṃ animise nayane akāsi. Khi ấy, xá-lợi của đấng Mâu Ni đã nhanh chóng trồi lên ngự ở bên trên đống hoa và trong lúc tỏa ra những tia hào quang trắng tinh như sữa đã khiến cho những ánh mắt nhìn sững không máy động.

27/- Taṃ dhātumāsanagatamhi patiṭṭhapetvā khīrodapheṇapaṭalappaṭime dukūle, chādesi sāṭakasatehi mahārahehi bhiyyo pi so upaparikkhitukāmatāya. Với ý định muốn tìm hiểu thêm, đức vua đã an vị xá-lợi ấy ở trên chiếc ghế phủ tấm vải mịn màng tợ như đám bọt sữa rồi đã đậy lại bằng trăm tấm vải vô cùng giá trị.

28/- Abbhuggatā sapadi vatthasatāni bhetvā setambudodaraviniggatacandimā va, ṭhatvāna sā upari tesamabhāsayittha raṃsīhi kundavisadehi disā samantā. Xá-lợi ấy ngay lập tức đã xuyên qua trăm tấm vải, bay lên, và ngự ở bên trên các tấm vải ấy, rồi đã tỏa sáng khắp các hướng ở xung quanh với các tia hào quang màu trắng hoa nhài trông giống như mặt trăng đã thoát ra khỏi quầng mây trắng.

29/- Tasmiṃ khaṇe vasumatī saha bhūdharehi gajjittha sādhuvacanaṃ va samuggirantī, taṃ abbhutaṃ viya samekkhitumamburāsi so niccalo abhavi santatarahigabāhu. Vào giây phút ấy, trái đất cùng với các ngọn núi đã gầm lên tợ như đang phát ra tiếng nói “Sādhu, lành thay!” Để chiêm ngưỡng điều kỳ diệu ấy, đức vua đã trở nên bất động, tay chân giữ yên, ví như biển cả đã trở nên yên lặng và có làn sóng êm ả.

30/- Mattebhakampitasupupphitasālato va bhassiṃsu dibbakusumāni pi antaḷikkhā, naccesu cāturiyayamacchariyaṃ janassa sandassayiṃsu gagane surasundarī pi. Thậm chí các bông hoa ở cõi trời cũng đã từ trên không trung rơi xuống tưởng chừng như đã bị rụng xuống từ cây Sa-la nở đầy hoa đang bị con

voi điên lay động. Và ở trên bầu trời các nàng tiên xinh đẹp cũng đã trình diễn cho mọi người xem tài nghệ tuyệt vời trong các vũ khúc.

31/- Ānandasañjanitatāraravābhirāmaṃ gāyiṃsu gītamamatāsanagāyakāpi, muñciṃsu dibbaturiyāni pi vāditāni gambhīramuccamadhuraṃ diguṇaṃ ninādaṃ. Những ca sĩ có địa vị bất tử đã cất giọng ca tuyệt vời với giọng hát lanh lảnh, phát sanh lên bởi niềm hoan hỷ. Ngay cả những nhạc cụ Thiên đình cũng đã phát ra âm thanh hòa tấu sâu sắc, cao vút, và ngọt ngào.

32/- Saṃsibbitaṃ rajatarajjusatānukārī dhārāsatehi vasudhambaramambudena, sabbā disā jaladakūṭamahagaghiyesu dittācirajjutipadīpasatāvabhāsā. Mặt đất và bầu trời được dệt bởi đám mây có hàng trăm luồng nước y như là hàng trăm sợi dây thừng bằng châu ngọc. Khắp các phương, ở trên đỉnh những đám mây vô cùng quý báu, có sự chiếu sáng của hàng trăm ngọn đèn với ánh sáng rực rỡ.

33/- Ādhūyamānamalayācalakānananto samphullapupphajaparāgabharābhihāri, sedodabinduganasaṃharaṇappavīṇo mandamavāyi sisiro api gandhavāho. Trong lúc di chuyển đến cuối khu rừng ở ngọn núi Malaya mang theo những hạt bụi phấn sanh ra từ những đóa hoa nở rộ, làn hương thơm mát lạnh khéo lùa theo những hạt sương cũng đã nhè nhẹ thổi qua.

34/- Rājā tamabbhutamavekkhiya pāṭihīraṃ lokussavaṃ bahutarañca adiṭṭhapubbaṃ, vipphāritakkhiyugalo paramappamodā pūjaṃ karittha mahatiṃ ratanādikehi. Trong lúc quan sát điều kỳ diệu tuyệt vời ấy chưa từng được thấy trước đây và hơn hẳn ngày lễ hội của nhân gian, đức vua với đôi mắt mở to bởi niềm hoan hỷ tột độ đã thể hiện sự cúng dường trọng thể bằng nhiều châu báu, v.v...

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ năm

35/- So dhātumattasirasātha samubbahanto ṭhatvā samussitasitātapavāraṇamhi, cittatthare rathavare sitavājiyutte lakkhīnidhānamanurādhapuraṃ pavekkhi. Khi ấy, đức vua đã nâng xá-lợi đặt lên ở trên đầu, rồi đã đứng ở dưới chiếc lọng che màu trắng ở trên cỗ xe trải tấm thảm nhiều màu đã được thắng vào những con ngựa trắng, và đã tiến vào thành Anurādhapura giàu có và thịnh vượng.

36/- Devindamandirasame samalaṅkatamhi rājā sakamhi bhavane atulānubhāvo, sīhāsane paṭikakojavasanthatamhi dhātuṃ ṭhapesi munino sasitātapatte. Đức vua với quyền lực tối cao đã đặt xá-lợi của đấng Hiền Triết ở trên long sàng có chiếc lọng che màu trắng và được trải tấm thảm len trắng ở bên trong cung điện của mình đã được trang hoàng tương xứng với điện thờ của vị Thiên Vương.

37/- Anto va bhūmipati dhātugharaṃ mahagghaṃ katvāna tattha vinidhāya munindadhātuṃ, sampūjayittha vividhehi upāyanehi rattindivaṃ tidivamokkhasukhābhikaṅkhī. Chính ở bên trong, đức vua đã thực hiện gian phòng thờ xá-lợi vô cùng giá trị rồi đã an vị xá-lợi của đấng Mâu Ni ở nơi ấy, và đã đích thân cúng dường ngày đêm bằng nhiều phương thức khác nhau với niềm mong mỏi an lạc cõi trời và sự giải thoát.

38/- Tesañca jānipatikānamubhinnameva tuṭṭho bahūni ratanābharaṇādikāni, gāme ca issarakulekanivāsabhūte datvāna saṅgahamakāsi tisīhaḷindo. Mừng rỡ, đức vua xứ Sīhaḷa đã thể hiện lòng ưu đãi và đã ban cho chính cặp vợ chồng ấy nhiều châu báu, vật dụng, v.v... và những ngôi làng là nơi cư ngụ của các gia đình quyền thế.

39/- Saṅgamma jānapadanegamanāgarādi ukkaṇṭhitā sugatadhātumapassamānā,

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ năm

lokuttamassa caritāni abhitthavantā ugghosayiṃsu dharaṇipatisannidhāne. Cư dân ở trong quốc độ, phố chợ, thị thành sau khi tụ hội lại đã không được thỏa mãn khi không nhìn thấy xá-lợi của đức Thiện Thệ nên đã hò reo ca ngợi các hạnh lành của đấng Tối Thượng trước sự hiện diện của đức vua rằng:

40/- Dhammissaro nikhilalokahitāya loke jāyittha sabbajanatāhitamācarittha, vitthāritā bahujanassa hitāya dhātū icchāma dhātumabhipūjayituṃ mayampi. “Đấng Pháp Vương đã xuất hiện ở trên đời vì lợi ích cho toàn thể thế gian và đã thực hiện điều ích lợi cho tất cả chúng sanh. Xá-lợi đã được phổ biến lan rộng vì lợi ích cho số đông người, chúng tôi cũng mong muốn được cúng dường trọng thể đến xá-lợi.”

41/- So sannipātiya mahīpati bhikkhusaṅghaṃ ārāmavāsimanurādhapuropakaṇṭhe, ajjhāsayaṃ tamabhivedayi satthudhātu- pūjāya sannipatitassa mahājanassa. Vị đại vương ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khưu cư ngụ tại tu viện ở khu vực lân cận Anurādhapura, và đã nói rõ ý định ấy của đám đông dân chúng đang tụ tập lại để cúng dường xá-lợi của bậc Đạo Sư.

42/- Thero tahiṃ mahati bhikkhugaṇe paneko medhābalena asamo karuṇādhivāso, evaṃ tisīhaḷapatissa mahāmatissa lokatthacāracaturassa nivedayittha. Hơn nữa, trong hội chúng tỳ khưu đông đảo ở nơi ấy, có một vị trưởng lão có khả năng trí tuệ không ai sánh bằng và luôn trú vào tâm bi mẫn đã nói như vầy với đức vua xứ Sīhaḷa là bậc đại trí và là người khéo thực hành điều lợi ích cho dân chúng:

43/- Yo ācareyya anujīvijanassa atthaṃ eso have ’nucarito mahataṃ sabhāvo, dhātuṃ vasantasamaye bahi nīharitvā dassehi puññamabhipatthayataṃ janānaṃ.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ năm

“Người nào có thể thực hành điều lợi ích cho những kẻ dưới quyền, người ấy quả nhiên đã thực hành bản tánh của bậc đại nhân. Vào tiết trời mùa xuân, xin hãy đưa xá-lợi ra bên ngoài và hãy cho dân chúng đang cầu nguyện phước báu được chiêm bái.”

44/- Sutvāna saṃyamivarassa subhāsitāni pucchittha so naravaro puna bhikkhusaṅghaṃ, dhātuṃ namassitumanena mahājanena thānaṃ kimettha ramaṇīyataraṃ siyāti. Sau khi nghe được những lời tốt đẹp của vị có đạo hạnh cao quý, đức vua ấy đã hỏi lại hội chúng tỳ khưu rằng: “Ở đây, nơi nào là địa điểm tốt đẹp hơn để cho đám đông dân chúng ấy tôn vinh xá-lợi?”

45/- Sabbe pi te atha nikāyanivāsibhikkhū ṭhānaṃ sakaṃ sakamavaṇṇayumādarena, aññoññabhinnavacanesu ca tesu rājā nevābhinandi na paṭikkhipi kiñci vākyaṃ. Khi ấy, mặc dầu tất cả các vị tỳ khưu cư ngụ theo từng nhóm đã hết lòng ca ngợi khu vực của chính mình, đức vua đã không hài lòng với những lời nói đối đáp giữa các vị ấy và cũng không từ chối bất cứ lời đề nghị nào.

46/- Majjhattatānugatamānasatāya kintu rājā avoca puna bhikkhugaṇassa majjhe, attānurūpamayameva munindadhātu ṭhānaṃ khaṇena sayameva gamissatīti. Khi ấy, với trạng thái tâm thuận theo vị thế trung hòa, đức vua đã nói giữa hội chúng tỳ khưu rằng: “Chính xá-lợi này của đức Mâu Ni sẽ tự thân ngự đến địa điểm thích hợp trong

chốc nữa đây.”

47/- Rājā tato bhavanameva sakaṃ upecca dhātuppaṇāmamabhipatthayataṃ janānaṃ, khippaṃ mukhambujavanāni vikāsayanto sajjetumāha nagarañca vihāramaggaṃ. Sau đó, đức vua đã quay trở về cung điện của mình rồi đã chỉ thị trang hoàng thành phố và con đường đi đến tu viện, ngay lập tức đã làm rạng rỡ các khuôn mặt như đóa sen của dân chúng có ước vọng lễ bái xá-lợi.

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ năm

48/- Sammajjitā salilasecanasantadhūlī racchā tadāsi pulinattharaṇābhirāmā, ussāpitāni kanakādivicittitāni vyagghādi rūpakhacitāni ca toraṇāni. Sau đó, khi đã được quét dọn và bụi bặm đã được lắng xuống nhờ việc rưới nước, con đường thật là xinh đẹp với lớp thảm trải bằng cát. Các cổng chào được trang điểm bằng vàng, v.v... và có gắn các hình tượng cọp, v.v... đã được dựng lên.

49/- Chāyānivāritavirocanaraṃsitāpā naccaṃ va dassayati vātadhutā dhajālī, vīthī vasantavanarājisamānavaṇṇā jātā sujātakadalītarumālikāhi. Với các bóng râm ngăn lại ánh nắng mặt trời chiếu xuống và những lá cờ run rẩy bởi cơn gió trông giống như điệu vũ, con đường đã được tạo nên có dáng vẻ như là nẻo đường rừng vào tiết xuân với những chùm hoa của cây chuối khéo sanh trưởng.

50/- Saṃsūcayanti ca sataṃ navapuṇṇakumbhā saggāpavaggasukhamicchitamijjhatīti, kappūrasāratagarāgarusambhavehi dhūpehi duddinamatho sudinaṃ ahosi. Và các chum mới chứa đầy nước đã được trưng bày có đến cả trăm (với ý nghĩa rằng): “Niềm an lạc cõi trời và sự giải thoát được mong mỏi sẽ thành tựu.” Khi ấy, ngày xấu đã trở thành ngày tốt với các làn khói hương được tỏa ra từ gỗ cây tagara và tinh dầu long não.

51/- Olambamānasitamuttakajālakāni sajjāpitāni vividhāni ca maṇḍapāni, sampāditāni ca tahiṃ kusumagghikāni āmodaluddhamadhupāvalikūjitāni. Và có vô số mái che được sửa soạn với các màn lưới ngọc trai màu trắng treo lủng lẳng. Các bông hoa đắt giá ở nơi ấy đã thu hút tiếng vo ve của bầy ong mật hớn hở và tham đắm.

52/- Gacchiṃsu keci gahitussavavesasobhā

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ năm

eke samuggaparipūritapupphahatthā, aññe janā surabhicuṇṇabharaṃ vahantā tatthetare dhatavicittamahātapattā. Một số người rực rỡ trong bộ y phục dành cho lễ hội đã được khoác lên, một số mang giỏ chứa đầy hoa ở tay, một số người khác đang đem lại khối lượng lớn bột phấn thơm, số khác nữa mang những chiếc lọng lớn được trang hoàng biểu ngữ đã đi đến nơi ấy.

53/- Laṅkissarotha sasipaṇḍaravājiyutte ujjotite rathavare ratanappabhāhi, dhātuṃ tilokatilakassa patiṭṭhapetvā etaṃ avoca vacanaṃ paṇipātapubbaṃ. Rồi đức vua xứ Laṅkā đã đặt xá-lợi của đấng Chúa Tể Tam Giới ở trên chiếc xe cao quý sáng chói với những tia sáng của châu báu đã được thắng vào những con ngựa có màu trắng của mặt

trăng, rồi cúi lạy về phía trước và đã nói lời này:

54/- Sambodhiyā iva munissara bodhimaṇḍaṃ gaṇḍambarukkhamiva titthiyamaddanāya, dhammañca saṃvibhajituṃ migadāyamajja pūjānurūpamupagaccha sayaṃ padesaṃ. “Bạch đấng Mâu ni, hôm nay xin ngài hãy đích thân hướng dẫn đến khu vực thích hợp cho việc cúng dường, tương tợ (việc đi đến) khuôn viên cội Bồ Đề vì quả vị Toàn Giác, tương tợ (việc đi đến) cây xoài Gaṇḍa để hàng phục các ngoại đạo, và tương tợ (việc đi đến) Migadāya để chuyển vận Giáo Pháp.”

55/- Rājā tato samucitācaraṇesu dakkho vissajji phussarathamaṭṭhitasārathiṃ taṃ, pacchā sayaṃ mahatiyā parisāya saddhiṃ pūjāvisesamasamaṃ agamā karonto. Kế đó, đức vua là người khôn khéo trong các cách ứng xử hợp lý đã đẩy cỗ xe hoa không người điều khiển lao đi, rồi đích thân cùng với đoàn tùy tùng đông đảo đi theo phía sau và đã thực hiện các sự tôn vinh đặc biệt không gì sánh bằng.

56/- Ukkuṭṭhinādavisarena mahājanassa

hesāravena visaṭena turaṅgamānaṃ, bherīravena mahatā karigajjitena uddāmasāgarasamaṃ nagaraṃ ahosi. Thành phố đã trở nên giống như biển cả bị xáo động bởi tiếng hò reo ca ngợi của đám đông dân chúng, bởi tiếng hí vang xa của những con ngựa, bởi tiếng trống vỗ, và tiếng rống ầm ĩ của những con voi.

57/- Āmoditā ubhayavīthigatā kulitthī vātāyanehi kanakābhataṇe khipiṃsu, sabbatthakaṃ kusumavassamavassayiṃsu celāni ceva bhamayiṃsu nijuttamaṅge. Phụ nữ các gia đình ở hai bên đường đã hớn hở ném ra các đồ trang sức bằng vàng qua những cánh cửa sổ. Họ đã rải rắc đám mưa hoa ở khắp các nơi và đã mở ra những tấm vải đội ở trên đầu xuống.

58/- Pācīnagopurasamīpamupāgatamhi tasmiṃ rathe jaladhipiṭṭhigate va pote, tuṭṭhā tahiṃ yatigaṇā manujā ca sabbe sampūjayiṃsu vividhehi upāyanehi. Khi cỗ xe ngựa ấy đi đến khu vực lân cận của cổng thành phía nam trông giống như con thuyền đang lướt đi trên mặt biển, đám đông tu sĩ và tất cả mọi người ở tại nơi ấy đã mừng rỡ bày tỏ sự tôn kính theo nhiều phương thức khác nhau.

59/- Katvā padakkhiṇamatho puramuttarena dvārena so rathavaro bahi nikkhamitvā, ṭhāne mahindamunidhammakathāpavitte aṭṭhāsi titthagamitā iva bhaṇḍanāvā. Sau đó, cỗ xe cao quý ấy đã nhiễu quanh thành phố, rồi đã đi ra phía bên ngoài bằng cổng thành phía bắc, và đã dừng lại tại địa điểm được hiển linh nhờ bài giảng Pháp của vị hiền triết Mahinda, tợ như chiếc thuyền vận tải dừng lại ở bến cảng.

60/- Ṭhāne tahiṃ dasanadhātuvaraṃ jinassa laṅkissaro ratanacittā karaṇḍagabbhā, sañjhāghanā iva vidhuṃ bahi nīharitvā dassesi jānapadanegamanāgarānaṃ.

Tại địa điểm ấy, đức vua xứ Laṅkā đã lấy ra xá-lợi răng cao quý của đấng Chiến Thắng từ bên trong lòng chiếc rương được tô điểm bằng châu báu cho các cư dân trong quốc độ, phố chợ, và thị thành chiêm ngưỡng, trông giống như mặt trăng hiện ra từ bóng tối của đêm đen.

61/- Tasmiṃ jane sapadi ābharaṇādivassaṃ accantapītibharite abhivassayante, sānandavandijanamaṅgalagītakehi sampāditesu mukharesu disāmukhesu. Khi đám dân chúng ấy được tràn đầy niềm vui cực điểm đã tức thời tạo nên trận mưa gồm các vật trang sức, v.v... và đã được những người nồng nhiệt ở khắp các phương đáp ứng lại bằng những bài ca thánh thiện xuất phát từ sự vui mừng và lòng sùng kính.

62/- Hatthāravindanivahesu mahājanassa candodayeva mukulattanamāgatesu, brahmāmarādijanitāmitasādhuvāde tārāpathamhi bhuvanodaramottharante. Ngay khi mặt trăng vừa ló dạng, những cánh tay của đám đông dân chúng (đang giơ lên) như những đóa sen nở đã tự động chắp lại hình búp sen và những tiếng "Sādhu lành thay!" bất tận của các vị Đại Phạm Thiên và chư Thiên, v.v... được phát ra ở trên bầu trời lan rộng khắp cõi thế gian.

63/- Sā dantadhātu sasikhaṇḍasamānavaṇṇā raṃsīhi kundanavacandanapaṇḍarehi, pāsādagopurasiluccayapādapādiṃ niddhotarūpiyamayaṃ va akā khaṇena. Xá-lợi răng ấy có màu sắc tợ như mảnh trăng với các tia sáng màu trắng nhạt của hoa nhài và gỗ trầm hương còn non đã làm cho các lầu đài, cổng thành, núi non, v.v... giống như được cấu tạo bằng bạc tinh khiết.

64/- Tappāṭihāriyamacintiyamaccuḷāraṃ disvāna ke tahimahesumahaṭṭhalomā, ke vā nayuṃ sakasakābharaṇāni gehaṃ ke vā na attapaṭilābhamavaṇṇayiṃsu. Sau khi chứng kiến sự kỳ diệu không thể tưởng tượng và vô cùng tuyệt vời ấy, những ai ở nơi ấy đã không rởn lông? Hoặc những ai đã không

mang về nhà các vật trang sức của chính bản thân? Hoặc những ai đã không phô bày thái độ tán thán của mình?

65/- Ke no jahiṃsu sakadiṭṭhimalānubaddhaṃ ke vā na buddhamahimaṃ abhipatthayiṃsu, ke nāma macchariyapāsavasā ahesuṃ vatthuttayañca saraṇaṃ na gamiṃsu ke vā. Những ai đã không từ bỏ tà kiến bị tiêm nhiễm của bản thân? Hoặc những ai đã không ngợi ca tính chất vĩ đại của đức Phật? Những ai đã bị sự ô nhiễm của lòng bỏn xẻn? Hoặc những ai đã không đi đến nương tựa vào Tam Bảo?

66/- Laṅkissaropi navalakkhaparibbayena sabbaññudhātumatulaṃ abhipūjayitvā, taṃ dantadhātubhavanaṃ puna vaḍḍhayitvā antepuramhi paṭivāsaramaccayittha. Ngay cả đức vua xứ Laṅkā, sau khi cúng dường đến xá-lợi không gì sánh bằng của đấng Toàn Giác với chi phí là chín trăm ngàn, còn làm lớn thêm điện thờ xá-lợi răng ấy, và hàng ngày ở nội cung đã tỏ lòng tôn kính.

67/- Dhātuṃ vihāramabhayuttarameva netvā pūjaṃ vidhātumanuvaccharamevarūpaṃ, rājātha kittisirimeghasamavhayo so

cārittalekhamabhilekhayi saccasandho. Sau đó, đức vua có tên là Kittisirimegha1 ấy, là người tôn trọng sự chân thật, đã rước xá-lợi đến tại tu viện Abhayuttara2 để thực hiện sự tôn vinh tương tợ như thế ấy hàng năm, và đã quy định văn bản trở thành truyền thống.

68/- Cārittametamitare pi pavattayantā te buddhadāsapamukhā vasudhādhināthā, saddhādayādhikaguṇābharaṇābhirāmā taṃ sakkariṃsu bahudhā jinadantadhātuṃ.

1
Vị vua này trị vì xứ Laṅkā 27 năm (299-327 sau công nguyên).
2
Công trình xây dựng ở tại phía bắc Anurādhapura, được biết tên là Abhayagiri.
Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Chương thứ năm

Các vị vua khác, bắt đầu là Buddhadāsa, 1 hoan hỷ việc trau giồi các đức hạnh cao quý là đức tin và lòng từ ái, trong lúc duy trì truyền thống này cũng đã thờ phụng xá-lợi răng ấy của đấng Chiến Thắng theo nhiều phương thức.

69/- Satthārā sambhatatthaṃ purimatarabhave sampajānaṃ pajānaṃ sambodhiṃ tassa sabbāsavavigamakariṃ saddahantodahanto, sotaṃ tassaggadhamme nipuṇamatisataṃ saṅgame saṅgamesaṃ nibbāṇaṃ santamicche tibhavabhayapariccāgahetuṃ gahetuṃ. Những chúng sanh thấu hiểu việc lợi ích được bậc Đạo Sư tích lũy trong thời quá khứ trước đây, có niềm tin và lưu tâm đến quả vị Toàn Giác là việc đoạn tận tất cả các lậu hoặc của Ngài, là những người gắn bó vào tập thể các thiện nhân có trí tuệ sắc bén, và có sự lắng nghe Giáo Pháp cao quý của Ngài nên ước ao thành tựu Niết Bàn thanh tịnh là nhân từ bỏ các nỗi lo sợ trong tam giới.

Pañcamo paricchedo. Chương thứ năm.

*****

DĀṬHĀVAṂSA SAMATTO. SỬ LIỆU VỀ XÁ-LỢI RĂNG PHẬT ĐƯỢC HOÀN TẤT. T

--ooOoo--

1 Vị vua này của xứ Laṅkā ngoài các công đức hộ trì Phật Giáo còn được biết tiếng là có tài phẩu thuật và điều trị bệnh. Ngài là vị vua có lòng từ bi đã thiết lập hệ thống y tế khắp các thôn làng để chăm sóc bệnh nhân, người tàn tật, và binh sĩ. Đức vua còn tổ chức hệ thống thú y phục vụ ngựa và voi nữa (ND).

KATTUSANDASSANAGĀTHĀ BÀI KỆ GIỚI THIỆU TÁC GIẢ 1/- Yo candagomiracite varasaddasatthe ṭīkaṃ pasatthamakarittha ca pañcikāya, buddhippabhāvajananiñca akā samantapāsādikāya vinayaṭṭhakathāya ṭīkaṃ. Vị ấy đã thực hiện bản Sớ Giải (Ṭīkā) đáng ngợi khen cho tác phẩm Pañcikā là tập sách văn phạm tuyệt vời được thực hiện bởi tác giả Candagomī, 1 và đã thực hiện bộ Sớ Giải cho bản Chú Giải Luật Samantapāsādikā là nguồn đem lại sức mạnh của trí tuệ.

2/- Aṅguttarāgamavaraṭṭhakathāya ṭīkaṃ sammohavibbhamavighātakariṃ akāsi, atthāya saṃyamigaṇassa padhānikassa ganthaṃ akā vinayasaṅgahanāmadheyyaṃ. Vị

ấy đã thực hiện Sớ Giải cho bộ Chú Giải cao quý của Kinh Tăng Chi (có khả năng) làm tiêu tan các điều si mê và nghi hoặc nhằm đem lại lợi ích cho những người có sự thu thúc và nỗ lực tu tập, và đã thực hiện tập sách tên là Vinayasaṅgaha.

3/- Santindriyassa paṭipattiparāyaṇassa sallekhavuttiniratassa samāhitassa, appicchatādiguṇayogavibhūsanassa sambuddhasāsanamahodayakāraṇassa. Vị ấy có các căn an tịnh, gắn bó với pháp Hành, kham nhẫn, hoan hỷ trong phận sự, thành tựu về thiền định, có tánh nết tốt đẹp là chăm chú vào các hạnh lành ví dụ như ham muốn ít, v.v... Vị ấy là nhân tố cho sự phát triển vững mạnh đối với Giáo Pháp của đấng Toàn Giác.

4/- Sabbesu ācariyataṃ paramaṃ gatassa satthesu sabbasamayantarakovidassa, sissena sāritanujassa mahādisāmipādassa tassa vimalanvayasambhavassa.

1 Candagomī (Candragomin) là nhà văn phạm đã viết nên tập văn phạm Saṅskrit nổi tiếng tên Candravyākaraṇa (ND).

Sử Liệu về Xá Lợi Răng Phật Bài Kệ Giới Thiệu về Tác Giả

Là vị đã đạt đến tột đỉnh về sự nghiệp dạy dỗ trong số tất cả, và là vị có sự thông thái trong số các vị thầy thuộc về mọi thời đại, vị ấy là đệ tử ở dưới trướng của vị đại sư Sāriputta là vị có nguồn gốc xuất thân không bị uế nhiễm.

5/- Suddhanvayena karuṇādiguṇodayena takkāgamādikusalena visāradena, sabbattha patthaṭasudhākararaṃsijāla- saṅkāsakittivisarena parikkhakena. Là vị thuộc dòng dõi thuần khiết, có truyền thống về đức tánh tốt như lòng bi mẫn, v.v..., là vị rành rẽ và thiện xảo về lý luận và kinh điển, v.v... là người có sự suy xét, và là vị có danh tiếng lan xa tương tợ như mạng lưới hào quang của mặt trăng trải ra khắp mọi nơi.

6/- Saddhādhanena sakhilena ca dhammakitti nāmena rājagarunācariyena eso, sotuppasādajanano jinadantadhātuvaṃso kato nikhiladassipabhāvadīpo. Tác phẩm "Sử Liệu về Xá-Lợi Răng của Đấng Chiến Thắng" này là ngọn đèn có khả năng giúp cho nhìn thấy rõ ràng, là nguồn phát sanh lên niềm tin cho người lắng nghe đã được thực hiện bởi vị tên Dhammakitti, là giáo thọ sư kính mến của đức vua, là người có sự bặt thiệp và có đức tin là tài sản.

7/- Dhammo pavattatu cirāya munissarassa dhamme ṭhitā vasumatīpatayo bhavantu, kāle pavassatu ghano nikhilā pajāpi aññoññamettipaṭilābhasukhaṃ labhantu. Xin cho Giáo Pháp của đấng Mâu Ni được lưu truyền dài lâu. Mong rằng các đấng quân vương luôn duy trì công lý. Xin mây hãy đổ mưa đúng thời. Đồng thời hết thảy chúng sanh đều thành tựu sự an vui do tình thân hữu với nhau đem lại.

--ooOoo--

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.